**SỞ GD&ĐT: ……**
**TRƯỜNG: ……**
**TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP**

# KẾ HOẠCH BÀI DẠY
## HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 11
*(Năm học 2026 - 2027)*

## CHỦ ĐỀ 1. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG
*(Số tiết: 9 — tuần 1 đến tuần 3, tiết 1 đến tiết 9)*

Giáo viên: …… | Lớp: …… | Ngày dạy: ……

## I. MỤC TIÊU

### 1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

– Nêu được cách phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và với bạn bè, mỗi phía ít nhất ba cách kèm kết quả cụ thể đã đạt được.

– Nêu được cách làm chủ và kiểm soát các mối quan hệ với bạn bè ở trường cũng như qua mạng xã hội; chỉ ra được mối quan hệ nào bản thân đã làm chủ và mối quan hệ nào chưa.

– Xử lí được các tình huống về quan hệ bạn bè ở trường và trên mạng xã hội theo hướng giữ được chính kiến, từ chối được lời rủ rê không lành mạnh và không làm tổn thương người khác.

– Thiết kế được một sản phẩm góp phần phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè như cẩm nang, áp phích hoặc tờ tin của lớp.

– Hợp tác được với bạn để lập và thực hiện một kế hoạch hoạt động xây dựng, phát triển nhà trường có đủ thành viên, mục tiêu, thời gian, nội dung, phương tiện và phân công nhiệm vụ.

– Lập được kế hoạch và đánh giá được hiệu quả của một hoạt động phát huy truyền thống nhà trường bằng phiếu hỏi, phỏng vấn và hồi cứu tư liệu; viết và trình bày được báo cáo kết quả.

– Thực hiện được các hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh do nhà trường và địa phương tổ chức.

### 2. Năng lực

**Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp:** năng lực thích ứng với cuộc sống khi điều chỉnh cách ứng xử cho hợp từng mối quan hệ ở trường và trên mạng; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi lập kế hoạch xây dựng nhà trường, phân công nhiệm vụ, khảo sát và viết báo cáo đánh giá.

**Năng lực chung:** tự chủ và tự học khi tự soi lại các mối quan hệ của mình và tự quyết định giữ hay dừng một mối quan hệ; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm, phỏng vấn và thuyết phục bạn; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi xử lí ba tình huống bạn bè và khi xử lí số liệu khảo sát thu về.

**Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)**

**2.5.NC1a – 2.5. Quy tắc ứng xử trên mạng — Nhận thức được các chuẩn mực hành vi và kiến thức khi sử dụng công nghệ số và tương tác trong môi trường số. Điều chỉnh các chiến lược giao tiếp phù hợp với đối tượng cụ thể và nhận thức đa dạng về văn hóa và thế hệ trong môi trường số.. Cụ thể trong chủ đề này: HS lập bộ quy tắc ứng xử của lớp trên mạng xã hội, rà soát 3 tình huống bình luận về thầy cô, bạn bè trên phiếu và viết lại lời lẽ cho đúng chuẩn mực, giải thích lí do từng chỗ sửa.**

**11.A1 – A1. Tính chủ động của con người — Quy trình sử dụng AI an toàn / AI để nâng cao năng lực. Cụ thể trong chủ đề này: HS xây dựng quy trình 4 bước dùng trợ lí AI miễn phí để gợi ý hoạt động phát huy truyền thống trường, đối chiếu từng gợi ý với nội quy nhà trường rồi mới đưa vào kế hoạch tổ.**

**Minh chứng:** bộ quy tắc ứng xử trên mạng của lớp; phiếu ba lời bình luận đã được viết lại kèm lí do sửa; bảng quy trình bốn bước dùng trợ lí ảo có cột kết luận giữ hoặc bỏ từng gợi ý; kế hoạch hoạt động và báo cáo đánh giá hiệu quả của nhóm.

**3. Phẩm chất**

**Nhân ái:** kính trọng thầy cô; quan tâm, giúp đỡ bạn và không hùa theo đám đông để làm tổn thương người khác.

**Trách nhiệm:** nhận nhiệm vụ đã phân công và làm đến nơi đến chốn; giữ gìn cảnh quan, tài sản chung của nhà trường.

**Trung thực:** ghi đúng điều mình quan sát được khi khảo sát, không sửa số liệu cho đẹp báo cáo.

**Chăm chỉ:** theo đuổi kế hoạch của nhóm đến khi có kết quả và có báo cáo.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**Giáo viên:** sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 5–12 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có nối mạng; giấy A3, giấy A4, bút màu, giấy nhớ; bản in ba tình huống ở trang 8; bản in khung kế hoạch hoạt động trang 9 và khung kế hoạch đánh giá trang 10–11; bản in ba lời bình luận trên mạng dùng cho phần rà soát quy tắc ứng xử; bản in nội quy nhà trường; phiếu học tập ở Phụ lục 1; phiếu hỏi và bảng câu hỏi phỏng vấn đã nhân bản đủ cho các nhóm.

**Học sinh:** sách giáo khoa, vở, bút; giấy nhớ; tư liệu, ảnh về hoạt động phát huy truyền thống mà lớp hoặc trường đã tổ chức.

**Phương án dự phòng:** trường chỉ có một máy tính của giáo viên nên mọi thao tác trên máy đều do giáo viên làm, học sinh quan sát qua tivi và ghi kết quả vào phiếu giấy. Khi mất điện hoặc mất mạng, giáo viên dùng bản in ba gợi ý của trợ lí ảo và bản in ba lời bình luận đã chuẩn bị từ trước; toàn bộ nhiệm vụ vẫn làm trọn vẹn trên giấy. Số liệu khảo sát được cộng bằng tay và vẽ biểu đồ cột bằng bút màu trên giấy A3.

**An toàn:** học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân trên máy của lớp, không nhập họ tên thật, số điện thoại, địa chỉ nhà hay ảnh riêng lên bất kì trang nào và không đăng bài, bình luận lên mạng trong giờ học. Ba lời bình luận dùng để rà soát là lời giả định, không lấy từ trang cá nhân của ai và không nêu tên bạn trong lớp. Khi lao động làm sạch cảnh quan phải

đeo khẩu trang, găng tay, không trèo cao, không dùng dụng cụ sắc nhọn khi chưa được hướng dẫn. Khi phỏng vấn thầy cô hoặc cha mẹ học sinh phải xin phép trước và hỏi đúng nội dung đã duyệt.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**Mạch bài:** quan hệ với thầy cô và bạn bè → làm chủ quan hệ ngoài đời và trên mạng → xử lí tình huống khó → làm ra một sản phẩm cho tình thầy trò, tình bạn → hợp tác xây dựng nhà trường → đánh giá hiệu quả bằng số liệu thật.

| Tiết | Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm | Sản phẩm nối tiếp | Thời gian |
|---|---|---|---|
| 1 | Em đã làm gì để quan hệ với thầy cô, bạn bè trở nên tốt đẹp hơn? | Bảng hai cột cách phát triển quan hệ với thầy cô và với bạn bè | 45 phút |
| 2 | Quan hệ nào em đã làm chủ được, quan hệ nào còn chưa? | Phiếu tự soi ba mối quan hệ kèm sáu cách làm chủ | 45 phút |
| 3 | Lời lẽ thế nào là đúng mực khi nói với nhau trên mạng? | Bộ quy tắc ứng xử trên mạng của lớp và ba lời bình luận đã viết lại | 45 phút |
| 4 | Gặp tình huống bạn ép, bạn rủ đi gây sự thì em xử lí ra sao? | Ba cách xử lí tình huống kèm lời thoại đóng vai | 45 phút |
| 5 | Làm sản phẩm gì để lan toả tình thầy trò, tình bạn trong lớp? | Cẩm nang hoặc áp phích của nhóm về tình thầy trò, tình bạn | 45 phút |
| 6 | Nhóm em chọn làm việc gì để góp phần xây dựng nhà trường? | Kế hoạch hoạt động của nhóm đủ bảy mục theo mẫu trang 9 | 45 phút |
| 7 | Nhờ trợ lí ảo gợi ý thì phải kiểm lại những gì trước khi dùng? | Bảng quy trình bốn bước kèm kết luận giữ hoặc bỏ từng gợi ý | 45 phút |
| 8 | Muốn biết một hoạt động có hiệu quả thì hỏi ai và hỏi điều gì? | Kế hoạch đánh giá và bộ công cụ khảo sát của nhóm | 45 phút |
| 9 | Số liệu thu về nói lên điều gì và lần sau nên làm khác thế nào? | Báo cáo đánh giá hiệu quả và phiếu tự đánh giá chủ đề | 45 phút |

## TIẾT 1. PHÁT TRIỂN MỐI QUAN HỆ TỐT ĐẸP VỚI THẦY CÔ, BẠN BÈ

### Hoạt động 1. Mở đầu – Người thầy và người bạn em nhớ nhất (8′)

**a) Mục tiêu:** Khơi lại kỉ niệm về thầy cô và bạn bè để làm xuất hiện nhu cầu tìm hiểu cách giữ gìn, phát triển những mối quan hệ ấy.

**b) Nội dung:** Giáo viên chiếu bức tranh mở đầu chủ đề ở sách giáo khoa trang 5 rồi nêu ba câu hỏi mở đầu ở mục A của Phụ lục 1. Học sinh viết nhanh câu trả lời của mình.

**c) Sản phẩm:** Ba câu trả lời ngắn ở mục A Phụ lục 1 của mỗi học sinh; danh sách những điều lớp muốn biết thêm được ghi lên bảng.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (1′):** Giáo viên chiếu tranh mở đầu chủ đề trang 5, phát Phụ lục 1 và yêu cầu mỗi em trả lời ba câu hỏi ở mục A trong ba phút, viết ngắn gọn, không cần tên bạn.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (3′):** Học sinh nhớ lại và tự viết. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào mới chỉ kể sự việc mà chưa nói được vì sao mối quan hệ ấy đáng nhớ.

**3. Báo cáo, thảo luận (3′):** Bốn đến năm học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên ghi lên bảng thành hai cột: điều làm quan hệ tốt lên và điều làm quan hệ xấu đi.

**4. Kết luận, nhận định (1′):** GV chốt: Quan hệ tốt đẹp không tự nhiên mà có, nó được tạo ra bằng những việc rất nhỏ lặp lại hằng ngày. Chủ đề này sẽ gọi tên những việc ấy và tập làm cho quen.

**Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề**

**a) Mục tiêu:** Đi hết bốn định hướng nội dung của chủ đề ở sách giáo khoa trang 6, từ phát triển quan hệ với thầy cô, bạn bè đến làm chủ quan hệ trên mạng, hợp tác xây dựng nhà trường và đánh giá hiệu quả hoạt động phát huy truyền thống.

**b) Nội dung:** Mười nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 1 đến tiết 8, bám bảy hoạt động của sách giáo khoa từ trang 7 đến trang 12.

**c) Sản phẩm:** Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện**

| Phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô | Phát triển mối quan hệ tốt đẹp với bạn bè |
|---|---|
| – Gần gũi, cởi mở trò chuyện, học hỏi thầy cô. | – Gần gũi, cởi mở trò chuyện, khiêm tốn học hỏi bạn bè. |
| – Kính trọng, lễ phép. | – Lôi cuốn bạn cùng tham gia các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động xã hội. |
| – Hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập và các nhiệm vụ được thầy cô, lớp, trường giao phó. | – Cùng hợp tác thực hiện các nhiệm vụ chung. |
| – … | – … |

*Bảng gợi ý cách phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và với bạn bè — SGK trang 7*

**Nhiệm vụ 2.1. Chia sẻ và thảo luận cách phát triển mối quan hệ tốt đẹp (37′)**

**a) Mục tiêu:** Nêu được cách phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và với bạn bè, kèm kết quả cụ thể mà cách làm đó đã mang lại.

**b) Nội dung:** Mỗi học sinh kể một cách mình đã làm và kết quả thu được. Sau đó các nhóm dùng bảng hai cột ở sách giáo khoa trang 7 làm khung, chép lại các gợi ý đã có rồi bổ sung thêm ít nhất hai cách mới cho mỗi cột từ trải nghiệm thật của nhóm.

**c) Sản phẩm:** Bảng hai cột trên giấy A3 của nhóm, mỗi cột có ít nhất năm cách kèm một kết quả cụ thể; hai cách được khoanh tròn là hai việc nhóm sẽ làm ngay trong tháng.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′):** Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát giấy A3 và bút màu, chiếu bảng hai cột ở trang 7 và nêu rõ mỗi cách ghi ra phải kèm một kết quả đã thấy được.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (17′):** Học sinh kể trong nhóm cách mình đã làm, thư kí gom vào đúng cột rồi nhóm nghĩ thêm cách mới. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi lại nhóm nào ghi cách chung chung: em đã làm việc đó lúc nào và sau đó thầy cô hay bạn phản hồi ra sao.

**3. Báo cáo, thảo luận (10′):** Ba nhóm treo bảng và trình bày, mỗi nhóm khoảng ba phút. Ba nhóm còn lại bổ sung cách mà nhóm bạn chưa có và nêu kết quả kèm theo.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Cách phát triển quan hệ với thầy cô nghiêng về sự kính trọng và hoàn thành nhiệm vụ được giao, còn với bạn bè nghiêng về sự cởi mở và cùng làm việc chung. Điểm chung của cả hai là chủ động trước, không chờ người khác mở lời.

## TIẾT 2. LÀM CHỦ VÀ KIỂM SOÁT CÁC MỐI QUAN HỆ BẠN BÈ

**Kết nối hai tiết (3′):** Tiết trước lớp đã có bảng hai cột cách phát triển quan hệ tốt đẹp. Tiết này đi vào phần khó hơn: có những mối quan hệ khiến em thấy mệt, thấy bị cuốn theo, và em cần tự mình cầm lái.

### Nhiệm vụ 2.2. Soi lại các mối quan hệ bạn bè ở trường và trên mạng (20′)

**a) Mục tiêu:** Chỉ ra được mối quan hệ bạn bè nào bản thân đã làm chủ, kiểm soát được và mối quan hệ nào chưa; nói được cách mình đã dùng để làm chủ mối quan hệ đó.

**b) Nội dung:** Theo ba gợi ý chia sẻ ở sách giáo khoa trang 7, mỗi học sinh tự viết vào phiếu ba mối quan hệ: một mối quan hệ đã làm chủ tốt, một mối quan hệ ở trường còn chưa làm chủ và một mối quan hệ trên mạng còn chưa làm chủ, không nêu tên bạn.

**c) Sản phẩm:** Phiếu tự soi ba mối quan hệ của mỗi học sinh, mỗi dòng ghi bối cảnh, cách đã làm hoặc điều còn lúng túng, không có tên riêng của bạn nào trong lớp.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên nêu quy ước của tiết học: chỉ viết về cảm nhận của mình, thay tên bạn bằng chữ cái, và phiếu này chỉ dùng để tự sửa chứ không thu chấm điểm.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (9′):** Học sinh viết phiếu cá nhân. Giáo viên đi một vòng, gợi ý em nào bí bằng câu hỏi: có lần nào em đồng ý một việc chỉ vì ngại từ chối không.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Bốn học sinh xung phong chia sẻ một dòng trong phiếu. Lớp nghe, không bình luận về người, chỉ nêu tình huống tương tự mình cũng gặp.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Làm chủ một mối quan hệ nghĩa là em quyết định mình tham gia đến đâu, chứ không phải cắt đứt quan hệ. Gọi tên được chỗ mình còn bị cuốn theo là bước đầu tiên.

*Sáu thẻ gợi ý cách làm chủ và kiểm soát các mối quan hệ với bạn bè — SGK trang 7*

### Nhiệm vụ 2.3. Thảo luận sáu cách làm chủ và kiểm soát mối quan hệ (22′)

**a) Mục tiêu:** Nêu được các cách làm chủ, kiểm soát mối quan hệ với bạn bè ở trường và qua mạng xã hội; ghép được mỗi cách với tình huống nó xử lí được.

**b) Nội dung:** Từ năm thẻ gợi ý ở sách giáo khoa trang 7 và một thẻ để trống, các nhóm chép lại năm cách đã có, điền thêm ít nhất một cách mới vào thẻ trống rồi ghép mỗi cách với một tình huống có thật mà nhóm từng gặp.

**c) Sản phẩm:** Bảng ghép của nhóm gồm sáu cách làm chủ, mỗi cách đặt cạnh một tình huống cụ thể mà cách đó xử lí được.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên chiếu sáu thẻ gợi ý ở trang 7, phát mỗi nhóm sáu thẻ giấy màu và nêu nhiệm vụ ghép cách làm chủ với tình huống.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm chép năm cách có sẵn, nghĩ thêm cách cho thẻ trống rồi ghi tình huống tương ứng. Giáo viên nhắc tình huống phải là chuyện có thể xảy ra ở lớp mình, không lấy chuyện trên phim.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Ba nhóm dán bảng ghép lên bảng lớp và trình bày. Lớp chỉ ra cách nào khó làm nhất và vì sao khó.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Trong sáu cách thì kiên định từ chối và chủ động kết thúc mối quan hệ khi cần là hai cách khó nhất, vì phải chịu được cảm giác mất lòng bạn trong chốc lát. Nhưng đó chính là chỗ phân biệt người làm chủ quan hệ với người bị cuốn theo.

## TIẾT 3. QUY TẮC ỨNG XỬ TRÊN MẠNG XÃ HỘI CỦA LỚP

**Kết nối hai tiết (3′):** Sáu cách làm chủ ở tiết trước dùng được cả ngoài đời lẫn trên mạng. Nhưng trên mạng, lời nói để lại dấu vết và lan đi rất nhanh, nên lớp cần một bộ quy tắc riêng cho mình.

**Nhiệm vụ 2.4. Soạn bộ quy tắc ứng xử trên mạng và viết lại ba lời bình luận (42′)**

**a) Mục tiêu:** Nêu được các quy tắc ứng xử cần giữ khi giao tiếp với thầy cô, bạn bè trên mạng xã hội; nhận ra chỗ chưa đúng mực trong một lời bình luận và viết lại cho phù hợp, có nêu lí do sửa.

**b) Nội dung:** Giáo viên phát bản in ba lời bình luận giả định: một lời chê bai ngoại hình của bạn, một lời nhận xét gay gắt về thầy cô viết trên nhóm lớp, một lời chia sẻ lại tin chưa kiểm chứng về một bạn cùng trường. Các nhóm chỉ ra chỗ sai, viết lại từng lời rồi rút ra quy tắc chung cho lớp, ghi vào mục C Phụ lục 1.

**c) Sản phẩm:** Bộ quy tắc ứng xử trên mạng của lớp gồm ít nhất sáu điều viết ở thể khẳng định; phiếu ba lời bình luận đã được viết lại, mỗi lời kèm một câu nêu lí do sửa.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên phát bản in ba lời bình luận cho từng nhóm, nói rõ đây là lời giả định, không của bạn nào trong lớp; nêu ba việc phải làm là chỉ chỗ sai, viết lại và nêu lí do.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (18′):** Các nhóm gạch chân chỗ sai, viết lại từng lời vào phiếu rồi rút thành quy tắc. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi lại nhóm nào chỉ sửa cho nhẹ lời mà chưa bỏ được nội dung xúc phạm, và nhắc quy tắc phải viết là nên làm gì chứ không chỉ liệt kê điều cấm.

**3. Báo cáo, thảo luận (12′):** Các nhóm trình bày lời đã viết lại và đọc quy tắc của nhóm. Giáo viên gom các quy tắc trùng nhau lên bảng, cả lớp bỏ phiếu chọn sáu điều thành bộ quy tắc chung, viết vào giấy A3 dán ở góc lớp.

**4. Kết luận, nhận định (6′):** GV chốt: Ba lỗi hay gặp nhất khi nói chuyện trên mạng là chê bai ngoại hình, nhận xét người vắng mặt bằng lời gay gắt và chia sẻ lại tin chưa kiểm chứng. Lời trên mạng khác lời nói miệng ở chỗ nó còn lại và lan đi, nên trước khi gửi hãy đọc lại một lần và tự hỏi mình có dám nói câu đó trước mặt người ta không.

## TIẾT 4. XỬ LÍ BA TÌNH HUỐNG VỀ QUAN HỆ BẠN BÈ

**Kết nối hai tiết (3′):** Lớp đã có bộ quy tắc và đã biết sáu cách làm chủ quan hệ. Tiết này đem cả hai ra thử trong ba tình huống khó mà sách giáo khoa đặt ra.

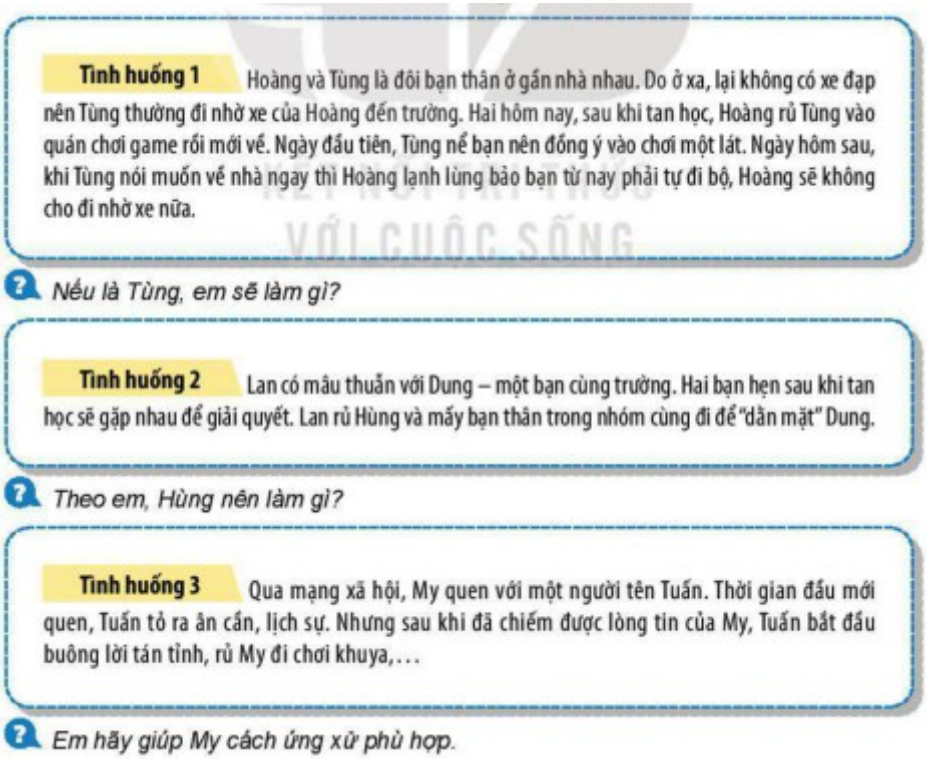


*Ba tình huống rèn kĩ năng làm chủ và kiểm soát mối quan hệ với bạn bè — SGK trang 8*

**Nhiệm vụ 2.5. Thảo luận và lựa chọn cách xử lí ba tình huống (42′)**

**a) Mục tiêu:** Lựa chọn và thực hiện được cách xử lí phù hợp cho ba tình huống về quan hệ bạn bè ở trường và qua mạng xã hội, giữ được chính kiến mà không làm tổn thương người khác.

**b) Nội dung:** Ba tình huống ở sách giáo khoa trang 8: Tùng bị Hoàng ép vào quán chơi game rồi doạ không cho đi nhờ xe; Hùng được Lan rủ đi cùng để dằn mặt Dung; My quen Tuấn qua mạng và bị Tuấn buông lời tán tỉnh, rủ đi chơi khuya. Mỗi nhóm nhận một tình huống, chọn cách xử lí rồi viết thành lời thoại để đóng vai.

**c) Sản phẩm:** Ba phương án xử lí, mỗi phương án gồm cách xử lí đã chọn, lời thoại khoảng sáu lượt và một câu nêu rõ dùng cách làm chủ nào trong sáu cách đã học.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên đọc ba tình huống, bốc thăm chia tình huống cho sáu nhóm để mỗi tình huống có hai nhóm cùng làm; nêu yêu cầu phải chỉ ra dùng cách làm chủ nào.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (16′):** Các nhóm bàn cách xử lí và viết lời thoại. Giáo viên gợi ý bằng câu hỏi riêng cho từng tình huống: Tùng có cách nào đi học mà không phụ thuộc xe của Hoàng không; Hùng đi cùng thì chuyện sẽ đi tới đâu; My nên nói với ai trước khi trả lời Tuấn.

**3. Báo cáo, thảo luận (14′):** Sáu nhóm lần lượt đóng vai, hai nhóm cùng tình huống diễn liền nhau để lớp so sánh. Sau mỗi cặp, lớp nêu phương án nào giữ được tình bạn mà vẫn giữ được nguyên tắc.

**4. Kết luận, nhận định (6′):** GV chốt: Cả ba tình huống đều có một điểm chung là bạn dùng tình cảm hoặc sự giúp đỡ để ép mình làm điều mình không muốn. Cách xử lí đúng là từ chối việc chứ không từ chối người, nói rõ lí do và tìm cách khác để tự lo phần của mình. Riêng tình huống trên mạng, việc bắt buộc là nói với người lớn tin cậy và dừng cuộc trò chuyện lại.

## TIẾT 5. THIẾT KẾ SẢN PHẨM VỀ TÌNH THẦY TRÒ, TÌNH BẠN

**Kết nối hai tiết (3′):** Bốn tiết qua lớp đã bàn khá nhiều về cách cư xử. Tiết này biến những điều đã bàn thành một sản phẩm cầm được trên tay để bạn khác cũng dùng được.

**Nhiệm vụ 2.6. Làm cẩm nang hoặc áp phích về tình thầy trò, tình bạn (42′)**

**a) Mục tiêu:** Thiết kế và trình bày được một sản phẩm góp phần phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè.

**b) Nội dung:** Theo gợi ý ở sách giáo khoa trang 8, mỗi nhóm chọn một hình thức là cẩm nang, áp phích hoặc tờ tin của lớp; nội dung gồm ba phần: lời khuyên về cách phát triển quan hệ tốt đẹp, cách ứng xử trong một số trường hợp phổ biến và một số câu ca dao, tục ngữ, danh ngôn về tình thầy trò, tình bạn. Nhóm lấy chất liệu từ bảng hai cột ở tiết 1 và bộ quy tắc ở tiết 3.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của nhóm trên giấy A3 hoặc tập giấy A4 gấp, đủ ba phần nội dung, có ít nhất năm lời khuyên, hai tình huống ứng xử mẫu và hai câu ca dao, tục ngữ hoặc danh ngôn.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên nêu ba hình thức sản phẩm và ba phần nội dung bắt buộc, phát giấy A3, giấy A4 và bút màu; nhắc sản phẩm phải đọc được từ xa nếu là áp phích.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (20′):** Các nhóm phân công người viết nội dung, người trình bày hình thức và cùng làm. Giáo viên đi từng nhóm, nhắc nhóm nào chép lại y nguyên gợi ý trong sách mà chưa thêm chất liệu của lớp mình.

**3. Báo cáo, thảo luận (11′):** Các nhóm treo sản phẩm quanh lớp và giới thiệu, mỗi nhóm khoảng hai phút. Lớp đi xem một vòng và dán giấy nhớ góp ý vào từng sản phẩm.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Một sản phẩm chỉ hữu ích khi người đọc biết mình phải làm gì sau khi đọc. Lời khuyên hay nhất là lời chỉ được một việc cụ thể chứ không phải lời hô hào chung chung. Các sản phẩm sẽ được treo ở lớp cho đến hết chủ đề.

## TIẾT 6. LẬP KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG

**Kết nối hai tiết (3′):** Sản phẩm ở tiết trước đã lan toả trong phạm vi lớp. Từ tiết này lớp bước ra phạm vi rộng hơn là cả nhà trường, và việc đầu tiên là có một bản kế hoạch chạy được.

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG**
**LÀM XANH – SẠCH – ĐẸP CẢNH QUAN NHÀ TRƯỜNG**

**Thành viên:** Các đoàn viên trong chi đoàn.

**Mục tiêu:**
- Góp phần phát huy truyền thống "Ngôi trường xanh – sạch – đẹp" của nhà trường.
- Rèn luyện kĩ năng hợp tác nhóm.

**Thời gian thực hiện:** 7h00 – 10h00 sáng Chủ nhật tuần cuối tháng 9.

**Nội dung:**
- Tổng vệ sinh sân trường, hành lang lớp học.
- Chăm sóc cây và hoa ở sân trường, hành lang lớp học.
- Trồng thêm cây cảnh và hoa ở sân trường.

**Phương tiện cần thiết:**
- Khẩu trang, găng tay.
- Chổi, hót rác.
- Cuốc, xẻng, kéo, bình tưới.
- Cây giống (cây cảnh, cây hoa).

**Phân công nhiệm vụ cho các thành viên:**
- Chuẩn bị các phương tiện: Các bạn...
- Tổng vệ sinh sân trường, hành lang lớp học: Các bạn...
- Chăm sóc cây và hoa ở sân trường, hành lang lớp học: Các bạn...
- Trồng thêm cây và hoa ở sân trường: Các bạn...
- Chụp ảnh ghi lại kết quả hoạt động: Bạn...
- Đánh giá kết quả hoạt động: Các đoàn viên trong Chi đoàn.
- Viết báo cáo: Ban Chấp hành Chi đoàn.
- Trình bày báo cáo: Bí thư Chi đoàn.

*Kế hoạch mẫu hoạt động làm xanh – sạch – đẹp cảnh quan nhà trường — SGK trang 9*

### Nhiệm vụ 2.7. Chọn hoạt động và xây dựng kế hoạch của nhóm (42′)

**a) Mục tiêu:** Hợp tác với bạn để đề xuất, lựa chọn một hoạt động xây dựng và phát triển nhà trường và lập được kế hoạch đủ các mục theo mẫu của sách giáo khoa.

**b) Nội dung:** Mỗi nhóm đề xuất ít nhất ba ý tưởng rồi bỏ phiếu chọn một, ví dụ làm xanh – sạch – đẹp cảnh quan, công trình của Đoàn Thanh niên hoặc góc đọc sách của lớp. Sau đó nhóm dùng khung kế hoạch mẫu ở sách giáo khoa trang 9 làm mẫu và điền vào bảng ở mục D Phụ lục 1, gồm thành viên, mục tiêu, thời gian thực hiện, nội dung, phương tiện cần thiết và phân công nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bản kế hoạch hoạt động của nhóm đủ sáu mục theo mẫu trang 9, trong đó phần phân công ghi rõ tên người phụ trách cho từng đầu việc, kể cả việc chụp ảnh ghi lại kết quả, viết báo cáo và trình bày báo cáo.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên chiếu khung kế hoạch mẫu ở trang 9, chỉ ra sáu mục và nhấn mạnh hai mục hay bị bỏ sót là phương tiện cần thiết và phân công nhiệm vụ tới từng người.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (18′):** Các nhóm đề xuất ý tưởng, bỏ phiếu chọn một rồi điền bảng kế hoạch. Giáo viên đi từng nhóm, kiểm ba điều: hoạt động có làm được trong điều kiện của trường không, mỗi đầu việc đã có tên người chưa và phương tiện có thứ nào cần xin phép nhà trường không.

**3. Báo cáo, thảo luận (12′):** Ba nhóm trình bày kế hoạch. Các nhóm còn lại đóng vai ban duyệt, hỏi ba câu: việc này làm vào lúc nào, ai cầm phương tiện gì và nếu hôm đó mưa thì làm sao.

**4. Kết luận, nhận định (6′):** GV chốt: Một kế hoạch chạy được khi mỗi đầu việc có tên người và có mốc thời gian, và khi có sẵn phương án cho tình huống bất lợi. Kế hoạch của các nhóm sẽ được thực hiện trong giờ sinh hoạt lớp và một buổi cuối tuần, có báo cáo lại ở tiết 9.

## TIẾT 7. QUY TRÌNH DÙNG TRỢ LÍ ẢO ĐỂ LẤY GỢI Ý HOẠT ĐỘNG

**Kết nối hai tiết (3′):** Kế hoạch của nhóm đã có nhưng phần nội dung còn mỏng. Tiết này thử nhờ máy gợi ý thêm, và quan trọng hơn là thống nhất cách kiểm lại gợi ý trước khi dùng.

**Nhiệm vụ 2.8. Xây dựng quy trình bốn bước và sàng lọc gợi ý của trợ lí ảo (42′)**

**a) Mục tiêu:** Xây dựng và thực hiện được quy trình bốn bước dùng trợ lí ảo để lấy gợi ý hoạt động phát huy truyền thống nhà trường; đối chiếu từng gợi ý với nội quy và điều kiện thật của trường rồi mới quyết định giữ hay bỏ.

**b) Nội dung:** Cả lớp cùng đặt ra quy trình bốn bước: nêu rõ yêu cầu và bối cảnh của trường; đọc kĩ kết quả máy trả về; đối chiếu từng gợi ý với nội quy nhà trường và điều kiện có thật; quyết định giữ, sửa hay bỏ và ghi lí do. Giáo viên thao tác trên máy của lớp, chiếu lên tivi cho cả lớp cùng nhìn; học sinh ghi kết quả vào bảng bốn bước ở mục C Phụ lục 1.

**c) Sản phẩm:** Bảng quy trình bốn bước của mỗi nhóm, có cột kết luận giữ, sửa hoặc bỏ cho từng gợi ý kèm lí do dựa vào một điều trong nội quy hoặc một điều kiện thật của trường; ít nhất một gợi ý đã sửa được đưa vào phần nội dung của kế hoạch tiết 6.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (7′):** Giáo viên nêu bốn bước rồi làm mẫu bước một trên máy của lớp: gõ yêu cầu chung chung thì máy trả về gợi ý dùng cho trường nào cũng được; thêm bối cảnh về số tiết, sân trường và số học sinh thì kết quả sát hơn. Học sinh quan sát qua tivi và ghi lại hai cách nêu yêu cầu để so sánh.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (16′):** Giáo viên chiếu ba gợi ý máy trả về. Các nhóm đọc, đối chiếu với bản in nội quy và với điều kiện thật của trường rồi điền bảng bốn bước. Giáo viên nhắc mỗi lí do phải chỉ được vào một điều cụ thể, không viết là không phù hợp rồi để đó.

**3. Báo cáo, thảo luận (13′):** Bốn nhóm trình bày bảng của mình: đọc gợi ý gốc, nêu kết luận giữ, sửa hay bỏ và lí do. Lớp phản biện bằng một câu hỏi: chi tiết em vừa thêm vào lấy căn cứ từ đâu.

**4. Kết luận, nhận định (6′):** GV chốt: Trợ lí ảo viết trôi chảy nhưng không biết trường mình có bao nhiêu tiết sinh hoạt dưới cờ, sân trường rộng bao nhiêu hay nội quy quy định giờ nào. Vì vậy gợi ý của máy chỉ là bản nháp. Bốn bước vừa làm là cách để mình vẫn là người quyết định, và bước quan trọng nhất là bước đối chiếu.

## TIẾT 8. LẬP KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG

**Kết nối hai tiết (3′):** Các nhóm đã thực hiện xong kế hoạch của mình. Câu hỏi còn lại là hoạt động ấy có hiệu quả thật không, và muốn trả lời thì phải đi hỏi chứ không thể đoán.

**KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG NHÀ TRƯỜNG**

- Tên hoạt động được đánh giá:.....
- Thời gian tiến hành đánh giá:.....
- Nội dung/Tiêu chí đánh giá:
  - + Nhận thức, cảm xúc của học sinh về truyền thống của nhà trường.
  - + Nhận thức của học sinh về trách nhiệm của bản thân trong việc giữ gìn và phát huy truyền thống nhà trường.
  - + Số học sinh tham gia hoạt động.
  - + Hứng thú của học sinh đối với hoạt động.
  - + Kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.
  - + Sự ủng hộ của cha mẹ học sinh và các lực lượng giáo dục khác đối với hoạt động.
- Phương pháp đánh giá:
  - + Khảo sát bằng phiếu hỏi các bạn học sinh trong lớp, trong trường.
  - + Phỏng vấn một số học sinh, thầy, cô giáo, cha mẹ học sinh và các lực lượng giáo dục khác của trường.
  - + Hồi cứu các tư liệu hoạt động (nếu có): Kế hoạch tổ chức hoạt động, bản thu hoạch của các học sinh đã tham gia hoạt động, báo cáo kết quả tổ chức hoạt động,...

*Khung kế hoạch đánh giá hiệu quả hoạt động phát huy truyền thống nhà trường — SGK trang 10*

**Nhiệm vụ 2.9. Chọn tiêu chí và phương pháp đánh giá (20′)**

**a) Mục tiêu:** Lựa chọn được một hoạt động phát huy truyền thống nhà trường để đánh giá và xác định được tiêu chí, phương pháp đánh giá phù hợp.

**b) Nội dung:** Từ khung ở sách giáo khoa trang 10, mỗi nhóm chọn một hoạt động đã tổ chức, chọn ba trong sáu tiêu chí đánh giá và chọn phương pháp phù hợp trong ba phương pháp là khảo sát bằng phiếu hỏi, phỏng vấn và hồi cứu tư liệu hoạt động.

**c) Sản phẩm:** Phần đầu bản kế hoạch đánh giá của nhóm: tên hoạt động, thời gian đánh giá, ba tiêu chí đã chọn và phương pháp tương ứng cho từng tiêu chí.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên chiếu khung kế hoạch đánh giá ở trang 10, đọc sáu tiêu chí và ba phương pháp, nêu yêu cầu mỗi nhóm chọn ba tiêu chí và ghép phương pháp cho từng tiêu chí.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (9′):** Các nhóm chọn hoạt động và điền phần đầu kế hoạch. Giáo viên hỏi lại nhóm nào chọn tiêu chí về số học sinh tham gia mà lại định dùng phỏng vấn: con số đó nên lấy ở đâu cho nhanh và chính xác hơn.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Ba nhóm trình bày phần đã chọn. Lớp nhận xét cặp tiêu chí và phương pháp nào chưa hợp nhau và đề nghị đổi.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Mỗi tiêu chí đòi một cách lấy tin khác nhau. Muốn biết số lượng thì đếm hoặc hỏi cứu tư liệu, muốn biết cảm xúc và nhận thức thì hỏi bằng phiếu hoặc phỏng vấn. Chọn sai phương pháp thì số liệu thu về không dùng được.

**Nhiệm vụ 2.10. Thiết kế bộ công cụ khảo sát và phân công công việc (22′)**

**a) Mục tiêu:** Thiết kế được bộ công cụ khảo sát gồm phiếu hỏi và bảng câu hỏi phỏng vấn; phân công được công việc, sản phẩm cần đạt, thời gian và người chịu trách nhiệm chính.

**b) Nội dung:** Theo bảng kế hoạch cụ thể ở sách giáo khoa trang 10 và trang 11 với năm cột và sáu dòng công việc từ 1.1 đến 1.6, mỗi nhóm viết năm câu hỏi cho phiếu hỏi học sinh, ba câu hỏi phỏng vấn thầy cô hoặc cha mẹ học sinh, rồi điền bảng phân công.

**c) Sản phẩm:** Bộ công cụ khảo sát của nhóm gồm phiếu hỏi năm câu và bảng phỏng vấn ba câu; bảng phân công năm cột với sáu dòng công việc, mỗi dòng có tên người phụ trách và mốc thời gian.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên chiếu bảng kế hoạch cụ thể ở trang 10 và trang 11, đọc sáu dòng công việc từ 1.1 đến 1.6 và phát mẫu phiếu hỏi để nhóm điền câu hỏi.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm viết câu hỏi và điền bảng phân công. Giáo viên đi từng nhóm, kiểm hai điều: câu hỏi có dẫn dắt người trả lời không và mỗi dòng công việc đã có tên người chưa.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Hai nhóm đọc phiếu hỏi của mình, lớp thử trả lời một câu để xem câu hỏi có dễ hiểu không. Giáo viên nhắc lại yêu cầu xin phép trước khi phỏng vấn thầy cô và cha mẹ.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Câu hỏi tốt là câu hỏi không gợi ý sẵn câu trả lời. Bộ công cụ chỉ được coi là xong khi có người thử trả lời mà không phải hỏi lại. Các nhóm khảo sát trong tuần này và mang số liệu tới tiết sau.

## TIẾT 9. BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

**Kết nối hai tiết (3′):** Các nhóm đã đi khảo sát và có số liệu trong tay. Tiết cuối làm nốt hai việc: đọc cho ra ý nghĩa của số liệu và nhìn lại cả chủ đề.

**Hoạt động 3. Luyện tập – Xử lí số liệu và viết báo cáo đánh giá (22′)**

**a) Mục tiêu:** Xử lí được thông tin, số liệu thu thập từ khảo sát và viết được báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động phát huy truyền thống nhà trường.

**b) Nội dung:** Các nhóm cộng số phiếu theo từng phương án trả lời, tính tỉ lệ phần trăm bằng tay, vẽ biểu đồ cột bằng bút màu trên giấy A3 rồi viết báo cáo gồm bốn phần: hoạt động được đánh giá, cách lấy số liệu, kết quả chính và nhận định về hiệu quả.

**c) Sản phẩm:** Bản báo cáo đánh giá của nhóm dài khoảng một trang giấy, kèm biểu đồ cột vẽ tay và ít nhất hai nhận định có dẫn chứng bằng số liệu thật của nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (4′):** Giáo viên hướng dẫn cách cộng phiếu và quy ra tỉ lệ phần trăm, làm mẫu một câu hỏi trên bảng; nêu bốn phần bắt buộc của báo cáo.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm cộng số liệu, vẽ biểu đồ và viết báo cáo. Giáo viên đi từng nhóm, nhắc nhóm nào viết nhận định mà không dẫn được con số nào từ phiếu của chính mình.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Ba nhóm trình bày báo cáo, mỗi nhóm khoảng một phút rưỡi. Lớp hỏi lại một câu về chỗ số liệu và kết luận chưa khớp nhau.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Báo cáo đánh giá khác bài kể chuyện ở chỗ mỗi nhận định đều dựa vào một con số cụ thể. Nếu số liệu cho thấy hoạt động chưa hiệu quả thì vẫn phải ghi đúng như vậy, vì đó mới là căn cứ để lần sau làm khác đi.

**Hoạt động 4. Vận dụng – Thực hiện kĩ năng trong thực tiễn và tự đánh giá chủ đề (20′)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kĩ năng đã rèn luyện vào cuộc sống hằng ngày, tiếp tục tham gia hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên và tự đánh giá kết quả trải nghiệm chủ đề.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu vận dụng ở sách giáo khoa trang 12, mỗi học sinh chọn hai kĩ năng để thực hiện trong bốn tuần tới, ghi nhật kí mỗi tuần một dòng về kết quả, thuận lợi, khó khăn và biện pháp khắc phục; đồng thời hoàn thành phiếu tự đánh giá theo sáu tiêu chí ở trang 12 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

**c) Sản phẩm:** Nhật kí bốn dòng của mỗi học sinh và phiếu tự đánh giá sáu tiêu chí đã đánh dấu mức đạt được, kèm tên sản phẩm chứng minh cho từng tiêu chí chọn mức Đạt.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên chiếu sáu tiêu chí ở trang 12, giải thích từng tiêu chí bằng sản phẩm cụ thể mà lớp đã làm trong chủ đề và nêu cách ghi nhật kí bốn tuần.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (8′):** Học sinh chọn hai kĩ năng, viết dự định và đánh dấu phiếu tự đánh giá, ghi kèm tên sản phẩm chứng minh. Giáo viên đi một vòng, giúp em nào chọn mức Đạt mà chưa nêu được sản phẩm nào.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Bốn học sinh chia sẻ tiêu chí mình chưa đạt và dự định làm tiếp; hai học sinh nêu hoạt động của Đoàn Thanh niên mà mình sẽ tham gia trong tháng tới. Lớp góp ý cách làm.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Chủ đề khép lại nhưng hai việc còn chạy tiếp là bộ quy tắc ứng xử trên mạng đang dán ở góc lớp và nhật kí bốn tuần của mỗi em. Nhật kí cùng phiếu tự đánh giá là căn cứ cho phần đánh giá thường xuyên của chủ đề này.

## IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

# PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 1 – DÙNG XUYÊN SUỐT CHỦ ĐỀ

*Họ và tên: …… Lớp: …… Nhóm: ……*

## A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Người thầy, người cô nào ở trường khiến em nhớ nhất? Vì điều gì?
2. Điều gì làm cho một tình bạn trở nên bền chặt, và điều gì làm nó rạn nứt?
3. Em muốn góp một việc gì để trường mình đẹp hơn hoặc vui hơn?

## B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 1

| Nội dung | Ý chính (SGK nói gì?) | Ví dụ / số liệu minh hoạ | Rút ra điều gì? |
|---|---|---|---|
| *Gợi ý cách ghi →* | *Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.* | *Nêu một ví dụ, số liệu hoặc tư liệu minh hoạ.* | *Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.* |
| 1. Cách phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè | | | |
| 2. Làm chủ và kiểm soát mối quan hệ ở trường và trên mạng xã hội | | | |
| 3. Hợp tác xây dựng và phát triển nhà trường | | | |
| 4. Đánh giá hiệu quả hoạt động phát huy truyền thống nhà trường | | | |

## C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

### C1. Quy tắc ứng xử trên mạng của lớp

Đọc ba lời bình luận thầy cô phát cho nhóm em. Với mỗi lời, chỉ ra chỗ chưa đúng mực, viết lại cho phù hợp rồi nói rõ vì sao phải sửa chỗ đó.

– Lời 1 – chỗ chưa đúng mực:

……

Viết lại: …… Lí do sửa: ……

– Lời 2 – chỗ chưa đúng mực:

……

Viết lại: …… Lí do sửa: ……

– Lời 3 – chỗ chưa đúng mực:

……

Viết lại: …… Lí do sửa: ……

Sáu điều trong bộ quy tắc ứng xử trên mạng mà lớp em thống nhất:

1.
……
…
2.
……
…
3.
……
…
4.
……
…
5.
……
…
6.
……
…

**C2. Quy trình bốn bước dùng trợ lí ảo**

Thầy cô thao tác trên máy của lớp, em quan sát qua tivi và ghi lại vào bảng dưới đây. Với mỗi gợi ý máy đưa ra, em phải đối chiếu với nội quy nhà trường và điều kiện thật của trường rồi mới kết luận.

| Bước | Việc em ghi lại | Gợi ý 1 | Gợi ý 2 | Gợi ý 3 |
|---|---|---|---|---|
| 1. Nêu yêu cầu | Yêu cầu và bối cảnh trường đã nêu với máy | | | |
| 2. Đọc kết quả | Nội dung chính của gợi ý | | | |
| 3. Đối chiếu | Điều nào trong nội quy hoặc điều kiện nào của trường liên quan? | | | |
| 4. Kết luận | Giữ, sửa hay bỏ? Lí do? | | | |

## D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

**D1. Kế hoạch hoạt động xây dựng và phát triển nhà trường (làm theo nhóm)**

| Mục của kế hoạch | Nhóm em điền vào đây |
|---|---|
| Tên hoạt động được chọn | |
| Thành viên | |
| Mục tiêu | |
| Thời gian thực hiện | |
| Nội dung | |

| Mục của kế hoạch | Nhóm em điền vào đây |
|---|---|
| Phương tiện cần thiết | |
| Phân công nhiệm vụ cho các thành viên | |

**D2. Kế hoạch đánh giá hiệu quả hoạt động phát huy truyền thống**

| TT | Các công việc | Sản phẩm cần đạt | Thời gian thực hiện | Người chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| 1.1 | | | | |
| 1.2 | | | | |
| 1.3 | | | | |
| 1.4 | | | | |

**D3. Nhật kí vận dụng bốn tuần**

| Tuần | Kĩ năng em thực hiện | Kết quả và cảm xúc | Khó khăn và cách khắc phục |
|---|---|---|---|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| 3 | | | |
| 4 | | | |

# PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

## 1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

| Nội dung | Ý chính (SGK nói gì?) | Ví dụ / số liệu | Rút ra điều gì? |
|---|---|---|---|
| 1. Cách phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè | SGK trang 7 đưa bảng hai cột: một cột cho quan hệ với thầy cô, một cột cho quan hệ với bạn bè; mỗi cột nêu ba cách và để ngỏ cho học sinh bổ sung thêm. | Với thầy cô: gần gũi, cởi mở trò chuyện, học hỏi thầy cô; kính trọng, lễ phép; hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập và nhiệm vụ được thầy cô, lớp, trường giao phó. Với bạn bè: gần gũi, cởi mở trò chuyện, khiêm tốn học hỏi bạn bè; lôi cuốn bạn cùng tham gia hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động xã hội; cùng hợp tác thực hiện các nhiệm vụ chung. | Với thầy cô thì trọng tâm là sự kính trọng và làm tròn nhiệm vụ, với bạn bè thì trọng tâm là sự cởi mở và cùng làm việc chung; cả hai đều đòi mình chủ động trước. |
| 2. Làm chủ và kiểm soát mối quan hệ ở trường và trên mạng xã hội | SGK trang 7 nêu sáu thẻ gợi ý, trong đó năm thẻ có nội dung và một thẻ để trống cho học sinh tự bổ sung; trang 8 đưa ba tình huống để rèn kĩ năng này. | Năm cách có sẵn: chủ động, tự tin làm quen, thiết lập mối quan hệ; chủ động kết thúc mối quan hệ khi cần thiết; chủ động lôi cuốn bạn cùng tham gia các hoạt động lành mạnh, bổ ích; phát hiện những mâu thuẫn, bất hoà nảy sinh và cùng bạn giải quyết một cách phù hợp; kiên định từ chối khi bạn rủ tham gia vào các hành vi phạm pháp, các tệ nạn xã hội. | Làm chủ quan hệ nghĩa là tự quyết định mức độ tham gia của mình, không phải cắt đứt quan hệ; hai cách khó nhất là kiên định từ chối và chủ động kết thúc khi cần. |
| 3. Hợp tác xây dựng và phát triển nhà trường | SGK trang 9 đưa khung kế hoạch mẫu cho hoạt động làm xanh – sạch – đẹp cảnh quan nhà trường, đủ các mục thành viên, mục tiêu, thời gian thực hiện, nội dung, phương tiện cần thiết và phân công nhiệm vụ cho các thành viên. | Thành viên là các đoàn viên trong chi đoàn; thời gian thực hiện là 7h00 – 10h00 sáng Chủ nhật tuần cuối tháng 9; phương tiện gồm khẩu trang, găng tay, chổi, hót rác, cuốc, xẻng, kéo, bình tưới và cây giống; phân công tới từng đầu việc, kể cả chụp ảnh ghi lại kết quả, viết báo cáo do Ban Chấp hành Chi đoàn và trình bày báo cáo do Bí thư Chi đoàn. | Kế hoạch chạy được là nhờ phân công tới tên người cho từng đầu việc và nhờ liệt kê đủ phương tiện trước khi bắt tay vào làm. |

| Nội dung | Ý chính (SGK nói gì?) | Ví dụ / số liệu | Rút ra điều gì? |
|---|---|---|---|
| 4. Đánh giá hiệu quả hoạt động phát huy truyền thống nhà trường | SGK trang 10 và trang 11 đưa khung kế hoạch đánh giá gồm tên hoạt động, thời gian đánh giá, sáu tiêu chí, ba phương pháp và bảng kế hoạch cụ thể năm cột với sáu dòng công việc từ 1.1 đến 1.6. | Sáu tiêu chí gồm nhận thức và cảm xúc của học sinh về truyền thống; nhận thức về trách nhiệm giữ gìn, phát huy truyền thống; số học sinh tham gia; hứng thú của học sinh; kết quả thực hiện; sự ủng hộ của cha mẹ học sinh và các lực lượng giáo dục khác. Ba phương pháp: khảo sát bằng phiếu hỏi, phỏng vấn và hồi cứu tư liệu hoạt động. | Mỗi tiêu chí đòi một cách lấy tin riêng: số lượng thì đếm hoặc hỏi cứu tư liệu, cảm xúc và nhận thức thì hỏi bằng phiếu hoặc phỏng vấn. |

## 2. Gợi ý xử lí ba tình huống ở trang 8

**Tình huống 1 –** Tùng nên cảm ơn Hoàng vì thời gian qua đã cho đi nhờ, nói thẳng là mình không vào quán chơi game vì còn việc ở nhà và vì đó không phải việc nên làm sau giờ học; đồng thời chủ động tìm cách đi học khác như đi xe buýt, đi cùng bạn khác hoặc xin gia đình thu xếp phương tiện. Từ chối việc chứ không từ chối bạn.

**Tình huống 2 –** Hùng nên từ chối đi cùng và khuyên Lan không đi, chỉ rõ hậu quả nếu hai bên gặp nhau theo kiểu kéo người đi dằn mặt; nếu Lan vẫn đi thì Hùng cần báo ngay cho giáo viên chủ nhiệm hoặc thầy cô ở trường. Đây là tình huống có thể dẫn tới bạo lực nên không được im lặng cho qua.

**Tình huống 3 –** My cần dừng cuộc trò chuyện, không nhận lời đi chơi khuya với người chỉ quen qua mạng, không cung cấp thêm thông tin cá nhân, chặn hoặc hạn chế liên lạc nếu đối phương tiếp tục; đồng thời kể lại với cha mẹ hoặc thầy cô. Lưu lại tin nhắn làm bằng chứng trước khi chặn.

## 3. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

**Phần C1 –** ba lời bình luận in sẵn nên gồm một lời chê bai ngoại hình, một lời nhận xét gay gắt về thầy cô viết trên nhóm lớp và một lời chia sẻ lại tin chưa kiểm chứng. Lời viết lại đạt yêu cầu khi bỏ hẳn nội dung xúc phạm chứ không chỉ đổi cách nói cho nhẹ đi, và khi lí do sửa chỉ được vào một chuẩn mực cụ thể.

**Bộ quy tắc –** bộ quy tắc của lớp nên có đủ sáu điều theo hướng: viết bằng tên thật và chịu trách nhiệm về lời mình viết; không bình phẩm ngoại hình, hoàn cảnh gia đình của người khác; không nói về người vắng mặt điều mà mình không dám nói trước mặt; kiểm nguồn trước khi chia sẻ lại; không đăng ảnh hoặc tin nhắn của người khác khi chưa được phép; gặp chuyện căng thẳng thì dừng lại và nói với người lớn.

**Phần C2 –** bảng bốn bước đạt yêu cầu khi cột kết luận của từng gợi ý đều dẫn được một điều trong nội quy hoặc một điều kiện thật của trường như số tiết sinh hoạt dưới cờ, diện tích sân, số học sinh hay kinh phí. Nếu học sinh chỉ ghi không phù hợp mà không dẫn căn cứ thì trả lại cho làm tiếp.

**Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):**

– Chỉ ra đúng chỗ chưa đúng mực trong cả ba lời bình luận: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Viết lại được lời bình luận và nêu lí do sửa dựa vào một chuẩn mực cụ thể: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Ghi đủ bốn bước của quy trình dùng trợ lí ảo: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Nêu được lí do giữ, sửa hoặc bỏ từng gợi ý dựa vào nội quy hoặc điều kiện thật: Đạt hoặc Chưa đạt.

**4. Lỗi thường gặp và gợi mở**

**Lỗi 1 –** học sinh ghi cách phát triển quan hệ rất chung như quan tâm bạn nhiều hơn. Gợi mở: hỏi em đã quan tâm bằng việc gì và bạn đã phản hồi ra sao.

**Lỗi 2 –** khi soi lại mối quan hệ, học sinh nêu tên bạn trong lớp. Gợi mở: nhắc lại quy ước thay tên bằng chữ cái và chuyển câu chuyện về phía cảm nhận của mình.

**Lỗi 3 –** lời bình luận viết lại vẫn giữ nguyên ý chê bai, chỉ đổi từ ngữ cho êm hơn. Gợi mở: hỏi nếu người bị nói đọc được câu này thì họ thấy thế nào.

**Lỗi 4 –** kế hoạch hoạt động thiếu mục phương tiện hoặc phân công chung cho cả nhóm. Gợi mở: hỏi hôm đó ai cầm chổi, ai cầm bình tưới và ai chụp ảnh.

**Lỗi 5 –** báo cáo đánh giá viết cảm nhận mà không dẫn số liệu, hoặc làm tròn số liệu cho đẹp. Gợi mở: yêu cầu chỉ vào phiếu đã thu và đọc đúng con số đếm được.

**Lỗi 6 –** chép nguyên gợi ý của trợ lí ảo vào kế hoạch vì thấy câu văn trôi chảy. Gợi mở: yêu cầu chỉ vào một điều trong nội quy hoặc một điều kiện có thật của trường để bảo vệ từng ý.

**5. Bảng tiêu chí đánh giá**

| Tiêu chí | Đạt tốt | Đạt | Chưa đạt |
|---|---|---|---|
| Kiến thức, quy trình | Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng. | Đúng các ý hoặc bước chính. | Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi. |
| Sản phẩm và dữ liệu | Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số. | Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản. | Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị. |
| Năng lực số và AI (Phụ lục 3) | Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng. | Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra. | Nhầm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy. |
| Hợp tác, an toàn | Đúng vai, đúng giờ; trung thực và an toàn. | Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản. | Thiếu phối hợp hoặc vi phạm an toàn. |

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**
**(Ký và ghi rõ họ tên)**

**....., ngày …… tháng …… năm 2026**
**GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)**

**SỞ GD&ĐT: ……**
**TRƯỜNG: ……**
**TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP**

# KẾ HOẠCH BÀI DẠY

## HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 11

*(Năm học 2026 - 2027)*

## CHỦ ĐỀ 2. KHÁM PHÁ BẢN THÂN

*(Số tiết: 12 — tuần 4 đến tuần 7, tiết 10 đến tiết 21)*

Giáo viên: …… | Lớp: …… | Ngày dạy: ……

## I. MỤC TIÊU

### 1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

– Xác định được những đặc điểm riêng của bản thân theo năm nhóm: hứng thú, sở thích, thói quen; sức khoẻ; năng lực, sở trường; phẩm chất; kĩ năng sống.

– Phân biệt được điểm mạnh và điểm yếu trong những đặc điểm riêng của mình và nói được căn cứ cho mỗi kết luận.

– Nêu được cách thể hiện sự tự tin đối với những đặc điểm riêng của bản thân và thể hiện được sự tự tin ấy trong thực tiễn cuộc sống ở gia đình, nhà trường và cộng đồng.

– Kể được những thay đổi mà mỗi người có thể gặp trong cuộc sống và xác định được những yêu cầu về phẩm chất, năng lực, kĩ năng sống, tính cách để thích ứng với sự thay đổi đó.

– Lập và thực hiện được kế hoạch điều chỉnh bản thân để thích ứng với sự thay đổi, có đủ điều cần điều chỉnh, biện pháp thực hiện, thời gian thực hiện và người hỗ trợ.

– Thiết kế và trình bày được một sản phẩm giới thiệu đặc điểm riêng của bản thân.

– Nhận diện được hứng thú, sở trường của bản thân liên quan đến định hướng nghề nghiệp và lập được kế hoạch phát triển sở trường hướng tới nghề nghiệp trong tương lai.

### 2. Năng lực

**Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp:** năng lực thích ứng với cuộc sống khi soi lại đặc điểm riêng, nhận ra chỗ cần điều chỉnh và tự sửa để hợp với hoàn cảnh mới; năng lực định hướng nghề nghiệp khi nối sở trường của mình với một nhóm nghề cụ thể; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi làm sản phẩm giới thiệu bản thân và lập hai bản kế hoạch cá nhân.

**Năng lực chung:** tự chủ và tự học khi tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu và tự theo dõi kế hoạch của mình; giao tiếp và hợp tác khi chia sẻ đặc điểm riêng, góp ý cho bạn và cùng chơi trò chơi tìm hiểu nhau; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi chọn biện pháp điều chỉnh phù hợp với hoàn cảnh của chính mình.

**Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)**

**2.6.NC1b – 2.6. Quản lý danh tính số — Tạo và quản lý được một hoặc nhiều danh tính số để bảo vệ danh tiếng của bản thân, làm việc với dữ liệu mà một người tạo ra bằng nhiều công cụ, môi trường và dịch vụ số.. Cụ thể trong chủ đề này: HS rà soát trang cá nhân của mình trên mạng xã hội, lập bảng thông tin nên và không nên công khai, rồi thiết lập lại quyền riêng tư cho phù hợp hình ảnh bản thân.**

**11.C2 – C2. Ứng dụng AI trong học tập và cuộc sống — Một số ứng dụng AI trong học tập. Cụ thể trong chủ đề này: HS nêu tính năng AI mong muốn để hỗ trợ phát triển sở trường, quan sát giáo viên thử một ứng dụng AI trên máy chung rồi đối chiếu nhận định của AI với phiếu tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu.**

**Minh chứng:** phiếu rà soát danh tính số kèm bảng hai cột và ba việc sẽ làm; phiếu đối chiếu nhận định của máy với tự đánh giá của bản thân; sản phẩm giới thiệu đặc điểm riêng; kế hoạch điều chỉnh bản thân và kế hoạch phát triển sở trường.

**3. Phẩm chất**

**Trung thực:** nhìn đúng điểm mạnh và điểm yếu của mình, không tô hồng cũng không hạ thấp bản thân.

**Chăm chỉ:** kiên trì theo kế hoạch điều chỉnh bản thân và kế hoạch phát triển sở trường đã đặt ra.

**Nhân ái:** tôn trọng nét riêng của bạn, không chê bai hay lấy đặc điểm của bạn ra làm trò cười.

**Trách nhiệm:** giữ lời hứa với chính mình; tự chịu trách nhiệm về hình ảnh mình để lại ở trường, ở nhà và trên mạng.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**Giáo viên:** sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 13–18 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có nối mạng; giấy A3, giấy A4, bút màu, giấy nhớ nhiều màu; bản in bảng kế hoạch điều chỉnh bản thân và bảng kế hoạch phát triển sở trường ở trang 17; bản in cụm tám yêu cầu để thích ứng với sự thay đổi ở trang 16; bảng mô tả ngắn khoảng mười nhóm nghề để học sinh tra khi nối sở trường với nghề; phiếu học tập ở Phụ lục 1.

**Học sinh:** sách giáo khoa, vở, bút màu; giấy nhớ; một vật hoặc một bức ảnh nói được điều gì đó về mình để dùng khi giới thiệu bản thân.

**Phương án dự phòng:** trường chỉ có một máy tính của giáo viên nên phần thử ứng dụng gợi ý nghề nghiệp do giáo viên thao tác, chiếu lên tivi, học sinh ghi vào phiếu giấy. Khi mất điện hoặc mất mạng, giáo viên dùng bản in kết quả của ứng dụng đã chuẩn bị từ trước cho ba trường hợp giả định; phần rà soát danh tính số vốn đã làm hoàn toàn trên giấy nên không phụ thuộc thiết bị.

**An toàn:** học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân trên máy của lớp, không nhập họ tên thật, ngày sinh, số điện thoại hay ảnh riêng vào bất kì ứng dụng nào; phần thử ứng dụng chỉ dùng thông tin giả định do cả lớp thống nhất. Khi rà soát trang cá nhân, mỗi em tự làm trên phiếu của mình, không mở trang của bạn và không đọc to nội dung riêng tư của ai. Khi chia sẻ đặc điểm riêng, cả lớp giữ quy ước không bình phẩm ngoại hình, hoàn cảnh gia đình và tình trạng sức khoẻ của bạn.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**Mạch bài:** biết mình có gì → phân biệt mạnh và yếu → dám tự tin nói ra → soi hình ảnh mình trên mạng → nhận ra điều cần điều chỉnh → lập kế hoạch sửa mình → nối sở trường với nghề → theo đuổi kế hoạch.

| Tiết | Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm | Sản phẩm nối tiếp | Thời gian |
|---|---|---|---|
| 10 | Bạn bè nhận ra em qua những đặc điểm nào? | Cảm nhận sau trò chơi và danh sách đặc điểm bạn nhận ra ở em | 45 phút |
| 11 | Em có những đặc điểm riêng nào theo năm nhóm? | Phiếu năm nhóm đặc điểm riêng của bản thân | 45 phút |
| 12 | Đâu là điểm mạnh, đâu là điểm yếu của em? | Phiếu hai cột điểm mạnh – điểm yếu kèm căn cứ | 45 phút |
| 13 | Nói về mình thế nào là tự tin mà không khoe khoang? | Ba cách thể hiện sự tự tin và một lời tự giới thiệu ngắn | 45 phút |
| 14 | Trang cá nhân của em đang nói gì về em? | Phiếu rà soát danh tính số và bảng hai cột nên – không nên công khai | 45 phút |
| 15 | Cuộc sống có thể thay đổi thế nào và cần gì để thích ứng? | Danh sách thay đổi thường gặp và tám yêu cầu để thích ứng | 45 phút |
| 16 | Đối chiếu với các yêu cầu ấy, em cần điều chỉnh điều gì? | Danh sách ba điều bản thân cần điều chỉnh, có xếp thứ tự ưu tiên | 45 phút |
| 17 | Sản phẩm nào giới thiệu được đúng con người em? | Sản phẩm giới thiệu đặc điểm riêng của bản thân | 45 phút |
| 18 | Kế hoạch sửa mình gồm những cột nào? | Kế hoạch điều chỉnh bản thân đủ bốn cột | 45 phút |
| 19 | Sở trường của em dẫn tới những nghề nào? | Bảng nối hứng thú, sở trường với nhóm nghề tương ứng | 45 phút |
| 20 | Máy gợi ý nghề cho em, em có đồng ý không và vì sao? | Phiếu đối chiếu nhận định của máy với tự đánh giá của bản thân | 45 phút |
| 21 | Từ nay tới cuối năm em sẽ làm gì để phát triển sở trường? | Kế hoạch phát triển sở trường và phiếu tự đánh giá chủ đề | 45 phút |

## TIẾT 10. TRÒ CHƠI NHÀ BÁO ĐI TÌM NGƯỜI NỔI TIẾNG

**Hoạt động 1. Mở đầu – Điều gì làm nên một người không lẫn với ai (8′)**

**a) Mục tiêu:** Khơi lên hứng thú tìm hiểu bản thân và làm xuất hiện câu hỏi mỗi người khác nhau ở những điểm nào.

**b) Nội dung:** Giáo viên chiếu bức tranh mở đầu chủ đề ở sách giáo khoa trang 13 với hình một bạn đứng trước gương, rồi nêu ba câu hỏi mở đầu ở mục A của Phụ lục 1. Học sinh viết nhanh câu trả lời.

**c) Sản phẩm:** Ba câu trả lời ngắn ở mục A Phụ lục 1 của mỗi học sinh; danh sách những nhóm đặc điểm mà lớp nêu ra được ghi lên bảng.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (1′):** Giáo viên chiếu tranh mở đầu trang 13, phát Phụ lục 1 và nêu ba câu hỏi ở mục A, yêu cầu mỗi em viết trong ba phút, không cần dài.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (3′):** Học sinh tự viết. Giáo viên đi một vòng, gợi ý em nào bí bằng câu hỏi: nếu chỉ được nói ba điều để người lạ nhận ra em thì em nói gì.

**3. Báo cáo, thảo luận (3′):** Bốn học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên gom các đặc điểm được nêu lên bảng và cùng lớp xếp tạm thành vài nhóm.

**4. Kết luận, nhận định (1′):** GV chốt: Những nhóm vừa xếp trên bảng chính là các mặt làm nên nét riêng của mỗi người. Chủ đề này sẽ gọi tên đủ các mặt ấy và tìm cách phát huy chúng.

**Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề**

**a) Mục tiêu:** Đi hết năm định hướng nội dung của chủ đề ở sách giáo khoa trang 14, từ khám phá đặc điểm riêng, thể hiện sự tự tin đến điều chỉnh bản thân và phát triển sở trường hướng tới nghề nghiệp.

**b) Nội dung:** Mười ba nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 10 đến tiết 20, bám tám hoạt động của sách giáo khoa từ trang 15 đến trang 18.

**c) Sản phẩm:** Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện**

**Nhiệm vụ 2.1. Chơi trò chơi Nhà báo đi tìm người nổi tiếng (37′)**

**a) Mục tiêu:** Nhận ra qua trò chơi rằng mỗi người đều có những đặc điểm khiến người khác nhận ra mình; chia sẻ được cảm nhận của bản thân sau trò chơi.

**b) Nội dung:** Trò chơi ở sách giáo khoa trang 15: mỗi nhóm bí mật chọn một bạn làm người nổi tiếng, một bạn đóng vai nhà báo ra ngoài. Nhà báo được đặt từ ba đến năm câu hỏi đóng về đặc điểm của người nổi tiếng, ví dụ câu trong tranh minh hoạ là có phải người nổi tiếng rất hài hước đúng không, cả nhóm chỉ trả lời có hoặc không. Sau các câu hỏi, nhà báo chỉ ra ai là người nổi tiếng.

**c) Sản phẩm:** Kết quả trò chơi của từng nhóm; danh sách các đặc điểm mà nhà báo đã hỏi tới và bảng gom những đặc điểm giúp nhận ra một người, viết trên bảng lớp.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phổ biến luật chơi và nhấn mạnh hai điều: câu hỏi phải là câu hỏi đóng chỉ trả lời có hoặc không, và câu hỏi không được chạm đến ngoại hình hay hoàn cảnh gia đình của bạn.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (18′):** Các nhóm chơi hai đến ba lượt, đổi vai nhà báo. Thư kí mỗi nhóm ghi lại các câu hỏi đã dùng. Giáo viên đi quan sát, nhắc nhóm nào hỏi những câu dễ làm bạn ngượng.

**3. Báo cáo, thảo luận (8′):** Mỗi nhóm cử một bạn kể lại một lượt chơi thú vị và đọc các câu hỏi đã dùng. Giáo viên gom lên bảng những đặc điểm được hỏi tới nhiều nhất; ba học sinh chia sẻ cảm nhận khi mình được bạn nhận ra hoặc không nhận ra.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Điều làm bạn bè nhận ra nhau thường không phải là ngoại hình mà là tính cách, thói quen và cách cư xử hằng ngày. Đó cũng là những mặt sẽ được kể tên đầy đủ ở tiết sau.

## TIẾT 11. XÁC ĐỊNH ĐẶC ĐIỂM RIÊNG CỦA BẢN THÂN

**Kết nối hai tiết (3′):** Trò chơi tiết trước cho thấy bạn bè nhận ra nhau qua nhiều dấu hiệu khác nhau. Tiết này mỗi em tự lập danh sách đầy đủ về chính mình theo năm nhóm mà sách giáo khoa nêu.

**Nhiệm vụ 2.2. Lập phiếu năm nhóm đặc điểm riêng (42′)**

**a) Mục tiêu:** Xác định được đặc điểm riêng của bản thân theo năm nhóm: hứng thú, sở thích, thói quen; sức khoẻ; năng lực, sở trường; phẩm chất; kĩ năng sống.

**b) Nội dung:** Theo mục 2 của hoạt động 1 ở sách giáo khoa trang 15, mỗi học sinh viết vào phiếu ít nhất hai đặc điểm cho mỗi nhóm, kèm một dấu hiệu cho thấy đặc điểm đó là có thật ở mình. Sau đó trao đổi theo cặp để bạn bổ sung những điểm mà bạn thấy ở mình còn mình chưa nhận ra.

**c) Sản phẩm:** Phiếu năm nhóm đặc điểm riêng ở mục B Phụ lục 1 của mỗi học sinh, mỗi nhóm có ít nhất hai đặc điểm kèm dấu hiệu, trong đó có ít nhất hai đặc điểm do bạn bổ sung.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên viết năm nhóm lên bảng, giải thích ngắn từng nhóm bằng ví dụ đời thường và làm mẫu một dòng: sở trường vẽ, dấu hiệu là được lớp giao vẽ báo tường hai năm liền. Nêu quy ước không bình phẩm đặc điểm của bạn.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (18′):** Học sinh viết phiếu cá nhân rồi trao đổi theo cặp, mỗi em nói cho bạn nghe hai điều mình thấy ở bạn. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào chỉ ghi tên đặc điểm mà chưa nêu được dấu hiệu đi kèm.

**3. Báo cáo, thảo luận (13′):** Sáu học sinh chia sẻ, mỗi em nói về một nhóm khác nhau để lớp nghe đủ năm nhóm. Lớp ghi vào vở một đặc điểm của bạn mà mình thấy đáng học theo.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Đặc điểm riêng nằm ở cả năm mặt chứ không chỉ ở sở thích hay ngoại hình. Một đặc điểm chỉ đáng tin khi kể ra được dấu hiệu, và người khác thường nhìn thấy ở ta những điều chính ta chưa nhận ra.

## TIẾT 12. PHÂN BIỆT ĐIỂM MẠNH VÀ ĐIỂM YẾU CỦA BẢN THÂN

**Kết nối hai tiết (3′):** Phiếu năm nhóm ở tiết trước mới chỉ liệt kê. Tiết này đọc lại chính phiếu ấy để tách ra đâu là chỗ mạnh có thể dựa vào và đâu là chỗ yếu cần lưu ý.

**Nhiệm vụ 2.3. Suy ngẫm và phân biệt điểm mạnh, điểm yếu (42′)**

**a) Mục tiêu:** Phân biệt được điểm mạnh và điểm yếu trong những đặc điểm riêng của bản thân và nêu được căn cứ cho mỗi kết luận.

**b) Nội dung:** Theo mục 3 của hoạt động 1 ở sách giáo khoa trang 15, mỗi học sinh đọc lại phiếu năm nhóm, xếp từng đặc điểm vào cột điểm mạnh hoặc cột điểm yếu và ghi căn cứ. Một đặc điểm có thể vừa mạnh vừa yếu tuỳ hoàn cảnh, khi đó ghi rõ mạnh trong việc gì và yếu trong việc gì.

**c) Sản phẩm:** Phiếu hai cột điểm mạnh – điểm yếu ở mục B Phụ lục 1, mỗi cột có ít nhất ba mục kèm căn cứ; ít nhất một đặc điểm được ghi ở cả hai cột với hai hoàn cảnh khác nhau.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên kẻ hai cột lên bảng, làm mẫu với một đặc điểm hai mặt: nói nhiều là điểm mạnh khi cần khuấy động không khí nhóm nhưng là điểm yếu khi cần lắng nghe bạn; nêu yêu cầu mỗi mục phải kèm căn cứ.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (18′):** Học sinh làm phiếu cá nhân, sau đó đổi phiếu trong nhóm bốn người để bạn góp ý xem căn cứ đã đủ thuyết phục chưa. Giáo viên nhắc em nào chỉ ghi những lời tự chê chung chung như em lười, em kém.

**3. Báo cáo, thảo luận (13′):** Bốn học sinh trình bày một điểm mạnh và một điểm yếu của mình kèm căn cứ. Lớp thử tìm giúp bạn một hoàn cảnh mà điểm yếu ấy lại thành có ích.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Mạnh hay yếu phần lớn phụ thuộc hoàn cảnh chứ không phải là nhãn dán vĩnh viễn. Việc cần làm không phải là xoá điểm yếu mà là biết mình đang ở đâu để chọn việc phù hợp và biết chỗ nào cần điều chỉnh.

## TIẾT 13. CÁCH THỂ HIỆN SỰ TỰ TIN VỀ ĐẶC ĐIỂM RIÊNG

**Kết nối hai tiết (3′):** Biết mình mạnh yếu ở đâu rồi thì bước tiếp theo là dám nói ra. Tiết này bàn cách nói về mình sao cho tự tin mà vẫn dễ nghe.

### Nhiệm vụ 2.4. Chia sẻ với bạn về đặc điểm riêng của bản thân (20′)

**a) Mục tiêu:** Tự tin chia sẻ với bạn về những đặc điểm riêng của mình, kể cả điểm mạnh và điểm yếu.

**b) Nội dung:** Theo mục 1 của hoạt động 2 ở sách giáo khoa trang 15, học sinh làm việc theo nhóm bốn người, mỗi em chia sẻ ba đặc điểm riêng mà mình thấy rõ nhất và một điều mình đang muốn thay đổi; các bạn trong nhóm nghe và phản hồi bằng một câu ghi nhận.

**c) Sản phẩm:** Ghi chép của mỗi học sinh về phần chia sẻ của mình và ba câu ghi nhận nhận được từ bạn trong nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên chia nhóm bốn người, nêu quy ước: người nghe không cắt ngang, không bình phẩm ngoại hình hay hoàn cảnh gia đình, sau khi bạn nói xong thì mỗi người tặng bạn một câu ghi nhận cụ thể.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (9′):** Các nhóm lần lượt chia sẻ, mỗi em khoảng hai phút. Giáo viên đi quan sát, nhắc nhóm nào để một bạn nói hết cả thời gian hoặc có bạn chưa được nói.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Ba học sinh xung phong chia sẻ trước lớp. Lớp nêu điều mình thấy bạn nói ra một cách tự tin và tự nhiên nhất.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Nói về mình không phải là khoe. Người tự tin nói được cả chỗ mạnh lẫn chỗ còn thiếu mà không cần hạ thấp ai và cũng không cần xin lỗi vì mình là mình.

### Nhiệm vụ 2.5. Thảo luận cách thể hiện sự tự tin (22′)

**a) Mục tiêu:** Nêu được cách thể hiện sự tự tin đối với những đặc điểm riêng của bản thân và viết được một lời tự giới thiệu ngắn thể hiện sự tự tin ấy.

**b) Nội dung:** Từ ba gợi ý ở sách giáo khoa trang 16 là chủ động giới thiệu về đặc điểm riêng của mình, sẵn sàng nhận nhiệm vụ phù hợp với khả năng của bản thân và chủ động

tham gia những câu lạc bộ, hoạt động mà mình yêu thích, các nhóm bổ sung thêm ít nhất hai cách rồi mỗi em viết một lời tự giới thiệu dài khoảng bốn câu.

**c) Sản phẩm:** Bảng năm cách thể hiện sự tự tin của nhóm và lời tự giới thiệu bốn câu của mỗi học sinh, trong đó có ít nhất một đặc điểm riêng kèm dấu hiệu.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên chiếu ba gợi ý ở trang 16, nêu yêu cầu nhóm bổ sung hai cách mới và mỗi em viết một lời tự giới thiệu bốn câu.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm bổ sung cách mới, sau đó mỗi em viết lời tự giới thiệu. Giáo viên đi một vòng, gợi ý em nào viết toàn lời khen chung chung: em hãy thêm một việc cụ thể em đã làm được.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Ba nhóm đọc bảng cách của mình; bốn học sinh đọc lời tự giới thiệu. Lớp góp ý một câu cho mỗi lời để nghe tự nhiên hơn.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Sự tự tin thể hiện rõ nhất ở chỗ dám nhận việc hợp khả năng và dám tham gia hoạt động mình thích, chứ không nằm ở lời nói. Lời tự giới thiệu hay là lời có một việc thật đứng đằng sau.

## TIẾT 14. RÀ SOÁT HÌNH ẢNH BẢN THÂN TRÊN MẠNG

**Kết nối hai tiết (3′):** Ở lớp em thể hiện mình bằng lời nói và việc làm. Nhưng còn một nơi nữa cũng đang kể chuyện về em suốt ngày đêm, đó là trang cá nhân của em trên mạng.

**Nhiệm vụ 2.6. Rà soát trang cá nhân và quyền riêng tư (42′)**

**a) Mục tiêu:** Nhận ra hình ảnh mà trang cá nhân đang tạo ra về mình; phân biệt được thông tin nên công khai và thông tin không nên công khai; nêu được việc cần làm để chỉnh lại quyền riêng tư cho phù hợp.

**b) Nội dung:** Mỗi học sinh tự rà soát trang cá nhân của mình trên phiếu giấy ở mục C Phụ lục 1 theo bốn câu hỏi: ảnh đại diện và tên hiển thị của em nói gì về em; ba bài đăng gần nhất cho người lạ thấy điều gì; những thông tin nào của em đang ở chế độ ai cũng xem được; nếu một thầy cô hoặc một nhà tuyển dụng sau này xem trang ấy thì họ sẽ hình dung em là người thế nào. Sau đó lập bảng hai cột thông tin nên và không nên công khai.

**c) Sản phẩm:** Phiếu rà soát danh tính số của mỗi học sinh gồm bốn câu trả lời, bảng hai cột với ít nhất bốn mục mỗi cột và ba việc sẽ làm để chỉnh lại quyền riêng tư và hình ảnh bản thân, mỗi việc có ghi thời hạn.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên nêu bốn câu hỏi rà soát và giải thích khái niệm hình ảnh mình để lại trên mạng bằng một ví dụ giả định; nhấn mạnh mỗi em tự làm trên phiếu của mình, không mở trang của bạn và không đọc to nội dung riêng tư của ai.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (18′):** Học sinh làm phiếu cá nhân rồi lập bảng hai cột. Giáo viên đi một vòng, gợi ý bằng câu hỏi: thông tin nào nếu người lạ biết được thì có thể gây phiền cho em hoặc cho gia đình em.

**3. Báo cáo, thảo luận (13′):** Cả lớp cùng gom bảng hai cột lên bảng lớp, thống nhất danh sách chung. Bốn học sinh chia sẻ một việc mình sẽ làm để chỉnh lại trang cá nhân và thời hạn làm việc đó.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Trang cá nhân là bản tự giới thiệu mà em không đọc nhưng người khác vẫn đọc. Bốn thứ hầu như không nên để công khai là địa chỉ nhà, số điện thoại, lịch sinh hoạt hằng ngày và ảnh giấy tờ. Ba việc mỗi em vừa ghi hãy làm xong trong tuần này và tự kiểm lại vào tiết cuối chủ đề.

## TIẾT 15. NHỮNG THAY ĐỔI TRONG CUỘC SỐNG VÀ YÊU CẦU ĐỂ THÍCH ỨNG

**Kết nối hai tiết (3′):** Cho tới đây lớp đã dựng xong bức chân dung về mình ở hiện tại. Nhưng cuộc sống không đứng yên, và tiết này bàn về những thay đổi mà ai cũng có thể gặp.

### Nhiệm vụ 2.7. Thảo luận những thay đổi mỗi người có thể gặp (20′)

**a) Mục tiêu:** Kể được những thay đổi mà mỗi người có thể gặp phải trong cuộc sống và nêu được ảnh hưởng của những thay đổi đó tới bản thân.

**b) Nội dung:** Từ năm gợi ý ở sách giáo khoa trang 16 gồm thay đổi môi trường học tập, thay đổi môi trường sống và điều kiện sống, thay đổi hoàn cảnh kinh tế gia đình, thay đổi đời sống tình cảm trong gia đình và thay đổi các mối quan hệ xã hội, các nhóm bổ sung thêm ít nhất một loại thay đổi và ghi ảnh hưởng của từng loại.

**c) Sản phẩm:** Bảng của nhóm gồm sáu loại thay đổi, mỗi loại kèm một ví dụ và một ảnh hưởng thường gặp tới người trong cuộc.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên chiếu năm gợi ý ở trang 16, chia nhóm và nêu yêu cầu bổ sung thêm loại thay đổi mới; nhắc các em nói về loại thay đổi nói chung, không kể chuyện riêng của gia đình bạn nào.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (9′):** Các nhóm điền bảng. Giáo viên gợi ý bằng câu hỏi: thay đổi nào các em vừa trải qua khi lên lớp 11 và nó khiến các em phải làm khác đi ở điểm nào.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Ba nhóm trình bày. Lớp xếp các loại thay đổi theo mức độ thường gặp và đánh dấu loại nào nhiều bạn từng gặp nhất.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Thay đổi là chuyện bình thường của đời sống, không phải điều bất thường. Điều quyết định không phải là thay đổi lớn hay nhỏ mà là mình có sẵn những gì để đón nó.

*Tám gợi ý về yêu cầu cần có để thích ứng với sự thay đổi — SGK trang 16*

### Nhiệm vụ 2.8. Xác định các yêu cầu để thích ứng với sự thay đổi (22′)

**a) Mục tiêu:** Xác định được những yêu cầu về phẩm chất, năng lực, kĩ năng sống và tính cách để thích ứng được với sự thay đổi.

**b) Nội dung:** Từ cụm tám gợi ý ở sách giáo khoa trang 16 gồm tự tin, tự lập, vượt khó, suy nghĩ tích cực, mềm dẻo và linh hoạt, kĩ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, kĩ năng

quản lí cảm xúc và một ô để trống, các nhóm bổ sung yêu cầu vào ô trống rồi ghép mỗi yêu cầu với loại thay đổi mà nó giúp vượt qua.

**c) Sản phẩm:** Bảng ghép của nhóm gồm tám yêu cầu, mỗi yêu cầu đặt cạnh một loại thay đổi cụ thể và một biểu hiện cho thấy người đó đang có yêu cầu ấy.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên chiếu cụm tám gợi ý ở trang 16, nêu nhiệm vụ điền ô trống và ghép yêu cầu với loại thay đổi đã lập ở nhiệm vụ trước.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm làm bảng ghép. Giáo viên nhắc mỗi yêu cầu phải kèm một biểu hiện quan sát được, ví dụ mềm dẻo và linh hoạt thì biểu hiện là chịu đổi cách làm khi cách cũ không còn hợp.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Ba nhóm trình bày bảng ghép. Lớp chỉ ra yêu cầu nào giúp được cho nhiều loại thay đổi nhất và yêu cầu nào lớp mình còn thiếu nhiều nhất.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Tám yêu cầu này không phải là tính cách trời cho mà là những thứ rèn được. Suy nghĩ tích cực và kĩ năng quản lí cảm xúc là hai yêu cầu dùng được cho hầu hết mọi thay đổi, nên đáng rèn trước.

## TIẾT 16. ĐỐI CHIẾU BẢN THÂN VỚI CÁC YÊU CẦU THÍCH ỨNG

**Kết nối hai tiết (3′):** Tám yêu cầu ở tiết trước là thước đo chung. Tiết này mỗi em đặt bức chân dung của mình cạnh cái thước ấy để xem chỗ nào còn hụt.

**Nhiệm vụ 2.9. Tìm ra những điểm bản thân cần điều chỉnh (42′)**

**a) Mục tiêu:** So sánh, đối chiếu được đặc điểm riêng của bản thân với các yêu cầu để thích ứng và tìm ra những điểm mình cần điều chỉnh, có xếp thứ tự ưu tiên.

**b) Nội dung:** Theo mục 3 của hoạt động 3 ở sách giáo khoa trang 16, mỗi học sinh đặt phiếu năm nhóm đặc điểm và phiếu hai cột điểm mạnh, điểm yếu cạnh bảng tám yêu cầu, chấm mỗi yêu cầu ở ba mức là đã có, có một phần và còn thiếu, rồi chọn ba điểm cần điều chỉnh trước.

**c) Sản phẩm:** Bảng đối chiếu tám yêu cầu đã chấm mức của mỗi học sinh và danh sách ba điểm cần điều chỉnh xếp theo thứ tự ưu tiên, mỗi điểm kèm một tình huống cụ thể cho thấy vì sao cần điều chỉnh.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên hướng dẫn cách chấm ba mức, làm mẫu một yêu cầu trên bảng và giải thích tiêu chí xếp ưu tiên: chọn điểm nào ảnh hưởng nhiều nhất tới việc học và sinh hoạt hằng ngày của em.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (18′):** Học sinh chấm bảng đối chiếu rồi chọn ba điểm ưu tiên. Giáo viên đi một vòng, hỏi lại em nào chấm tất cả đều ở mức đã có hoặc tất cả đều ở mức còn thiếu: em dựa vào việc nào để chấm như vậy.

**3. Báo cáo, thảo luận (13′):** Học sinh trao đổi theo cặp, mỗi em nghe bạn nói ba điểm ưu tiên và hỏi bạn một câu về căn cứ. Sau đó bốn học sinh chia sẻ trước lớp một điểm mình cần điều chỉnh nhất.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Đối chiếu không phải để tự chê mà để biết bắt đầu từ đâu. Chọn ba điểm là vừa sức; ôm cả tám yêu cầu một lúc thì thường bỏ dở. Ba điểm này sẽ thành ba dòng đầu trong kế hoạch điều chỉnh ở tiết 18.

## TIẾT 17. THIẾT KẾ VÀ TRÌNH BÀY SẢN PHẨM GIỚI THIỆU BẢN THÂN

**Kết nối hai tiết (3′):** Bảy tiết qua lớp đã hiểu khá rõ về mình. Tiết này gói tất cả vào một sản phẩm để giới thiệu với thầy cô và các bạn.

**Nhiệm vụ 2.10. Làm sản phẩm giới thiệu đặc điểm riêng của bản thân (42′)**

**a) Mục tiêu:** Thiết kế và trình bày được một sản phẩm thể hiện những đặc điểm riêng của bản thân.

**b) Nội dung:** Theo hoạt động 4 ở sách giáo khoa trang 16, mỗi học sinh chọn một hình thức trong các hình thức được gợi ý là bài viết, hình vẽ, tranh tự hoạ, sơ đồ tư duy hoặc đọc rap, rồi làm sản phẩm giới thiệu đặc điểm riêng của mình. Chất liệu lấy từ phiếu năm nhóm đặc điểm và phiếu hai cột điểm mạnh, điểm yếu.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm giới thiệu bản thân của mỗi học sinh trên giấy A4 hoặc A3, thể hiện được ít nhất ba đặc điểm riêng thuộc ba nhóm khác nhau và một điều bản thân đang muốn thay đổi.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên nêu các hình thức sản phẩm, cho xem một mẫu do giáo viên chuẩn bị, phát giấy và bút màu; nêu ba yêu cầu về nội dung và nhắc sản phẩm này sẽ được treo ở lớp nên chỉ đưa vào những gì mình sẵn lòng cho người khác đọc.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (20′):** Học sinh làm sản phẩm cá nhân. Giáo viên đi một vòng, giúp em nào chưa chọn được hình thức bằng cách hỏi em quen diễn đạt bằng chữ, bằng hình hay bằng lời hơn.

**3. Báo cáo, thảo luận (11′):** Học sinh treo sản phẩm quanh lớp, sáu em lần lượt giới thiệu, mỗi em khoảng một phút rưỡi. Lớp đi xem một vòng và dán giấy nhớ ghi nhận vào sản phẩm của bạn.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Một sản phẩm giới thiệu bản thân đạt yêu cầu khi người xem nhận ra được nét riêng chứ không phải khi trình bày đẹp nhất. Các sản phẩm sẽ được treo ở lớp cho đến hết chủ đề để cả lớp hiểu nhau hơn.

## TIẾT 18. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH BẢN THÂN

**Kết nối hai tiết (3′):** Ba điểm cần điều chỉnh đã chọn ở tiết 16 vẫn còn nằm trên giấy nháp. Tiết này biến chúng thành một bản kế hoạch có biện pháp, có thời hạn và có người giúp.

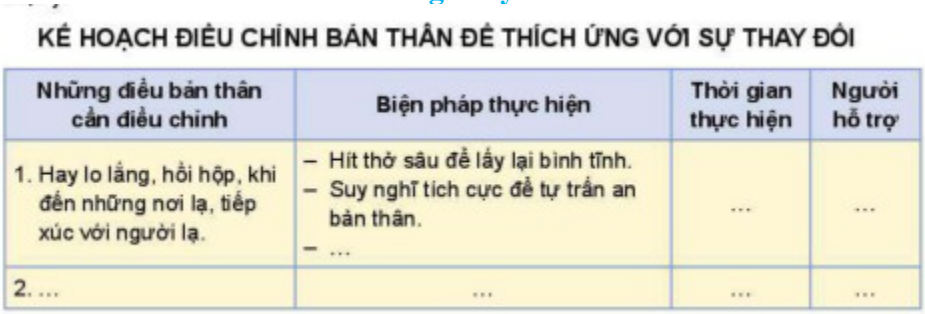

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH BẢN THÂN ĐỂ THÍCH ỨNG VỚI SỰ THAY ĐỔI

| Những điều bản thân cần điều chỉnh | Biện pháp thực hiện | Thời gian thực hiện | Người hỗ trợ |
|---|---|---|---|
| 1. Hay lo lắng, hồi hộp, khi đến những nơi lạ, tiếp xúc với người lạ. | – Hít thở sâu để lấy lại bình tĩnh.<br>– Suy nghĩ tích cực để tự trấn an bản thân.<br>– ... | ... | ... |
| 2. ... | ... | ... | ... |

*Bảng mẫu kế hoạch điều chỉnh bản thân để thích ứng với sự thay đổi — SGK trang 17*

**Nhiệm vụ 2.11. Lập và chia sẻ kế hoạch điều chỉnh bản thân (42′)**

**a) Mục tiêu:** Lập được kế hoạch điều chỉnh bản thân để thích ứng với sự thay đổi, đủ bốn cột là những điều bản thân cần điều chỉnh, biện pháp thực hiện, thời gian thực hiện và người hỗ trợ; chia sẻ được kế hoạch đã xây dựng.

**b) Nội dung:** Học sinh dùng bảng mẫu ở sách giáo khoa trang 17 làm khuôn. Dòng mẫu trong sách là hay lo lắng, hồi hộp khi đến những nơi lạ, tiếp xúc với người lạ, với biện pháp hít thở sâu để lấy lại bình tĩnh và suy nghĩ tích cực để tự trấn an bản thân. Mỗi em điền ba dòng cho ba điểm đã chọn ở tiết 16, vào bảng ở mục D Phụ lục 1.

**c) Sản phẩm:** Kế hoạch điều chỉnh bản thân của mỗi học sinh gồm ba dòng, mỗi dòng có ít nhất hai biện pháp cụ thể, mốc thời gian rõ ràng và tên người hỗ trợ có thật.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên chiếu bảng mẫu ở trang 17, phân tích dòng mẫu để chỉ ra biện pháp phải là việc làm được ngay chứ không phải lời quyết tâm, và người hỗ trợ phải là người có thật mà em nhờ được.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (18′):** Học sinh điền bảng kế hoạch. Giáo viên đi từng bàn, kiểm ba điều: biện pháp có trị đúng điều cần điều chỉnh không, thời gian đã ghi cụ thể chưa và người hỗ trợ đã biết việc này chưa.

**3. Báo cáo, thảo luận (13′):** Học sinh trao đổi kế hoạch theo cặp, mỗi em nhận xét kế hoạch của bạn theo hai câu hỏi: việc này làm được trong bốn tuần không và ai sẽ nhắc bạn. Sau đó bốn em chia sẻ trước lớp một dòng kế hoạch của mình.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Kế hoạch điều chỉnh bản thân chỉ chạy khi biện pháp đủ nhỏ để làm được ngay và có một người biết việc để nhắc mình. Kế hoạch này bắt đầu chạy từ hôm nay và sẽ được nhìn lại ở tiết 21.

## TIẾT 19. NỐI HỨNG THÚ, SỞ TRƯỜNG VỚI ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP

**Kết nối hai tiết (3′):** Kế hoạch sửa mình đã có. Từ tiết này lớp nhìn xa hơn: những gì em thích và làm giỏi có thể dẫn tới nghề nào trong tương lai.

**Nhiệm vụ 2.12. Xác định hứng thú, sở trường của bản thân (20′)**

**a) Mục tiêu:** Nhận diện được hứng thú và sở trường của bản thân, phân biệt được điều mình thích với điều mình làm giỏi.

**b) Nội dung:** Theo mục 1 và mục 2 của hoạt động 6 ở sách giáo khoa trang 17, mỗi học sinh viết ba hứng thú và ba sở trường của mình, mỗi mục kèm một dấu hiệu; sau đó đánh dấu những mục vừa là hứng thú vừa là sở trường.

**c) Sản phẩm:** Phiếu ba hứng thú và ba sở trường của mỗi học sinh, mỗi mục kèm dấu hiệu; ít nhất một mục được đánh dấu là vừa thích vừa làm giỏi.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên phân biệt hai khái niệm bằng ví dụ: thích xem bóng đá là hứng thú, chơi được ở đội tuyển trường là sở trường; nêu yêu cầu mỗi mục phải kèm dấu hiệu.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (9′):** Học sinh viết phiếu cá nhân rồi đánh dấu phần giao nhau. Giáo viên đi một vòng, gợi ý em nào chưa tìm ra sở trường bằng câu hỏi: việc gì bạn bè hay nhờ em làm giúp.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Sáu học sinh chia sẻ một hứng thú và một sở trường của mình. Lớp bổ sung giúp bạn một sở trường mà bạn chưa nhận ra.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Hứng thú cho em sức bền, sở trường cho em lợi thế. Chỗ giao nhau giữa hai thứ ấy là chỗ đáng đầu tư nhất khi nghĩ về nghề nghiệp.

Ví dụ:

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SỞ TRƯỜNG HƯỚNG TỚI NGHỀ NGHIỆP TRONG TƯƠNG LAI**

Họ và tên: Nguyễn Thuỳ Dung

Định hướng nghề nghiệp tương lai: Hoạ sĩ, diễn giả.

| Sở trường cần phát huy | Những việc cần làm để phát huy sở trường | Thời gian thực hiện | Kết quả mong muốn |
|---|---|---|---|
| Vẽ tranh | – Tham gia sinh hoạt Câu lạc bộ Mĩ thuật của trường.<br>– Tham gia vẽ báo tường của lớp.<br>– Vẽ tranh trang trí góc riêng của em ở gia đình. | – Chiều thứ Năm hằng tuần.<br>– Dịp kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20 –11.<br>– Những lúc rảnh rỗi. | Khả năng vẽ tranh của bản thân được nâng cao. |
| Thuyết trình | – Tích cực phát biểu ý kiến trong các giờ học.<br>– Tham gia diễn đàn học sinh, thi thuyết trình, thi tuyên truyền viên trẻ tuổi,... do lớp, trường tổ chức. | – Hằng ngày.<br>– Những dịp nhà trường, lớp tổ chức những hoạt động này. | Khả năng thuyết trình của bản thân sẽ được nâng cao cả về nội dung và cách trình bày. |

*Ví dụ kế hoạch phát triển sở trường hướng tới nghề nghiệp trong tương lai — SGK trang 17*

**Nhiệm vụ 2.13. Nối sở trường với nhóm nghề tương ứng (22′)**

**a) Mục tiêu:** Xác định được hứng thú, sở trường của bản thân liên quan đến định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

**b) Nội dung:** Theo gợi ý ở sách giáo khoa trang 15 như hứng thú được đi nhiều nơi liên quan đến các nghề hướng dẫn viên du lịch, phi công, tiếp viên hàng không; sở trường vẽ liên quan đến các nghề hoạ sĩ, kiến trúc sư, thiết kế thời trang, mỗi học sinh nối ba mục của mình với nhóm nghề tương ứng, tra thêm ở bảng mô tả nghề do giáo viên phát. Ví dụ ở trang 17 cho thấy bạn Nguyễn Thuỳ Dung nối sở trường vẽ tranh và thuyết trình với định hướng hoạ sĩ, diễn giả.

**c) Sản phẩm:** Bảng nối của mỗi học sinh gồm ba dòng: hứng thú hoặc sở trường, nhóm nghề tương ứng và một việc trong nghề đó mà em thấy mình làm được.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên chiếu ví dụ ở trang 17, phát bảng mô tả ngắn các nhóm nghề và nêu yêu cầu mỗi dòng phải nêu được một việc cụ thể trong nghề mà em thấy mình làm được.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Học sinh tra bảng nghề và điền bảng nối. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào chọn nghề theo lời người khác mà chưa nối được với sở trường nào của mình.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Bốn học sinh trình bày bảng nối. Lớp gợi ý thêm cho bạn một nhóm nghề khác cũng dùng được sở trường ấy.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Một sở trường thường mở ra nhiều nghề chứ không chỉ một. Điều cần làm bây giờ không phải là chọn cứng một nghề mà là biết sở trường của mình đang dẫn về hướng nào.

## TIẾT 20. ĐỐI CHIẾU GỢI Ý CỦA ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

**Kết nối hai tiết (3′):** Bảng nối sở trường với nghề đã do chính em làm. Tiết này thử xem một ứng dụng trí tuệ nhân tạo gợi ý gì cho cùng câu hỏi ấy, rồi so lại với điều em tự biết về mình.

**Nhiệm vụ 2.14. Nêu tính năng mong muốn và đối chiếu nhận định của máy (42′)**

**a) Mục tiêu:** Nêu được một số ứng dụng của trí tuệ nhân tạo hỗ trợ học tập và phát triển sở trường; đối chiếu được nhận định của máy với phiếu tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân và nêu được chỗ giống, chỗ khác cùng lí do.

**b) Nội dung:** Trước hết mỗi nhóm nêu ba tính năng mình mong muốn ở một ứng dụng hỗ trợ phát triển sở trường. Sau đó giáo viên nhập một hồ sơ giả định do cả lớp cùng dựng, gồm sở trường, hứng thú và môn học yêu thích nhưng không có tên thật, vào một ứng dụng gợi ý nghề nghiệp trên máy của lớp và chiếu kết quả lên tivi. Học sinh ghi kết quả vào phiếu ở mục C Phụ lục 1, rồi mỗi em tự đối chiếu nhận định ấy với phiếu điểm mạnh, điểm yếu của chính mình.

**c) Sản phẩm:** Bảng ba tính năng mong muốn của nhóm; phiếu đối chiếu của mỗi học sinh gồm nhận định của máy, nhận định của bản thân, hai chỗ giống, hai chỗ khác và một câu nêu lí do vì sao máy không biết được điều đó.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên nêu nhiệm vụ hai phần, cho các nhóm ba phút viết ba tính năng mong muốn, sau đó cùng lớp dựng một hồ sơ giả định và nhắc rõ không dùng tên thật, ngày sinh hay thông tin cá nhân của bất kì bạn nào.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (17′):** Giáo viên nhập hồ sơ giả định và chiếu kết quả lên tivi, đọc chậm cho lớp ghi. Học sinh chép nhận định của máy vào phiếu rồi tự đối chiếu với phiếu điểm mạnh, điểm yếu của mình. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào chép lại y nguyên mà chưa viết phần đối chiếu của bản thân.

**3. Báo cáo, thảo luận (14′):** Sáu học sinh trình bày phiếu đối chiếu: đọc chỗ giống, chỗ khác và lí do. Lớp gom lên bảng những điều máy đoán trúng và những điều máy không thể biết, ví dụ hoàn cảnh gia đình, sức khoẻ hay điều em mới thay đổi gần đây.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo chỉ làm việc trên những gì được nhập vào, nên nó có thể gợi ý hợp lí về nhóm nghề nhưng không biết em đang gặp khó khăn gì và điều gì thật sự quan trọng với em. Gợi ý của máy dùng để mở rộng lựa chọn chứ không thay em quyết định, và tuyệt đối không nhập thông tin cá nhân thật vào những ứng dụng như vậy.

## TIẾT 21. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SỞ TRƯỜNG VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

**Kết nối hai tiết (3′):** Lớp đã biết sở trường của mình dẫn về hướng nào. Tiết cuối làm nốt bản kế hoạch phát triển sở trường và nhìn lại cả chặng đường mười hai tiết.

### Hoạt động 3. Luyện tập – Xây dựng kế hoạch phát triển sở trường (22′)

**a) Mục tiêu:** Xây dựng được kế hoạch phát triển sở trường liên quan đến định hướng nghề nghiệp trong tương lai và chia sẻ được kế hoạch đã xây dựng.

**b) Nội dung:** Học sinh dùng ví dụ ở sách giáo khoa trang 17 làm khuôn, gồm bốn cột là sở trường cần phát huy, những việc cần làm để phát huy sở trường, thời gian thực hiện và kết quả mong muốn. Trong ví dụ, sở trường vẽ tranh được phát huy bằng việc tham gia sinh hoạt Câu lạc bộ Mĩ thuật của trường vào chiều thứ Năm hằng tuần và vẽ báo tường dịp kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11. Mỗi em điền hai dòng cho hai sở trường của mình vào bảng ở mục D Phụ lục 1.

**c) Sản phẩm:** Kế hoạch phát triển sở trường của mỗi học sinh gồm hai dòng, mỗi dòng có ít nhất hai việc cần làm gắn với hoạt động có thật của lớp, của trường hoặc của địa phương, mốc thời gian cụ thể và một kết quả mong muốn đo được.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (4′):** Giáo viên chiếu ví dụ ở trang 17, chỉ ra bốn cột và nhấn mạnh việc cần làm phải gắn với hoạt động có thật mà em tham gia được, không phải mong muốn chung chung.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Học sinh điền bảng kế hoạch. Giáo viên đi một vòng, gợi ý bằng danh sách câu lạc bộ, hoạt động của trường và của địa phương; kiểm xem kết quả mong muốn đã đo được chưa.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Học sinh trao đổi theo cặp rồi ba em chia sẻ kế hoạch trước lớp. Lớp góp ý để mỗi việc trở nên cụ thể hơn về thời gian.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Sở trường chỉ lớn lên khi được dùng đều đặn. Một kế hoạch tốt là kế hoạch gắn vào những dịp vốn đã có sẵn trong năm học, vì như vậy em không phải tạo thêm việc mới.

### Hoạt động 4. Vận dụng – Thực hiện hai kế hoạch và tự đánh giá chủ đề (20′)

**a) Mục tiêu:** Thể hiện được sự tự tin về đặc điểm riêng trong thực tiễn cuộc sống, thực hiện hai kế hoạch đã lập và tự đánh giá kết quả trải nghiệm chủ đề.

**b) Nội dung:** Theo hai hoạt động vận dụng ở sách giáo khoa trang 18, mỗi học sinh thực hiện kế hoạch điều chỉnh bản thân và kế hoạch phát triển sở trường trong bốn tuần tới, ghi nhật kí mỗi tuần một dòng về kết quả, cảm xúc, khó khăn và biện pháp đã dùng; đồng thời hoàn thành phiếu tự đánh giá theo năm tiêu chí ở trang 18 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

**c) Sản phẩm:** Nhật kí bốn dòng của mỗi học sinh và phiếu tự đánh giá năm tiêu chí đã đánh dấu mức đạt được, kèm tên sản phẩm chứng minh cho từng tiêu chí chọn mức Đạt.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên chiếu năm tiêu chí ở trang 18, giải thích từng tiêu chí bằng sản phẩm cụ thể lớp đã làm và hướng dẫn cách ghi nhật kí bốn tuần.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (8′):** Học sinh đánh dấu phiếu tự đánh giá, ghi tên sản phẩm chứng minh và viết dòng nhật kí đầu tiên. Giáo viên đi một vòng, giúp em nào chọn mức Đạt mà chưa nêu được sản phẩm.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Ba học sinh chia sẻ tiêu chí mình chưa đạt và dự định làm tiếp; ba học sinh khác báo cáo đã chỉnh xong quyền riêng tư trên trang cá nhân theo ba việc ghi ở tiết 14. Lớp góp ý cách làm.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Chủ đề khép lại nhưng ba thứ còn chạy tiếp là kế hoạch điều chỉnh bản thân, kế hoạch phát triển sở trường và những thay đổi trên trang cá nhân của mỗi em. Nhật kí bốn tuần cùng phiếu tự đánh giá là căn cứ cho phần đánh giá thường xuyên của chủ đề.

## IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

# PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 2 – DÙNG XUYÊN SUỐT CHỦ ĐỀ

*Họ và tên: …… Lớp: …… Nhóm: ……*

## A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Nếu chỉ được nói ba điều để một người lạ nhận ra em, em sẽ nói những điều gì?
2. Điều gì ở bản thân khiến em thấy hài lòng nhất?
3. Có điều gì ở mình mà em đang muốn thay đổi không?

## B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 2

| Nội dung | Ý chính (SGK nói gì?) | Ví dụ / số liệu minh hoạ | Rút ra điều gì? |
|---|---|---|---|
| *Gợi ý cách ghi →* | *Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.* | *Nêu một ví dụ, số liệu hoặc tư liệu minh hoạ.* | *Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.* |
| 1. Đặc điểm riêng của bản thân | | | |
| 2. Thể hiện sự tự tin về đặc điểm riêng | | | |
| 3. Điều chỉnh bản thân để thích ứng với sự thay đổi | | | |
| 4. Phát triển sở trường hướng tới nghề nghiệp | | | |

### B1. Năm nhóm đặc điểm riêng của em

| Nhóm đặc điểm | Đặc điểm của em | Dấu hiệu cho thấy điều đó |
|---|---|---|
| Hứng thú, sở thích, thói quen | | |
| Sức khoẻ | | |
| Năng lực, sở trường | | |
| Phẩm chất | | |
| Kĩ năng sống | | |

### B2. Điểm mạnh và điểm yếu của em

| Điểm mạnh | Căn cứ | Điểm yếu | Căn cứ |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |

## C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

### C1. Rà soát hình ảnh của em trên mạng

*Em tự làm phần này trên phiếu của mình, không mở trang của bạn và không đọc to nội dung riêng tư của ai.*

1. Ảnh đại diện và tên hiển thị của em đang nói gì về em? ……

2. Ba bài đăng gần nhất cho người lạ thấy điều gì về em? ……

3. Những thông tin nào của em đang ở chế độ ai cũng xem được? ……

4. Nếu một thầy cô hoặc một nhà tuyển dụng sau này xem trang ấy, họ sẽ hình dung em là người thế nào? ……

| Thông tin NÊN công khai | Thông tin KHÔNG nên công khai |
|---|---|
| | |
| | |
| | |
| | |

Ba việc em sẽ làm để chỉnh lại quyền riêng tư và hình ảnh của mình:

1. …… Hạn: ……

2. …… Hạn: ……

3. …… Hạn: ……

**C2. Đối chiếu gợi ý của ứng dụng trí tuệ nhân tạo**

Thầy cô nhập một hồ sơ giả định do cả lớp cùng dựng vào ứng dụng gợi ý nghề nghiệp trên máy của lớp và chiếu lên tivi. Em ghi lại rồi tự đối chiếu với phiếu điểm mạnh, điểm yếu của chính mình ở mục B2.

– Ba tính năng nhóm em mong muốn ở một ứng dụng hỗ trợ phát triển sở trường: ……

| Nội dung đối chiếu | Em ghi vào đây |
|---|---|
| Máy gợi ý nhóm nghề nào? Dựa vào thông tin gì? | |
| Em tự đánh giá mình hợp với nhóm nghề nào? | |
| Hai chỗ nhận định của máy giống với đánh giá của em | |
| Hai chỗ khác nhau | |
| Vì sao máy không biết được điều đó về em? | |

**D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**D1. Kế hoạch điều chỉnh bản thân để thích ứng với sự thay đổi**

| Những điều bản thân cần điều chỉnh | Biện pháp thực hiện | Thời gian thực hiện | Người hỗ trợ |
|---|---|---|---|
| 1. | | | |
| 2. | | | |
| 3. | | | |

**D2. Kế hoạch phát triển sở trường hướng tới nghề nghiệp trong tương lai**

Định hướng nghề nghiệp tương lai của em: ……

| Sở trường cần phát huy | Những việc cần làm để phát huy sở trường | Thời gian thực hiện | Kết quả mong muốn |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |

**D3. Nhật kí vận dụng bốn tuần**

| Tuần | Việc em đã làm theo kế hoạch | Kết quả và cảm xúc | Khó khăn và biện pháp đã dùng |
|---|---|---|---|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| 3 | | | |
| 4 | | | |

# PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

## 1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

| Nội dung | Ý chính (SGK nói gì?) | Ví dụ / số liệu | Rút ra điều gì? |
|---|---|---|---|
| 1. Đặc điểm riêng của bản thân | SGK trang 15 mở đầu bằng trò chơi Nhà báo đi tìm người nổi tiếng, sau đó yêu cầu xác định đặc điểm riêng theo năm nhóm và suy ngẫm để phân biệt điểm mạnh với điểm yếu. | Năm nhóm: hứng thú, sở thích, thói quen; sức khoẻ; năng lực, sở trường; phẩm chất; kĩ năng sống. Trong trò chơi, nhà báo được đặt 3 – 5 câu hỏi đóng; bóng thoại trong tranh là câu hỏi có phải người nổi tiếng rất hài hước đúng không và câu trả lời là đúng. | Đặc điểm riêng nằm ở cả năm mặt; điều làm bạn bè nhận ra nhau thường là tính cách và thói quen chứ không phải ngoại hình. |
| 2. Thể hiện sự tự tin về đặc điểm riêng | SGK trang 15 và trang 16 yêu cầu chia sẻ đặc điểm riêng với bạn rồi thảo luận cách thể hiện sự tự tin; trang 16 tiếp tục bằng hoạt động thiết kế sản phẩm giới thiệu bản thân. | Ba gợi ý ở trang 16: chủ động giới thiệu về đặc điểm riêng của mình; sẵn sàng nhận nhiệm vụ phù hợp với khả năng của bản thân; chủ động tham gia những câu lạc bộ, những hoạt động mà mình yêu thích. Hình thức sản phẩm gợi ý ở trang 16: bài viết, hình vẽ, tranh tự hoạ, sơ đồ tư duy, đọc rap. | Tự tin thể hiện ở việc dám nhận việc và dám tham gia, chứ không nằm ở lời nói về mình. |
| 3. Điều chỉnh bản thân để thích ứng với sự thay đổi | SGK trang 16 nêu năm loại thay đổi thường gặp và cụm gợi ý về những yêu cầu để thích ứng, rồi yêu cầu đối chiếu bản thân với các yêu cầu ấy; trang 17 đưa bảng mẫu kế hoạch điều chỉnh bản thân gồm bốn cột. | Năm loại thay đổi: môi trường học tập; môi trường sống và điều kiện sống; hoàn cảnh kinh tế gia đình; đời sống tình cảm trong gia đình; các mối quan hệ xã hội. Tám yêu cầu gồm bảy ô có chữ là tự tin, tự lập, vượt khó, suy nghĩ tích cực, mềm dẻo và linh hoạt, kĩ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, kĩ năng quản lí cảm xúc, cùng một ô để trống. Dòng mẫu ở bảng trang 17: hay lo lắng, hồi hộp khi đến những nơi lạ, tiếp xúc với người lạ, biện pháp là hít thở sâu để lấy lại bình tĩnh và suy nghĩ tích cực để tự trấn an bản thân. | Các yêu cầu để thích ứng đều rèn được; kế hoạch chỉ chạy khi biện pháp đủ nhỏ, có mốc thời gian và có người hỗ trợ có thật. |
| 4. Phát triển sở trường hướng tới nghề nghiệp | SGK trang 15 gợi ý cách nối hứng thú, sở trường với nhóm nghề; | Gợi ý ở trang 15: hứng thú được đi nhiều nơi liên quan đến các nghề hướng dẫn | Một sở trường mở ra nhiều nghề; kế hoạch phát triển sở trường dễ |

| Nội dung | Ý chính (SGK nói gì?) | Ví dụ / số liệu | Rút ra điều gì? |
|---|---|---|---|
| | trang 17 đưa ví dụ kế hoạch phát triển sở trường gồm bốn cột và hai dòng mẫu. | viên du lịch, phi công, tiếp viên hàng không; sở trường vẽ liên quan đến các nghề hoạ sĩ, kiến trúc sư, thiết kế thời trang. Ví dụ ở trang 17 là của bạn Nguyễn Thuỳ Dung, định hướng nghề nghiệp tương lai là hoạ sĩ, diễn giả; sở trường vẽ tranh được phát huy bằng sinh hoạt Câu lạc bộ Mĩ thuật vào chiều thứ Năm hằng tuần, vẽ báo tường dịp kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11 và vẽ trang trí góc riêng ở gia đình; sở trường thuyết trình được phát huy bằng phát biểu ý kiến hằng ngày trong giờ học và tham gia diễn đàn học sinh, thi thuyết trình, thi tuyên truyền viên trẻ tuổi. | chạy nhất khi gắn vào những hoạt động vốn đã có sẵn trong năm học. |

**2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1**

**Phần C1 –** phiếu rà soát đạt yêu cầu khi học sinh trả lời được cả bốn câu và bảng hai cột có ít nhất bốn mục mỗi cột. Bốn thứ hầu như luôn thuộc cột không nên công khai là địa chỉ nhà, số điện thoại, lịch sinh hoạt hằng ngày và ảnh giấy tờ tuỳ thân. Ba việc sẽ làm phải có thời hạn cụ thể, ví dụ đổi chế độ hiển thị ngày sinh trong tuần này.

**Phần C2 –** hồ sơ giả định do cả lớp cùng dựng, tuyệt đối không dùng tên thật, ngày sinh hay thông tin cá nhân của học sinh nào. Phiếu đối chiếu đạt yêu cầu khi nêu được hai chỗ giống, hai chỗ khác và lí do máy không biết. Những điều máy không thể biết thường là hoàn cảnh gia đình, tình trạng sức khoẻ, điều học sinh mới thay đổi gần đây và những gì em chưa từng viết ra.

**Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):**

– Trả lời đủ bốn câu hỏi rà soát trang cá nhân: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Xếp đúng thông tin vào hai cột nên và không nên công khai: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Ghi được ba việc chỉnh quyền riêng tư kèm thời hạn: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Nêu được chỗ giống, chỗ khác giữa nhận định của máy và tự đánh giá, kèm lí do: Đạt hoặc Chưa đạt.

**3. Lỗi thường gặp và gợi mở**

**Lỗi 1 –** học sinh chỉ ghi được đặc điểm ở nhóm sở thích, bỏ trống ba nhóm còn lại. Gợi mở: hỏi bạn bè hay nhờ em làm việc gì và thầy cô hay giao em việc gì trong lớp.

**Lỗi 2 –** phiếu điểm mạnh, điểm yếu toàn lời tự chê chung chung như em lười, em kém. Gợi mở: yêu cầu kể một lần cụ thể và hỏi lần đó điều gì đã cản em.

**Lỗi 3 –** khi rà soát trang cá nhân, có em đọc to nội dung riêng tư hoặc bình phẩm trang của bạn. Gợi mở: nhắc lại quy ước tự làm trên phiếu của mình và dừng ngay phần chia sẻ nếu chạm tới chuyện riêng của người khác.

**Lỗi 4 –** kế hoạch điều chỉnh bản thân ghi biện pháp là lời quyết tâm như sẽ cố gắng tự tin hơn. Gợi mở: hỏi ngày mai em làm việc gì để bắt đầu và ai sẽ nhắc em.

**Lỗi 5 –** học sinh chọn nghề theo mong muốn của người lớn mà không nối được với sở trường nào của mình. Gợi mở: hỏi trong nghề đó có việc nào em đã từng làm và thấy mình làm được.

**Lỗi 6 –** học sinh chép nguyên gợi ý nghề của máy làm kết luận cho mình. Gợi mở: yêu cầu chỉ ra máy đã dựa vào thông tin nào và điều gì về em mà máy chưa hề biết.

**4. Bảng tiêu chí đánh giá**

| Tiêu chí | Đạt tốt | Đạt | Chưa đạt |
|---|---|---|---|
| Kiến thức, quy trình | Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng. | Đúng các ý hoặc bước chính. | Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi. |
| Sản phẩm và dữ liệu | Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số. | Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản. | Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị. |
| Năng lực số và AI (Phụ lục 3) | Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng. | Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra. | Nhầm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy. |
| Hợp tác, an toàn | Đúng vai, đúng giờ; trung thực và an toàn. | Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản. | Thiếu phối hợp hoặc vi phạm an toàn. |

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**
**(Ký và ghi rõ họ tên)**

**....., ngày …… tháng …… năm 2026**
**GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)**

**SỞ GD&ĐT: ……**
**TRƯỜNG: ……**
**TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP**

# KẾ HOẠCH BÀI DẠY

## HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 11

*(Năm học 2026 - 2027)*

## CHỦ ĐỀ 3. RÈN LUYỆN BẢN THÂN

*(Số tiết: 18 — tuần 8 đến tuần 14; tiết 22 đến tiết 24 và tiết 26 đến tiết 40)*

*Tiết 25 dành cho Đánh giá giữa kì I theo phân phối chương trình, nằm xen giữa chủ đề.*

Giáo viên: …… | Lớp: …… | Ngày dạy: ……

# I. MỤC TIÊU

## 1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

– Tuân thủ được kỉ luật và quy định của nhóm, của lớp, của tập thể trường và của cộng đồng; nêu được ít nhất ba biện pháp giúp bản thân tuân thủ tốt hơn.

– Thể hiện được sự nỗ lực hoàn thiện bản thân qua những hành động, việc làm cụ thể về đạo đức, lối sống, học tập và sức khoẻ.

– Xây dựng và bước đầu thực hiện được kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân đủ sáu cột theo mẫu ở sách giáo khoa trang 24.

– Thu hút và vận động được ít nhất một bạn cùng phấn đấu hoàn thiện bản thân bằng biện pháp phù hợp với hoàn cảnh của bạn ấy.

– Quản lí được cảm xúc của bản thân và ứng xử hợp lí trong các tình huống giao tiếp khác nhau, kể cả khi bị trêu chọc hoặc bị hiểu lầm.

– Thực hiện được kế hoạch tài chính cá nhân một cách hợp lí: nêu được cản trở, đề xuất được cách ghi chép thu chi và cách điều chỉnh khoản chi chưa hợp lí.

## 2. Năng lực

**Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp:** năng lực thích ứng với cuộc sống khi điều chỉnh cảm xúc và cách ứng xử cho hợp từng tình huống; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi lập kế hoạch tự hoàn thiện bản thân và kế hoạch tài chính cá nhân, theo dõi rồi tự điều chỉnh.

**Năng lực chung:** tự chủ và tự học khi tự soi lại việc tuân thủ kỉ luật và việc chi tiêu của chính mình; giao tiếp và hợp tác khi động viên bạn cùng phấn đấu; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi xử lí năm tình huống rèn luyện tính kỉ luật và bốn tình huống quản lí cảm xúc.

**Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)**

**6.2.NC1c – 6.2 Sử dụng trí tuệ nhân tạo — Sử dụng hiệu quả các hệ thống AI và hiểu rõ ứng dụng thực tế của chúng. Sử dụng được AI để tạo nội dung, khám phá kiến thức và giải quyết các vấn đề trong công việc và cuộc sống hàng ngày.. Cụ thể trong chủ đề này: HS nêu 3 tình huống nhờ AI làm hộ bài tập, tư vấn chi tiêu, đánh giá rủi ro đạo đức và pháp lí của mỗi tình huống, rồi thống nhất bộ nguyên tắc dùng AI trung thực của lớp.**

**11.B2 – B2. Sử dụng AI an toàn và có trách nhiệm — Phòng tránh rủi ro khi sử dụng AI. Cụ thể trong chủ đề này: HS nhận diện và phân loại rủi ro khi nhờ AI quản lí việc học, chi tiêu (lệ thuộc, số liệu sai, lộ dữ liệu), đối chiếu với nội quy nhà trường để nêu cách dùng an toàn.**

**Minh chứng:** phiếu ba tình huống đã ghi rủi ro đạo đức và rủi ro pháp lí; bảng ba nhóm rủi ro kèm cách dùng an toàn đối chiếu với nội quy; bộ nguyên tắc dùng trí tuệ nhân tạo trung thực của lớp dán ở góc lớp; kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân của mỗi học sinh.

## 3. Phẩm chất

**Trách nhiệm:** tự giác chấp hành kỉ luật của nhóm, của lớp và quy định của cộng đồng ngay cả khi không có ai nhắc nhở.

**Trung thực:** nhìn thẳng vào điểm yếu của mình khi tự soi và khi ghi chép thu chi; không nhờ máy làm hộ rồi nhận là của mình.

**Chăm chỉ:** kiên trì theo đuổi kế hoạch tự hoàn thiện đã đặt ra, không bỏ dở sau vài ngày.

**Nhân ái:** quan tâm, động viên bạn cùng tiến bộ thay vì chê bai khi bạn chưa làm được.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**Giáo viên:** sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 19–27 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có nối Internet; giấy A3, giấy A4, bút màu, giấy nhớ; bản in nội quy nhà trường và bản in quy định của khu dân cư; bản in ba tình huống nhờ trí tuệ nhân tạo làm hộ việc, đã chuẩn bị từ trước; bản in năm tình huống rèn luyện tính kỉ luật ở trang 23–24 và bốn tình huống quản lí cảm xúc ở trang 25–26 cắt rời từng phiếu; phiếu học tập ở Phụ lục 1 in đủ cho mỗi học sinh một bản.

**Học sinh:** sách giáo khoa, vở, bút; sổ tay nhỏ để ghi thu chi trong hai tuần; giấy nhớ nhiều màu.

**Phương án dự phòng:** trường chỉ có một máy tính của giáo viên nên mọi thao tác trên máy đều do giáo viên làm và chiếu lên tivi cho cả lớp cùng nhìn; học sinh làm việc trên phiếu giấy và giấy A3. Khi mất điện hoặc mất mạng, giáo viên dùng các bản in đã chuẩn bị sẵn; toàn bộ nhiệm vụ của chủ đề vẫn tiến hành bình thường vì không nhiệm vụ nào bắt buộc phải có thiết bị.

**An toàn:** học sinh không phải nêu số tiền thật gia đình cho mình, chỉ dùng số giả định hoặc số đã làm tròn. Khi chia sẻ về việc mình chưa tuân thủ kỉ luật, các em chỉ nói về bản thân, không nêu tên bạn khác. Học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân, không nhập tên thật, số điện thoại, địa chỉ nhà hay ảnh của mình vào bất kì trang nào; không tự thử ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giờ học. Phiếu tự soi của mỗi em không thu, không chấm điểm.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**Mạch bài:** giữ kỉ luật → nỗ lực hoàn thiện mình → rủ bạn cùng tiến → giữ được cảm xúc → giữ được đồng tiền → chốt lại bằng kế hoạch của chính em.

| Tiết | Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm | Sản phẩm nối tiếp | Thời gian |
|---|---|---|---|
| 22 | Em đã tuân thủ kỉ luật của nhóm, lớp, trường đến đâu? | Phiếu hai cột: quy định đã tuân thủ và quy định chưa thường xuyên | 45 phút |
| 23 | Biện pháp nào giúp em giữ được kỉ luật lâu dài? | Thẻ ba nhóm biện pháp tuân thủ kỉ luật của nhóm | 45 phút |
| 24 | Nỗ lực hoàn thiện bản thân trông như thế nào? | Bảng ba mảng: đạo đức lối sống, học tập, sức khoẻ | 45 phút |
| 26 | Làm sao rủ được bạn cùng phấn đấu hoàn thiện? | Bốn cách thu hút bạn kèm tình huống dùng được | 45 phút |
| 27 | Cảm xúc của em đang bị điều gì kéo đi? | Phiếu nhận diện cảm xúc và cách ứng xử đã dùng | 45 phút |
| 28 | Có cách nào giữ được bình tĩnh ngay lúc nóng giận? | Bộ ba bước điều chỉnh cảm xúc của nhóm | 45 phút |

| Tiết | Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm | Sản phẩm nối tiếp | Thời gian |
|---|---|---|---|
| 29 | Kế hoạch tài chính cá nhân của em vướng ở đâu? | Danh sách cản trở và cách khắc phục tương ứng | 45 phút |
| 30 | Ghi chép thu chi thế nào cho theo được? | Mẫu sổ thu chi cá nhân dùng trong hai tuần | 45 phút |
| 31 | Nhờ máy làm hộ thì được gì và mất gì? | Phiếu ba tình huống ghi rủi ro đạo đức và rủi ro pháp lí | 45 phút |
| 32 | Rủi ro khi nhờ máy quản lí việc học, việc tiêu tiền gồm mấy nhóm? | Bảng ba nhóm rủi ro và bộ nguyên tắc dùng máy trung thực của lớp | 45 phút |
| 33 | Giữ kỉ luật khi bị bạn rủ đi chệch thì làm thế nào? | Cách xử lí tình huống 1 và tình huống 2 trang 23 | 45 phút |
| 34 | Giữ kỉ luật khi không ai nhìn thấy thì làm thế nào? | Cách xử lí tình huống 3, 4 và 5 trang 24 | 45 phút |
| 35 | Kế hoạch tự hoàn thiện của em gồm những cột nào? | Bảng kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân, đủ sáu cột | 45 phút |
| 36 | Kế hoạch của em đã đủ chắc để chạy chưa? | Kế hoạch đã chỉnh sau khi bạn góp ý | 45 phút |
| 37 | Bạn em đang mắc ở đâu và em giúp được gì? | Ba phương án thu hút cho ba trường hợp trang 25 | 45 phút |
| 38 | Bị trêu chọc, bị hiểu lầm thì ứng xử ra sao? | Cách quản lí cảm xúc cho bốn tình huống trang 25–26 | 45 phút |
| 39 | Em sẽ tiêu tiền khác đi như thế nào? | Sổ thu chi hai tuần và ba khoản chi sẽ cắt bớt | 45 phút |
| 40 | Ba tháng tới em rèn luyện điều gì? | Cam kết rèn luyện và phiếu tự đánh giá sáu tiêu chí | 45 phút |

## TIẾT 22. KHỞI ĐỘNG CHỦ ĐỀ VÀ TỰ SOI VIỆC TUÂN THỦ KỈ LUẬT

**Hoạt động 1. Mở đầu – Điều gì khiến em bỏ dở nửa chừng (8′)**

**a) Mục tiêu:** Khơi lên nhu cầu rèn luyện bản thân và làm xuất hiện câu hỏi chính của chủ đề: vì sao biết là đúng mà vẫn không làm được đến cùng.

**b) Nội dung:** Giáo viên nêu ba việc quen thuộc mà học sinh lớp 11 thường định làm rồi bỏ dở: dậy sớm học bài, tập thể dục đều đặn và để dành tiền mua một món đồ. Học sinh trả lời ba câu hỏi mở đầu ở mục A của Phụ lục 1.

**c) Sản phẩm:** Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; danh sách lí do khiến các em bỏ dở được gom lên bảng lớp.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (1′):** Giáo viên nêu ba việc quen thuộc, phát Phụ lục 1 và yêu cầu mỗi em trả lời ba câu hỏi ở mục A trong ba phút, viết thật ngắn.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (3′):** Học sinh tự viết câu trả lời. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào mới chỉ ghi một chữ thì viết thêm cho rõ việc đã bỏ dở là việc gì.

**3. Báo cáo, thảo luận (3′):** Bốn đến năm học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên gom lí do lên bảng thành hai cột: lí do do hoàn cảnh bên ngoài và lí do do chính mình.

**4. Kết luận, nhận định (1′):** GV chốt: Cột lí do do chính mình mới là chỗ chủ đề này nhắm tới. Mười tám tiết tới lớp sẽ đi lần lượt bốn việc: giữ kỉ luật, tự hoàn thiện, giữ cảm xúc và giữ đồng tiền.

**Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề**

**a) Mục tiêu:** Đi hết mười một hoạt động của chủ đề trong sách giáo khoa từ trang 21 đến trang 27, bám tám định hướng nội dung ghi ở trang 20.

**b) Nội dung:** Hai mươi hai nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 22 đến tiết 39, theo mạch: kỉ luật, nỗ lực hoàn thiện, thu hút bạn, quản lí cảm xúc và kế hoạch tài chính cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện**

**Nhiệm vụ 2.1. Tự soi việc tuân thủ kỉ luật, quy định chung (37′)**

**a) Mục tiêu:** Chỉ ra được những quy định của tổ, lớp, chi đoàn, trường và cộng đồng mà bản thân đã tuân thủ và những quy định còn chưa thực hiện thường xuyên.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 1 ở sách giáo khoa trang 21, mỗi học sinh liệt kê vào hai cột: cột quy định đã tuân thủ và cột quy định chưa thường xuyên thực hiện; với mỗi quy định ở cột thứ hai thì ghi thêm khó khăn đã gặp và cách mình đã xoay xở.

**c) Sản phẩm:** Phiếu hai cột của mỗi học sinh, cột thứ nhất có ít nhất ba quy định, cột thứ hai có ít nhất hai quy định kèm khó khăn và cách khắc phục đã thử.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (4′):** Giáo viên phát bản in nội quy nhà trường và bản in quy định của khu dân cư, nêu quy ước của giờ học: chỉ nói về việc của mình, không nêu tên bạn, phiếu này không chấm điểm.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (18′):** Học sinh làm phiếu cá nhân rồi trao đổi theo cặp để bổ sung. Giáo viên đi từng bàn, hỏi em nào ghi chung chung như còn hay quên: quên vào lúc nào trong ngày và quên mấy lần trong tuần vừa rồi.

**3. Báo cáo, thảo luận (10′):** Sáu học sinh đọc phiếu, mỗi em nêu một quy định chưa thường xuyên thực hiện và khó khăn đã gặp. Lớp đếm xem khó khăn nào lặp lại ở nhiều bạn nhất.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Khó khăn lặp lại ở nhiều bạn thường không phải là chuyện riêng của ai mà là chỗ lớp phải cùng gỡ. Gọi được tên khó khăn rồi thì tiết sau mới bàn được biện pháp.

## TIẾT 23. BIỆN PHÁP TUÂN THỦ KỈ LUẬT, QUY ĐỊNH CHUNG

**Kết nối hai tiết (3′):** Tiết trước lớp đã gọi tên được những quy định mình còn chưa giữ được đều và những khó khăn hay gặp. Tiết này đi tìm biện pháp để lần sau không lặp lại đúng khó khăn ấy.

**Nhiệm vụ 2.2. Ba nhóm biện pháp tuân thủ kỉ luật (20′)**

**a) Mục tiêu:** Nêu được các biện pháp giúp bản thân tuân thủ kỉ luật, quy định của nhóm, lớp, tập thể trường và cộng đồng.

**b) Nội dung:** Từ ba gợi ý ở sách giáo khoa trang 21 là nhận thức được việc tuân thủ kỉ luật là tốt cho bản thân, cho tập thể và cho cộng đồng; tạo thói quen tuân thủ; nghiêm túc trong việc thực hiện, mỗi nhóm bổ sung thêm ít nhất hai biện pháp do nhóm nghĩ ra.

**c) Sản phẩm:** Thẻ ba nhóm biện pháp của nhóm trên giấy A3, mỗi nhóm biện pháp có ít nhất hai việc làm cụ thể nói rõ làm lúc nào.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát giấy A3 và bút màu, ghi ba nhóm biện pháp gợi ý lên bảng làm khung.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm chép ba gợi ý rồi viết việc làm cụ thể cho từng nhóm biện pháp. Giáo viên hỏi nhóm nào viết chung chung: việc này làm vào lúc nào trong ngày và ai nhắc em.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Ba nhóm treo thẻ và trình bày, mỗi nhóm khoảng một phút rưỡi. Ba nhóm còn lại chỉ ra biện pháp nào chưa nói rõ thời điểm.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Biện pháp chỉ có tác dụng khi nó gắn với một mốc thời gian trong ngày. Nói sẽ cố gắng hơn thì tuần sau vẫn hệt tuần này.

**Nhiệm vụ 2.3. Ghép biện pháp với khó khăn của chính em (22′)**

**a) Mục tiêu:** Chọn được biện pháp phù hợp với đúng khó khăn mà bản thân đã gọi tên ở tiết trước và cam kết thực hiện trong hai tuần.

**b) Nội dung:** Mỗi học sinh lấy lại phiếu hai cột ở tiết 22, chọn hai quy định mình còn chưa giữ được đều, rồi ghép mỗi quy định với một biện pháp trong ba nhóm biện pháp vừa lập.

**c) Sản phẩm:** Thẻ cam kết cá nhân gồm hai dòng, mỗi dòng ghi quy định, biện pháp đã chọn, thời điểm thực hiện và dấu hiệu để tự kiểm; thẻ được dán vào góc lớp.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên phát thẻ giấy nhỏ, làm mẫu một dòng trên bảng với quy định đi học đúng giờ, đi đủ bốn ô: quy định, biện pháp, thời điểm, dấu hiệu tự kiểm.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Học sinh viết thẻ. Giáo viên đi một vòng, tập trung vào em nào ghi dấu hiệu tự kiểm còn mơ hồ, gợi bằng câu hỏi: cuối tuần em nhìn vào đâu để biết mình đã làm được.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Sáu học sinh đọc thẻ. Lớp góp ý cho từng thẻ theo một câu hỏi duy nhất: biện pháp này có trị đúng khó khăn bạn ấy vừa nêu không. Sau đó cả lớp dán thẻ lên góc lớp.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Biện pháp phải bám vào đúng khó khăn của mình, không mượn biện pháp của bạn. Thẻ cam kết này sẽ được lấy ra đối chiếu ở tiết 40.

## TIẾT 24. BIỂU HIỆN CỦA SỰ NỖ LỰC HOÀN THIỆN BẢN THÂN

**Kết nối hai tiết (3′):** Giữ được kỉ luật mới là giữ đúng khuôn khổ chung. Từ tiết này lớp bước sang việc khó hơn: tự mình muốn tốt lên và kiên trì với điều đó.

**Nhiệm vụ 2.4. Chia sẻ những nỗ lực hoàn thiện của chính em (20′)**

**a) Mục tiêu:** Kể được những việc bản thân đã làm để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu về đạo đức, lối sống, học tập và sức khoẻ.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 2 ở sách giáo khoa trang 21, mỗi học sinh viết ba việc mình đã làm để tự hoàn thiện, kèm một câu về sự cố gắng và kiên trì trong quá trình đó, chẳng hạn đã làm được bao lâu và đã có lần nào định bỏ chưa.

**c) Sản phẩm:** Phiếu ba việc nỗ lực của mỗi học sinh, mỗi việc có ghi thời gian đã duy trì và một khó khăn đã vượt qua.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên nêu bốn mảng của việc tự hoàn thiện theo sách giáo khoa là đạo đức, lối sống, học tập và sức khoẻ; nhấn mạnh việc nhỏ cũng được, miễn là việc thật.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Học sinh viết phiếu cá nhân rồi kể cho bạn cùng bàn nghe. Giáo viên gợi ý em nào chưa nghĩ ra bằng câu hỏi: ba tháng trước em còn chưa làm được gì mà bây giờ đã làm được.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Bốn học sinh chia sẻ trước lớp, mỗi em một việc thuộc một mảng khác nhau. Lớp lắng nghe và ghi lại một việc mình cũng muốn thử.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Nỗ lực hoàn thiện không phải là thay đổi lớn trong một ngày mà là một việc nhỏ được giữ đủ lâu. Điều đáng kể là các em đã vượt qua lần định bỏ đầu tiên.

**Nhiệm vụ 2.5. Xác định hành động biểu hiện sự nỗ lực tự hoàn thiện (22′)**

**a) Mục tiêu:** Xác định được những hành động, việc làm biểu hiện sự cố gắng và kiên trì hoàn thiện về đạo đức lối sống, về học tập và về sức khoẻ.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 2 ở sách giáo khoa trang 21, các nhóm lập bảng ba mảng; với mỗi mảng nêu ít nhất ba hành động cụ thể và chỉ ra hành động ấy khác gì với một lời hứa suông.

**c) Sản phẩm:** Bảng ba mảng của nhóm trên giấy A3, mỗi mảng có ít nhất ba hành động cụ thể, mỗi hành động kèm một dấu hiệu cho thấy người khác nhìn vào là biết đã làm.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên kẻ bảng ba cột lên bảng lớp theo ba mảng của sách giáo khoa và giao mỗi nhóm một mảng làm trọng tâm, hai mảng còn lại điền ít hơn.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm điền bảng. Giáo viên đi từng nhóm, gạch chân những dòng còn là lời hứa suông và yêu cầu đổi thành hành động nhìn thấy được.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Ba nhóm trình bày ba mảng khác nhau, lớp bổ sung chéo. Giáo viên gom thành bảng chung của lớp trên bảng.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Cùng một mong muốn nhưng hành động thì đếm được còn lời hứa thì không. Bảng chung này sẽ là kho ý tưởng khi các em lập kế hoạch tự hoàn thiện ở tiết 35.

# TIẾT 26. CÁCH THU HÚT CÁC BẠN CÙNG PHẤN ĐẤU HOÀN THIỆN

**Kết nối hai tiết (3′):** Tiết 24 lớp đã dựng được bảng hành động tự hoàn thiện; sau đó là tiết đánh giá giữa kì I. Trở lại chủ đề, tiết này mở rộng từ chính mình sang bạn bè: một mình cố thì dễ nản, có bạn cùng làm thì đi được xa hơn.

**Nhiệm vụ 2.6. Chia sẻ cách em đã rủ bạn cùng phấn đấu (20′)**

**a) Mục tiêu:** Kể được cách bản thân đã thu hút, động viên bạn cùng phấn đấu hoàn thiện về đạo đức lối sống, về học tập và về sức khoẻ.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 3 ở sách giáo khoa trang 22, học sinh kể lại một lần mình đã rủ được hoặc chưa rủ được bạn cùng làm một việc tốt, ví dụ như động viên bạn tham gia diễn đàn về rèn luyện đạo đức lối sống, khích lệ bạn cố gắng trong học tập hoặc lôi cuốn bạn tập thể thao hằng ngày.

**c) Sản phẩm:** Phiếu kể chuyện ngắn của mỗi học sinh gồm ba phần: em đã nói gì, bạn phản ứng ra sao, kết quả cuối cùng thế nào.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên nêu ba mảng gợi ý của sách giáo khoa và quy ước không nêu tên bạn thật, chỉ gọi là một bạn trong lớp.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Học sinh viết phiếu rồi kể theo nhóm bốn người. Giáo viên nhắc kể cả lần rủ không thành, vì lần thất bại mới cho thấy điều gì chưa ổn.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Mỗi nhóm cử một câu chuyện lên kể, ưu tiên chuyện rủ chưa thành. Lớp đoán xem chỗ nào khiến bạn kia không nghe.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Lời rủ hay hỏng ở chỗ nói bạn phải làm gì mà không nói vì sao việc đó có lợi cho chính bạn ấy. Tiết sau lớp sẽ tìm cách nói khác đi.

**Nhiệm vụ 2.7. Bốn cách thu hút bạn cùng phấn đấu hoàn thiện (22′)**

**a) Mục tiêu:** Xác định được một số cách thu hút các bạn cùng phấn đấu hoàn thiện bản thân và chỉ ra được cách nào hợp với kiểu bạn nào.

**b) Nội dung:** Từ bốn cách gợi ý ở sách giáo khoa trang 22 gồm chủ động gần gũi tâm sự, khích lệ động viên bạn phát huy khả năng, giúp bạn xác định mục tiêu và xây dựng kế hoạch tự hoàn thiện, khuyên bạn suy nghĩ tích cực và thay đổi vì tương lai của chính bạn, các nhóm ghép mỗi cách với một kiểu bạn thường gặp trong lớp.

**c) Sản phẩm:** Bảng ghép của nhóm gồm bốn cách, mỗi cách đặt cạnh một kiểu bạn phù hợp và một câu mở lời cụ thể để dùng với kiểu bạn ấy.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên viết bốn cách lên bảng và giao nhiệm vụ ghép mỗi cách với một kiểu bạn, kèm một câu mở lời viết ra thành lời thoại.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm thảo luận và viết bảng ghép. Giáo viên gợi ý các kiểu bạn thường gặp là bạn tự ti không dám thử, bạn ham chơi bỏ dở việc học, bạn thấy mình chẳng cần thay đổi và bạn muốn thay đổi nhưng không biết bắt đầu từ đâu.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Ba nhóm đọc bảng ghép và đọc luôn câu mở lời. Lớp nhận xét câu nào nghe như dạy đời và đề nghị sửa lại.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Không có một cách rủ đúng cho mọi người. Muốn rủ được thì phải biết bạn đang mắc ở đâu, rồi mới chọn cách mở lời.

## TIẾT 27. NHẬN DIỆN CẢM XÚC VÀ CÁCH ỨNG XỬ ĐÃ DÙNG

**Kết nối hai tiết (3′):** Rủ được bạn cùng tiến rồi thì việc còn lại phần lớn nằm ở chính mình. Mà chuyện hay làm hỏng mọi kế hoạch nhất lại là cảm xúc lúc nóng giận.

**Nhiệm vụ 2.8. Gọi tên cảm xúc của em trong các tình huống giao tiếp (42′)**

**a) Mục tiêu:** Nhận diện và gọi đúng tên những cảm xúc tích cực và tiêu cực của bản thân trong các tình huống giao tiếp khác nhau; mô tả được cách mình đã ứng xử khi có cảm xúc đó.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 4 ở sách giáo khoa trang 22, mỗi học sinh nhớ lại hai tình huống gần đây, một tình huống mình có cảm xúc tích cực và một tình huống có cảm xúc tiêu cực; với mỗi tình huống ghi rõ điều gì xảy ra, mình cảm thấy thế nào và mình đã làm gì ngay sau đó.

**c) Sản phẩm:** Phiếu hai tình huống của mỗi học sinh, mỗi tình huống đủ ba phần là sự việc, cảm xúc và cách ứng xử; kèm một dòng tự nhận xét cách ứng xử ấy đã hợp lí chưa.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′):** Giáo viên nêu quy ước bảo mật của giờ học: phiếu không thu, không đọc tên, ai chia sẻ là tự nguyện; sau đó viết lên bảng bảng từ gợi ý gọi tên cảm xúc gồm vui, tự hào, biết ơn, lo, tủi thân, bực bội, tức giận, thất vọng.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (18′):** Học sinh viết phiếu cá nhân. Giáo viên đi một vòng, giúp các em còn viết chung chung là em thấy khó chịu bằng cách hỏi lại: khó chịu ấy gần với lo hơn hay gần với tức giận hơn, và lúc đó em đã nói câu gì.

**3. Báo cáo, thảo luận (14′):** Bốn đến năm học sinh tự nguyện chia sẻ, ưu tiên tình huống tiêu cực. Lớp không bình luận về người, chỉ nêu mình có gặp tình huống giống thế không và khi đó mình làm gì. Giáo viên gom lên bảng ba cách ứng xử mà lớp hay dùng nhất.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Gọi đúng tên cảm xúc đã là một nửa việc quản lí cảm xúc, vì lúc gọi tên được thì cơn nóng đã dịu bớt. Ba cách ứng xử lớp hay dùng sẽ được đem ra kiểm lại ở tiết sau.

## TIẾT 28. CÁCH QUẢN LÍ CẢM XÚC VÀ ỨNG XỬ HỢP LÍ

**Kết nối hai tiết (3′):** Tiết trước lớp đã gọi được tên cảm xúc của mình và ba cách ứng xử quen dùng. Tiết này kiểm lại ba cách ấy và bổ sung những cách mà sách giáo khoa gợi ý.

**Nhiệm vụ 2.9. Ba bước điều chỉnh cảm xúc của bản thân (20′)**

**a) Mục tiêu:** Nêu được cách điều chỉnh cảm xúc của bản thân khi cảm xúc tiêu cực vừa xuất hiện.

**b) Nội dung:** Từ ba gợi ý ở sách giáo khoa trang 22 là hít thở sâu, thả lỏng cơ thể và đặt mình vào vị trí của người khác để hiểu, các nhóm sắp ba việc ấy thành một quy trình ba bước theo thứ tự thời gian và bổ sung thêm một bước của riêng nhóm.

**c) Sản phẩm:** Bộ ba bước điều chỉnh cảm xúc của nhóm viết trên giấy A3, mỗi bước ghi rõ làm trong bao lâu và làm ở đâu; kèm một bước bổ sung do nhóm nghĩ ra.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên nêu ba gợi ý của sách giáo khoa và giao nhiệm vụ sắp thành quy trình theo thứ tự thời gian, không phải liệt kê rời rạc.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm thảo luận và viết quy trình. Giáo viên hỏi từng nhóm: bước này làm ngay lúc đang tức hay làm sau khi đã ra khỏi chỗ đó, và làm trong bao nhiêu giây.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Ba nhóm trình bày quy trình. Lớp so sánh và chọn ra quy trình thấy dễ nhớ nhất để cả lớp cùng thử trong tuần.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Việc phải làm trước tiên là hạ nhiệt cho cơ thể, sau đó mới nghĩ lại được cho người kia. Đảo ngược thứ tự thì thường không kịp.

**Nhiệm vụ 2.10. Thể hiện cảm xúc và ứng xử phù hợp với từng người (22′)**

**a) Mục tiêu:** Nêu được cách thể hiện cảm xúc và cách ứng xử phù hợp trong các tình huống giao tiếp với những đối tượng khác nhau.

**b) Nội dung:** Từ ba gợi ý ở sách giáo khoa trang 22 là nói về cảm xúc bản thân với thái độ bình tĩnh và chân thành, không để cảm xúc tiêu cực ảnh hưởng đến cách ứng xử, thiện chí và tuân thủ chuẩn mực ứng xử với từng đối tượng, các nhóm viết ba câu nói mẫu cho ba đối tượng là người lớn trong gia đình, thầy cô và bạn cùng lứa.

**c) Sản phẩm:** Ba câu nói mẫu của nhóm cho ba đối tượng, mỗi câu nêu được cảm xúc của mình mà không quy lỗi cho người kia; kèm một câu nói hỏng để đối chiếu.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên làm mẫu một cặp câu trên bảng: câu quy lỗi bắt đầu bằng chữ tại và câu nói cảm xúc bắt đầu bằng chữ con thấy, để lớp nghe rõ khác biệt.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm viết ba câu mẫu và một câu hỏng. Giáo viên nhắc câu nói với người lớn trong gia đình phải giữ đúng lễ phép, không được mượn giọng của câu nói với bạn.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Ba nhóm đọc to cặp câu của mình, một bạn đọc câu hỏng và một bạn đọc câu đã sửa. Lớp chỉ ra chữ nào làm cho câu hỏng trở nên khó nghe.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Nói được cảm xúc của mình mà không quy lỗi cho người kia là cách giữ được cả việc lẫn quan hệ. Cùng một ý nhưng đổi cách mở lời thì kết quả khác hẳn.

## TIẾT 29. NHỮNG CẢN TRỞ TRONG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

**Kết nối hai tiết (3′):** Giữ được kỉ luật và giữ được cảm xúc rồi, còn một thứ nữa cũng rất khó giữ là đồng tiền trong túi. Bốn tiết tới lớp làm việc với kế hoạch tài chính cá nhân.

**Nhiệm vụ 2.11. Chia sẻ thuận lợi và khó khăn khi thực hiện kế hoạch tài chính (20′)**

**a) Mục tiêu:** Nêu được những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện các dự kiến chi tiêu và những điều chỉnh bản thân đã phải làm để đạt mục tiêu đã đặt ra.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 5 ở sách giáo khoa trang 23, học sinh kể lại một lần mình định để dành tiền cho một việc, nêu điều gì thuận lợi, điều gì cản trở và mình đã điều chỉnh ra sao. Mọi con số đều dùng số giả định hoặc đã làm tròn.

**c) Sản phẩm:** Phiếu ba phần của mỗi học sinh: mục tiêu đã đặt, thuận lợi và khó khăn gặp phải, điều chỉnh đã thực hiện; con số ghi ở dạng làm tròn.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên nêu quy ước quan trọng của phần tài chính: không ai phải nói số tiền thật gia đình cho mình, chỉ dùng số giả định hoặc số đã làm tròn.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Học sinh viết phiếu cá nhân rồi kể theo cặp. Giáo viên gợi ý em nào chưa từng đặt mục tiêu tài chính thì kể về một lần định mua món gì đó mà cuối cùng không mua được.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Bốn học sinh chia sẻ. Lớp ghi lên bảng những cản trở nghe được và đếm cản trở nào lặp lại nhiều nhất.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Cản trở hay gặp nhất không phải là thiếu tiền mà là tiêu mất lúc nào không biết. Muốn biết thì phải ghi lại, và đó là việc của nhiệm vụ sau.

**Nhiệm vụ 2.12. Xác định cản trở và cách khắc phục (22′)**

**a) Mục tiêu:** Xác định được những cản trở trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch tài chính của bản thân và đề xuất được cách khắc phục tương ứng với từng cản trở.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 10 ở sách giáo khoa trang 26, học sinh liệt kê cản trở của chính mình, ví dụ thói quen không kiểm soát chi tiêu hoặc không có nguồn thu; sau đó ghép mỗi cản trở với một cách khắc phục lấy từ các gợi ý ở cùng trang.

**c) Sản phẩm:** Phiếu hai cột của mỗi học sinh gồm ít nhất ba cản trở và ba cách khắc phục tương ứng; một cản trở được khoanh tròn là cản trở lớn nhất phải xử lí trước.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên kẻ hai cột lên bảng, đọc các gợi ý khắc phục ở sách giáo khoa trang 26 gồm theo dõi thu chi thường xuyên, ghi chép mỗi ngày rồi rà soát lại, chỉ chi khoản cần thiết và dùng chung với anh chị em, không bị cuốn theo chương trình khuyến mãi, tìm cách tăng thu nhập như làm thêm hoặc thanh lí đồ cũ.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Học sinh làm phiếu cá nhân. Giáo viên đi một vòng, hỏi em nào ghép sai: cách này có trị đúng cản trở em vừa nêu không, hay chỉ là một việc tốt chung chung.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Sáu học sinh đọc một cặp cản trở và cách khắc phục của mình. Lớp kiểm chéo bằng câu hỏi: nếu làm đúng cách này thì cản trở kia có mất đi không.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Cản trở lớn nhất của phần lớn học sinh là không nhìn thấy tiền mình đã đi đâu. Cách khắc phục rẻ nhất và hiệu quả nhất chỉ là một quyển sổ nhỏ.

## TIẾT 30. CÁCH GHI CHÉP VÀ ĐIỀU CHỈNH KHOẢN THU, KHOẢN CHI

**Kết nối hai tiết (3′):** Tiết trước lớp đã kết luận rằng phải nhìn thấy tiền mình đã đi đâu. Tiết này dựng cho được quyển sổ để nhìn, và tập điều chỉnh những khoản không thiết yếu.

**Nhiệm vụ 2.13. Dựng mẫu sổ thu chi cá nhân và tập điều chỉnh khoản chi (42′)**

**a) Mục tiêu:** Nêu được cách thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân hợp lí: tuân thủ mức chi đã đề ra, ghi chép các khoản thu và chi, điều chỉnh những khoản chi không thiết yếu hoặc tạo thêm khoản thu.

**b) Nội dung:** Từ bốn gợi ý ở sách giáo khoa trang 23 gồm tuân thủ mức chi tiêu đã đề ra với bốn nội dung là số tiền hiện có, số tiền cần tiết kiệm, số tiền cần chi tiêu và cách cải thiện chi tiêu; ghi chép các khoản thu và chi; điều chỉnh khoản chi không thiết yếu hoặc tạo khoản thu nhập khác, mỗi nhóm dựng một mẫu sổ thu chi rồi cả lớp chốt một mẫu chung để dùng trong hai tuần. Sau đó học sinh tập phân loại mười khoản chi giả định do giáo viên phát thành thiết yếu và không thiết yếu.

**c) Sản phẩm:** Mẫu sổ thu chi cá nhân của lớp có đủ các cột ngày, nội dung, thu, chi và còn lại; phiếu phân loại mười khoản chi giả định của mỗi học sinh, trong đó khoanh tròn ba khoản sẽ cắt bớt.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên chiếu bốn gợi ý ở sách giáo khoa trang 23 lên tivi, nêu bốn nội dung phải tuân thủ, sau đó phát cho mỗi học sinh phiếu mười khoản chi giả định và giấy A3 cho các nhóm để dựng mẫu sổ.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (18′):** Các nhóm dựng mẫu sổ thu chi rồi mỗi học sinh tự phân loại mười khoản chi giả định. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi mẫu sổ đã có chỗ ghi số còn lại chưa, vì thiếu cột ấy thì ghi cả tuần cũng không biết mình còn bao nhiêu.

**3. Báo cáo, thảo luận (13′):** Ba nhóm treo mẫu sổ, lớp so sánh và bỏ phiếu chọn một mẫu chung. Sau đó bốn học sinh đọc ba khoản mình sẽ cắt bớt và giải thích vì sao xếp khoản đó là không thiết yếu. Lớp tranh luận với hai trường hợp còn gây tranh cãi.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Ranh giới giữa thiết yếu và không thiết yếu không giống nhau ở mọi người, nhưng ai cũng có ít nhất một khoản cắt được mà không ảnh hưởng gì. Từ hôm nay mỗi em ghi sổ trong hai tuần, đến tiết 39 mang ra đối chiếu.

## TIẾT 31. NHỜ MÁY LÀM HỘ – ĐƯỢC GÌ VÀ MẤT GÌ

**Kết nối hai tiết (3′):** Lớp vừa nhận việc ghi sổ thu chi trong hai tuần. Trước khi có bạn nghĩ đến chuyện nhờ một phần mềm ghi hộ, tiết này bàn cho rõ chuyện nhờ máy làm hộ thì được gì và mất gì.

**Nhiệm vụ 2.14. Ba tình huống nhờ trí tuệ nhân tạo làm hộ và rủi ro kèm theo (42′)**

**a) Mục tiêu:** Chỉ ra được rủi ro về đạo đức và rủi ro về pháp lí trong ba tình huống nhờ một phần mềm trí tuệ nhân tạo làm hộ bài tập, tư vấn chi tiêu và nhắc việc rèn luyện.

**b) Nội dung:** Giáo viên phát bản in ba tình huống đã chuẩn bị từ trước. Tình huống thứ nhất: một bạn nhờ phần mềm viết hộ cả bài thu hoạch rồi nộp như bài của mình. Tình huống thứ hai: một bạn hỏi phần mềm nên tiêu tiền thế nào, phần mềm trả lời bằng những con số

nghe rất chắc chắn nhưng không hề biết bạn ấy có bao nhiêu. Tình huống thứ ba: một bạn kể hết chuyện gia đình và thời gian biểu của mình cho phần mềm để nhờ nhắc việc rèn luyện. Học sinh làm việc theo nhóm trên phiếu giấy, không dùng thiết bị.

**c) Sản phẩm:** Phiếu ba tình huống của mỗi nhóm, mỗi tình huống ghi hai dòng: rủi ro về đạo đức và rủi ro về pháp lí hoặc rủi ro với quy định của nhà trường, kèm một câu nêu người chịu hậu quả cuối cùng.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên phát bản in ba tình huống cho sáu nhóm, làm rõ hai khái niệm: rủi ro đạo đức là việc làm khiến người khác bị đối xử không công bằng hoặc khiến mình không còn trung thực; rủi ro pháp lí là việc va vào nội quy nhà trường hoặc vào quy định của pháp luật, chẳng hạn quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (18′):** Các nhóm đọc ba tình huống và ghi rủi ro vào phiếu. Giáo viên đi từng nhóm, gợi bằng ba câu hỏi: nếu thầy cô chấm bài ấy thì điểm số phản ánh năng lực của ai; nếu làm theo lời khuyên chi tiêu ấy mà hết tiền thì ai chịu; và những chuyện riêng đã kể ra thì sau đó nằm ở đâu, ai đọc được.

**3. Báo cáo, thảo luận (13′):** Các nhóm trình bày, mỗi nhóm hai phút, các nhóm khác phản biện. Riêng tình huống thứ nhất, giáo viên tổ chức tranh biện ngắn giữa hai nhóm: một nhóm bảo vệ ý kiến nhờ máy viết rồi có sửa lại thì vẫn là bài của mình, nhóm kia phản đối.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Ba tình huống dẫn tới ba loại thiệt khác nhau. Nhờ máy làm hộ bài thì mất trung thực và mất chính năng lực của mình; tin lời khuyên chi tiêu của máy thì mất tiền thật; kể hết chuyện riêng cho máy thì mất quyền giữ kín đời tư, và cái mất này không lấy lại được.

## TIẾT 32. BA NHÓM RỦI RO VÀ NGUYÊN TẮC DÙNG MÁY TRUNG THỰC

**Kết nối hai tiết (3′):** Tiết trước lớp đã chỉ ra thiệt hại trong từng tình huống riêng lẻ. Tiết này gom chúng thành nhóm và biến thành một bộ nguyên tắc cả lớp cùng giữ.

### Nhiệm vụ 2.15. Phân loại rủi ro và đối chiếu với nội quy nhà trường (20′)

**a) Mục tiêu:** Phân loại được rủi ro khi nhờ trí tuệ nhân tạo quản lí việc học và việc chi tiêu thành ba nhóm là lệ thuộc, số liệu sai và lộ dữ liệu riêng tư; đối chiếu được từng nhóm với một điều trong nội quy nhà trường.

**b) Nội dung:** Các nhóm lấy lại phiếu ba tình huống ở tiết trước, xếp các rủi ro đã ghi vào ba nhóm, rồi mở bản in nội quy nhà trường để tìm điều khoản liên quan cho từng nhóm rủi ro. Toàn bộ làm trên phiếu giấy.

**c) Sản phẩm:** Bảng ba nhóm rủi ro của nhóm, mỗi nhóm rủi ro gồm biểu hiện, hậu quả, điều khoản nội quy liên quan và một cách dùng an toàn tương ứng.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên viết tên ba nhóm rủi ro lên bảng và phát lại bản in nội quy nhà trường cho từng nhóm.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm xếp rủi ro vào ba nhóm và tìm điều khoản nội quy tương ứng. Giáo viên nhắc nhóm nào bỏ trống cột nội quy thì tìm ở phần quy định về trung thực trong kiểm tra và phần quy định về sử dụng thiết bị, mạng trong nhà trường.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Ba nhóm trình bày bảng phân loại. Lớp kiểm chéo xem có rủi ro nào bị xếp nhầm nhóm và có nhóm rủi ro nào chưa nêu được cách dùng an toàn.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Ba nhóm rủi ro cần ba cách phòng khác nhau. Lệ thuộc thì phòng bằng cách tự làm trước rồi mới đối chiếu; số liệu sai thì phòng bằng cách kiểm lại bằng phép tính của mình; lộ dữ liệu thì phòng bằng cách không kể chuyện riêng ra ngay từ đầu.

**Nhiệm vụ 2.16. Thống nhất bộ nguyên tắc dùng máy trung thực của lớp (22′)**

**a) Mục tiêu:** Thống nhất được một bộ nguyên tắc dùng trí tuệ nhân tạo trung thực và an toàn cho lớp, phù hợp với nội quy nhà trường và với điều kiện thật của lớp.

**b) Nội dung:** Từ ba bảng phân loại rủi ro, cả lớp cùng viết bộ nguyên tắc gồm năm đến bảy điều, mỗi điều nói rõ được phép làm gì và không được làm gì; sau đó biểu quyết từng điều rồi chép ra giấy A3 dán ở góc lớp.

**c) Sản phẩm:** Bộ nguyên tắc dùng trí tuệ nhân tạo trung thực của lớp trên giấy A3, có chữ kí của lớp trưởng và bí thư chi đoàn, dán tại góc lớp.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên giao mỗi nhóm đề xuất hai điều nguyên tắc, nói rõ mỗi điều phải viết được thành câu kiểm tra được, không viết kiểu phải có ý thức.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm viết hai điều lên giấy nhớ và dán lên bảng. Giáo viên cùng lớp gom các điều trùng nhau, giữ lại các điều khác nhau về nội dung.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Lớp đọc từng điều còn lại và biểu quyết bằng giơ tay. Điều nào quá nửa lớp đồng ý thì giữ; điều nào chưa rõ thì sửa lời ngay tại chỗ rồi biểu quyết lại.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Bộ nguyên tắc này do chính lớp viết ra nên lớp có trách nhiệm giữ. Từ hôm nay, bài nộp nào có phần nhờ máy viết thì phải ghi rõ ở cuối bài là đã nhờ ở chỗ nào.

## TIẾT 33. RÈN TÍNH KỈ LUẬT – HAI TÌNH HUỐNG TRANG 23

**Kết nối hai tiết (3′):** Từ tiết này lớp chuyển sang phần rèn luyện của sách giáo khoa. Bắt đầu bằng hai tình huống mà kỉ luật bị thử thách ngay lúc có bạn rủ đi chệch.

**Nhiệm vụ 2.17. Xử lí tình huống 1 và tình huống 2 về tính kỉ luật (42′)**

**a) Mục tiêu:** Đề xuất được cách giải quyết thể hiện tính kỉ luật trong hai tình huống có sức ép từ bạn bè; giải thích được vì sao chọn cách ấy.

**b) Nội dung:** Học sinh xử lí hai tình huống nguyên văn ở sách giáo khoa trang 23. Tình huống 1: sáng Chủ nhật, nhà trường tổ chức cho học sinh tham gia tuyên truyền vận động người dân trong cộng đồng thực hiện nếp sống văn minh; do ngại tham gia nên Nam đã rủ Sơn đi đá bóng — nếu là Sơn, em sẽ làm gì. Tình huống 2: vì vội đến trường nên Hiền không mang theo giày thể thao để học trong giờ Giáo dục thể chất như quy định; khi nhận ra

điều này, dù đã đi được nửa quãng đường nhưng nếu quay về để lấy giày vẫn kịp giờ; Hiền rủ Hằng quay về nhưng Hằng nói thôi kệ đi, không ai để ý đâu — nếu là Hiền, em sẽ làm gì.

**c) Sản phẩm:** Phiếu xử lí hai tình huống của mỗi nhóm, mỗi tình huống gồm cách giải quyết, lí do và một câu nói cụ thể dùng để trả lời bạn; hai tình huống được đóng vai trước lớp.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên phát phiếu hai tình huống cắt rời, chia sáu nhóm và phân công: ba nhóm làm tình huống 1, ba nhóm làm tình huống 2; nêu rõ sản phẩm phải có một câu nói cụ thể chứ không chỉ nêu chung là em sẽ khuyên bạn.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (16′):** Các nhóm thảo luận và viết phiếu, sau đó tập đóng vai. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi nhóm nào chọn cách đi đá bóng rồi hôm sau xin lỗi: việc tuyên truyền hôm ấy có làm lại được không, và ai sẽ làm thay phần của em.

**3. Báo cáo, thảo luận (15′):** Bốn nhóm đóng vai trước lớp, mỗi nhóm khoảng ba phút. Hai nhóm còn lại nhận xét theo hai câu hỏi: cách xử lí ấy có giữ được kỉ luật không, và có giữ được tình bạn không.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Cả hai tình huống đều là chuyện phải chọn giữa việc dễ chịu trước mắt và việc mình đã nhận. Điểm chung của các cách xử lí tốt là không chỉ tự mình giữ đúng mà còn rủ được người kia cùng giữ, bằng lời nói nhẹ nhàng chứ không lên án.

## TIẾT 34. RÈN TÍNH KỈ LUẬT – BA TÌNH HUỐNG TRANG 24

**Kết nối hai tiết (3′):** Hai tình huống tiết trước còn có bạn ở bên nhắc. Ba tình huống hôm nay khó hơn: kỉ luật bị thử thách lúc không ai nhìn thấy hoặc lúc mình đang sốt ruột nhất.

**Nhiệm vụ 2.18. Xử lí tình huống 3, 4 và 5 về tính kỉ luật (42′)**

**a) Mục tiêu:** Đề xuất được cách giải quyết thể hiện tính kỉ luật trong ba tình huống liên quan tới cam kết với nhóm, trách nhiệm với cộng đồng và ứng xử nơi công cộng.

**b) Nội dung:** Học sinh xử lí ba tình huống nguyên văn ở sách giáo khoa trang 24. Tình huống 3: câu lạc bộ nghệ thuật của Tùng được phân công biểu diễn tiểu phẩm chủ đề Bảo vệ môi trường vào sáng thứ Hai; theo quy định của nhóm, Tùng phải đưa kịch bản cho các bạn vào ngày mai nhưng Tùng chưa viết xong, tối nay Tùng lại được mời đi xem một vở kịch mà Tùng rất thích. Tình huống 4: theo lịch, hằng tuần vào sáng Chủ nhật mỗi gia đình đều phải có người tham gia dọn vệ sinh đường làng ngõ xóm; Chủ nhật tuần này mọi người trong gia đình Mai đều đi vắng, chỉ còn Mai ở nhà, sáng hôm đó Mai có bạn rủ đi chơi. Tình huống 5: cuối tuần cửa hàng gần nhà Hà có nhiều mặt hàng giảm giá, bố mẹ đưa tiền và dặn Hà những thứ cần mua; Hà ngủ quên nên lúc ra cửa hàng đã thấy mọi người xếp hàng dài, đang sốt ruột thì Hà thấy An sắp đến lượt đang vẫy và rủ Hà chen đứng vào chỗ trên.

**c) Sản phẩm:** Phiếu xử lí ba tình huống của mỗi nhóm; riêng tình huống 5 có thêm một dòng nêu hậu quả với những người đang xếp hàng phía sau nếu Hà chen lên.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên phát ba phiếu tình huống, chia sáu nhóm, mỗi tình huống hai nhóm; lưu ý riêng tình huống 5 phải trả lời thêm câu hỏi ai là người chịu thiệt nếu Hà chen hàng.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (16′):** Các nhóm thảo luận và viết phiếu. Giáo viên gợi cho nhóm làm tình huống 3 bằng câu hỏi kịch bản chưa xong thì các bạn trong câu lạc bộ ngày mai làm gì; gợi cho nhóm làm tình huống 4 bằng câu hỏi nếu nhà nào cũng vắng như nhà Mai thì đường làng tuần này ra sao.

**3. Báo cáo, thảo luận (15′):** Sáu nhóm lần lượt trình bày, mỗi nhóm hai phút rưỡi; hai nhóm cùng một tình huống trình bày liền nhau để lớp so sánh hai cách xử lí. Lớp bỏ phiếu chọn cách thuyết phục nhất cho từng tình huống.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Ba tình huống này khó hơn hai tình huống hôm trước vì không có ai kiểm tra. Kỉ luật thật sự là thứ giữ được lúc không ai nhìn thấy, và ở tình huống 5 thì chen hàng không chỉ là chuyện của riêng Hà mà lấy mất lượt của những người đứng sau.

## TIẾT 35. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NỖ LỰC TỰ HOÀN THIỆN BẢN THÂN

**Kết nối hai tiết (3′):** Lớp đã rèn tính kỉ luật qua năm tình huống. Tiết này gom mọi thứ đã học về chính mình thành một bản kế hoạch có thể mang về nhà thực hiện.

Gợi ý:

KẾ HOẠCH NỖ LỰC TỰ HOÀN THIỆN BẢN THÂN

| TT | Mục tiêu | Biện pháp | Thời gian | Điều kiện, người hỗ trợ | Kết quả mong đợi |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phát huy khả năng giao tiếp tốt | … | … | … | … |
| 2 | Khắc phục tính nóng nảy | … | … | … | … |
| 3 | Thay đổi thói quen dậy muộn | … | … | … | … |

*Bảng Kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân, sáu cột — SGK trang 24*

**Nhiệm vụ 2.19. Điền bảng kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân (42′)**

**a) Mục tiêu:** Xây dựng được kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân đủ sáu cột theo mẫu ở sách giáo khoa, trong đó biện pháp bám đúng mục tiêu và kết quả mong đợi đo được.

**b) Nội dung:** Học sinh dùng mẫu bảng ở sách giáo khoa trang 24 với sáu cột là số thứ tự, mục tiêu, biện pháp, thời gian, điều kiện và người hỗ trợ, kết quả mong đợi. Ba dòng mẫu trong sách là phát huy khả năng giao tiếp tốt, khắc phục tính nóng nảy và thay đổi thói quen dậy muộn; mỗi học sinh thay bằng ba mục tiêu của chính mình, lấy ý từ bảng ba mảng đã dựng ở tiết 24. Bảng được điền vào mục D của Phụ lục 1.

**c) Sản phẩm:** Bảng kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân của mỗi học sinh, đủ sáu cột và ba dòng, trong đó ít nhất hai kết quả mong đợi nêu được con số hoặc dấu hiệu đếm được.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên chiếu mẫu bảng ở sách giáo khoa trang 24 lên tivi, chỉ rõ sáu cột và nhấn mạnh hai cột hay bị bỏ trống là điều kiện, người hỗ trợ và kết quả mong đợi; làm mẫu một dòng với mục tiêu thay đổi thói quen dậy muộn.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (18′):** Học sinh điền bảng ở mục D Phụ lục 1. Giáo viên đi một vòng, kiểm hai điều ở từng phiếu: biện pháp có bám đúng mục tiêu không, và kết quả mong đợi có đo được không.

**3. Báo cáo, thảo luận (13′):** Học sinh trao đổi bảng theo nhóm bốn người, mỗi em nhận xét bảng của bạn theo ba câu hỏi: mục tiêu này có phải của chính bạn không, biện pháp có làm được trong một tháng không, và cuối tháng nhìn vào đâu để biết bạn đã đạt. Bốn học sinh đọc bảng trước lớp.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Kế hoạch tự hoàn thiện dễ hỏng ở hai chỗ: đặt mục tiêu quá lớn và bỏ trống cột người hỗ trợ. Người hỗ trợ không phải là người làm hộ mà là người nhắc mình lúc mình định bỏ cuộc.

## TIẾT 36. HOÀN THIỆN KẾ HOẠCH SAU GÓP Ý

**Kết nối hai tiết (3′):** Bảng kế hoạch tiết trước mới là bản nháp đầu tiên. Tiết này lớp soi lại thật kĩ để bản kế hoạch đủ chắc mà mang về nhà chạy thật.

**Nhiệm vụ 2.20. Chia sẻ với bạn và chỉnh lại kế hoạch (42′)**

**a) Mục tiêu:** Chỉnh sửa được kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân sau khi nghe góp ý, làm cho mục tiêu vừa sức, biện pháp cụ thể và thời gian rõ ràng hơn.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 7 ở sách giáo khoa trang 24, học sinh chia sẻ kế hoạch với bạn rồi hoàn thiện. Lớp làm việc theo vòng tròn góp ý: mỗi em đọc kế hoạch cho ba bạn nghe, mỗi bạn góp một ý theo một tiêu chí riêng là mục tiêu, biện pháp và kết quả mong đợi.

**c) Sản phẩm:** Bản kế hoạch đã chỉnh của mỗi học sinh, có đánh dấu rõ ba chỗ đã sửa và ghi lí do sửa bên lề; kèm một dòng cam kết ngày bắt đầu thực hiện.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′):** Giáo viên chia lớp thành các nhóm bốn người và giao cho ba bạn trong nhóm ba vai góp ý khác nhau, ghi ba vai lên bảng để không ai góp trùng nhau.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (18′):** Các nhóm chạy vòng góp ý, mỗi em có bốn phút đọc và nghe góp ý. Giáo viên đi từng nhóm, nhắc người góp ý phải nêu được đề nghị sửa cụ thể chứ không chỉ nói là chưa ổn.

**3. Báo cáo, thảo luận (14′):** Học sinh sửa lại kế hoạch của mình ngay tại lớp và đánh dấu ba chỗ đã sửa. Sau đó bốn học sinh đọc phần trước và sau khi sửa để lớp thấy khác biệt.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Bản kế hoạch tốt lên nhiều nhất ở chỗ được người khác hỏi lại. Từ hôm nay kế hoạch bắt đầu chạy; đến tiết 40 mỗi em mang bảng này ra đối chiếu xem đã đi được đến đâu.

## TIẾT 37. THỰC HÀNH THU HÚT BẠN QUA BA TRƯỜNG HỢP

**Kết nối hai tiết (3′):** Kế hoạch của mỗi em đã bắt đầu chạy. Tiết này quay sang bạn bè với ba trường hợp cụ thể trong sách giáo khoa, mỗi bạn mắc ở một chỗ khác nhau.

**Nhiệm vụ 2.21. Chọn biện pháp thu hút cho ba trường hợp trang 25 (42′)**

**a) Mục tiêu:** Lựa chọn và thực hiện được biện pháp phù hợp để thu hút các bạn cùng phấn đấu hoàn thiện bản thân trong ba trường hợp khác nhau; nhận xét được sự phù hợp của biện pháp.

**b) Nội dung:** Học sinh xử lí ba trường hợp nguyên văn ở sách giáo khoa trang 25. Trường hợp 1: Lâm thường hành động theo ý thích của mình mà không quan tâm đến hậu quả; để thể hiện bản thân và thoả mãn sở thích, cuối tuần vừa rồi Lâm theo nhóm bạn đi đua xe và đã bị xử phạt hành chính. Trường hợp 2: Hạnh là người có nhiều điểm mạnh, tuy nhiên bạn lại nhút nhát và không đặt cho mình mục tiêu phấn đấu tự hoàn thiện bản thân. Trường hợp 3: Khôi là người thông minh, giải quyết công việc và nhiệm vụ học tập nhanh nên mọi người đều cho rằng bạn có thể trở thành học sinh giỏi, nhưng Khôi lại rất ham chơi điện tử nên kết quả học tập chỉ đạt trung bình, khiến bố mẹ và thầy cô chưa hài lòng. Với mỗi trường hợp, nhóm chọn một cách trong bốn cách đã lập ở tiết 26 và viết thành lời thoại.

**c) Sản phẩm:** Ba phương án thu hút của nhóm, mỗi phương án gồm chỗ bạn đang mắc, cách đã chọn, lời mở đầu cụ thể và việc đầu tiên đề nghị bạn làm; ba phương án được đóng vai trước lớp.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên phát ba phiếu trường hợp, chia sáu nhóm, mỗi trường hợp hai nhóm; nhấn mạnh phải chỉ ra chỗ bạn đang mắc trước rồi mới chọn cách, không chọn cách trước.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (16′):** Các nhóm thảo luận, viết phương án và tập đóng vai. Giáo viên gợi ý nhóm làm trường hợp 1 rằng Lâm cần được nhìn nhận chứ không cần bị dạy dỗ thêm; gợi ý nhóm làm trường hợp 2 rằng Hạnh chưa thiếu khả năng mà thiếu một mục tiêu đủ nhỏ để dám thử.

**3. Báo cáo, thảo luận (15′):** Sáu nhóm đóng vai, hai nhóm cùng trường hợp diễn liền nhau. Sau mỗi cặp, lớp nhận xét về sự phù hợp và chưa phù hợp của biện pháp theo yêu cầu thứ hai ở sách giáo khoa trang 25.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Ba bạn mắc ba chỗ khác nhau nên không dùng chung một cách được. Lâm cần chỗ để thể hiện mà không nguy hiểm, Hạnh cần một mục tiêu nhỏ để dám bắt đầu, còn Khôi cần một lí do đủ mạnh để rời trò chơi. Điểm chung là không ai đổi vì bị chê.

## TIẾT 38. QUẢN LÍ CẢM XÚC TRONG BỐN TÌNH HUỐNG TRANG 25 VÀ 26

**Kết nối hai tiết (3′):** Ba tiết vừa rồi lớp làm việc với kỉ luật và với bạn bè. Tiết này quay lại phần khó nhất của chủ đề là giữ được mình lúc bị chọc giận, bị hiểu lầm hay bị dội gáo nước lạnh.

### Nhiệm vụ 2.22. Đề xuất cách quản lí cảm xúc cho bốn tình huống (42′)

**a) Mục tiêu:** Đề xuất được cách quản lí cảm xúc và ứng xử hợp lí trong bốn tình huống giao tiếp khác nhau: với người lạ, với bố mẹ, với bạn ganh đua và với bạn nói lời làm mình hụt hẫng.

**b) Nội dung:** Học sinh xử lí bốn tình huống nguyên văn ở sách giáo khoa trang 25 và 26. Tình huống 1: trời vừa mưa xong nên nước còn đọng trên đường, khi Hướng đi ngang qua vũng nước thì một người đàn ông đi xe máy làm bắn nước bẩn lên người, người đó quay lại nhìn Hướng và cười khiến Hướng rất tức giận. Tình huống 2: Sinh tham gia dự án bảo vệ môi trường nên cần vào mạng tìm tài liệu, khi Sinh đang miệt mài tìm kiếm thì bố nhìn thấy và cho rằng Sinh đang lãng phí thời gian nên đã nặng lời, khiến bạn cảm thấy rất ấm ức. Tình huống 3: Minh và Dũng học cùng lớp với Nga, cả hai đều thầm thích Nga; Dũng học giỏi hơn Minh nên tự tin là Nga thích mình hơn, một hôm Dũng nhìn thấy Minh đi cùng Nga nên ghen tức và nói với Minh câu kém hơn mà cũng đòi, để xem ai thắng. Tình huống 4: tự biết sức học của bản thân chưa tốt nên Hằng luôn kiên trì cố gắng, bài kiểm tra cuối kì bạn đạt điểm cao ngoài mong đợi; đang vui thì Lan nói chắc do may mắn thôi, khiến Hằng cảm thấy như bị dội gáo nước lạnh.

**c) Sản phẩm:** Phiếu bốn tình huống của nhóm, mỗi tình huống ghi ba phần: cảm xúc đang có, cách hạ nhiệt theo quy trình đã lập ở tiết 28 và một câu ứng xử cụ thể; hai tình huống được đóng vai trước lớp.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên phát bốn phiếu tình huống cho sáu nhóm, mỗi nhóm nhận hai tình huống; yêu cầu mỗi tình huống phải gọi tên cảm xúc trước rồi mới nói cách ứng xử.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (16′):** Các nhóm thảo luận và viết phiếu. Giáo viên gợi ý nhóm làm tình huống 2 rằng bố hiểu nhầm vì không biết Sinh đang làm gì, vậy việc cần làm trước là cho bố biết chứ không phải cãi lại; gợi ý nhóm làm tình huống 3 rằng câu nói của Dũng nhằm khiêu khích, đáp lại đúng kiểu ấy là mắc bẫy.

**3. Báo cáo, thảo luận (15′):** Hai nhóm đóng vai tình huống 2 và tình huống 4, mỗi nhóm khoảng bốn phút. Các nhóm còn lại trình bày nhanh hai tình huống kia. Lớp chia sẻ suy nghĩ về cách quản lí cảm xúc theo yêu cầu thứ hai ở sách giáo khoa trang 26.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Bốn tình huống đều có chung một bẫy là đáp trả ngay khi cơn giận còn đang lên cao. Cách xử lí tốt luôn có một khoảng dừng ở giữa, dù chỉ vài giây. Sau khoảng dừng ấy, việc cần làm không phải là thắng người kia mà là nói cho rõ điều mình muốn.

## TIẾT 39. ĐỐI CHIẾU SỔ THU CHI VÀ ĐIỀU CHỈNH CHI TIÊU

**Kết nối hai tiết (3′):** Cách đây chín tiết mỗi em đã nhận việc ghi sổ thu chi trong hai tuần. Hôm nay mang sổ ra đối chiếu để biết tiền của mình thật sự đã đi đâu.

### Hoạt động 3. Luyện tập – Đọc lại sổ thu chi và cắt bớt khoản chưa hợp lí (42′)

**a) Mục tiêu:** Thực hiện được kế hoạch tài chính cá nhân hợp lí: đọc lại sổ thu chi hai tuần, rà soát và cân nhắc điều chỉnh các khoản chi chưa hợp lí, nêu được cách tăng thêm khoản thu phù hợp với học sinh.

**b) Nội dung:** Mỗi học sinh mang sổ thu chi đã ghi trong hai tuần, cộng tổng thu, tổng chi và số còn lại; xếp các khoản chi thành hai nhóm thiết yếu và chưa thiết yếu; chọn ba khoản sẽ cắt bớt và ước tính số tiền tiết kiệm được trong một tháng. Sau đó, dựa vào gợi ý ở sách giáo

khoa trang 26, mỗi em nêu một cách tăng thu phù hợp như làm thêm việc vừa sức hoặc thanh lí đồ cũ. Mọi con số đều có thể làm tròn và không ai phải công bố tổng số tiền của mình.

**c) Sản phẩm:** Bảng tổng kết hai tuần của mỗi học sinh gồm tổng thu, tổng chi, số còn lại; danh sách ba khoản sẽ cắt kèm số tiền dự kiến tiết kiệm được trong một tháng; một cách tăng thu khả thi.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′):** Giáo viên nhắc lại quy ước không công bố số tiền thật, hướng dẫn cách cộng ba dòng tổng và kẻ mẫu bảng tổng kết lên bảng lớp.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (18′):** Học sinh cộng sổ, phân loại khoản chi và chọn ba khoản sẽ cắt. Giáo viên đi từng bàn, giúp các em cộng còn sai và hỏi em nào xếp tất cả các khoản vào nhóm thiết yếu: nếu tuần sau không có khoản này thì em có thiếu gì không.

**3. Báo cáo, thảo luận (14′):** Học sinh trao đổi theo cặp về ba khoản sẽ cắt, sau đó sáu em chia sẻ trước lớp một khoản mình sẽ cắt và một cách tăng thu. Lớp nhận xét cách tăng thu nào thật sự vừa sức với học sinh và cách nào ảnh hưởng tới việc học.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Ghi sổ hai tuần cho thấy phần lớn số tiền không đi vào những khoản lớn mà rơi vãi ở những khoản nhỏ lặp lại. Cắt được ba khoản nhỏ lặp lại thì trong một tháng số tiền dành ra được thường lớn hơn các em tưởng.

## TIẾT 40. VẬN DỤNG VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

**Kết nối hai tiết (3′):** Mười bảy tiết vừa qua lớp đã làm việc với kỉ luật, với sự tự hoàn thiện, với bạn bè, với cảm xúc và với đồng tiền. Tiết cuối gom lại thành cam kết mang về nhà và một lần tự đánh giá.

### Hoạt động 4. Vận dụng – Cam kết rèn luyện và tự đánh giá chủ đề (42′)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng được các biện pháp và kế hoạch đã xác định vào cuộc sống hằng ngày; tự đánh giá được kết quả trải nghiệm chủ đề theo sáu tiêu chí của sách giáo khoa.

**b) Nội dung:** Theo hoạt động 11 ở sách giáo khoa trang 27, mỗi học sinh cam kết năm việc: thực hiện kế hoạch thay đổi thói quen tiêu cực để tuân thủ kỉ luật và quy định chung của nhà trường và cộng đồng; áp dụng các biện pháp quản lí cảm xúc và ứng xử phù hợp trong giao tiếp hằng ngày; thực hiện kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân; áp dụng các biện pháp thu hút các bạn cùng phấn đấu hoàn thiện; ghi chép lại kết quả, cảm xúc khi thực hiện thành công cùng những khó khăn và cách vượt qua để chia sẻ với thầy cô và các bạn. Sau đó học sinh hoàn thành phiếu tự đánh giá sáu tiêu chí ở trang 27 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

**c) Sản phẩm:** Phiếu cam kết năm việc của mỗi học sinh có ghi ngày bắt đầu; nhật kí rèn luyện dự kiến ghi mỗi tuần một dòng trong bốn tuần; phiếu tự đánh giá sáu tiêu chí đã đánh dấu mức đạt kèm tên sản phẩm chứng minh.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′):** Giáo viên phát lại thẻ cam kết viết ở tiết 23 và bảng kế hoạch tự hoàn thiện ở tiết 36 để mỗi em đối chiếu; chiếu sáu tiêu chí tự đánh giá ở sách giáo khoa trang 27 lên tivi và giải thích từng tiêu chí bằng sản phẩm cụ thể lớp đã làm.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (16′):** Học sinh viết phiếu cam kết năm việc và đánh dấu phiếu tự đánh giá, ghi kèm tên sản phẩm chứng minh cho mỗi tiêu chí chọn mức Đạt. Giáo viên đi một vòng, hỏi em nào đánh dấu Đạt cho tiêu chí thu hút bạn: bạn ấy là ai và bạn ấy đã thay đổi điều gì.

**3. Báo cáo, thảo luận (16′):** Sáu học sinh chia sẻ một tiêu chí mình chưa đạt và dự định làm tiếp; lớp góp ý cách làm. Sau đó lớp cùng đọc lại bộ nguyên tắc dùng máy trung thực dán ở góc lớp và bổ sung nếu thấy còn thiếu điều nào sau chín tiết vừa qua.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Chủ đề khép lại nhưng bốn việc thì còn chạy tiếp: thẻ cam kết kỉ luật, kế hoạch tự hoàn thiện, sổ thu chi và bộ nguyên tắc dùng máy. Nhật kí bốn tuần cùng phiếu tự đánh giá là căn cứ cho đánh giá thường xuyên của chủ đề này.

## IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

# PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 3 – DÙNG XUYÊN SUỐT CHỦ ĐỀ

*Họ và tên: …… Lớp: …… Nhóm: ……*

## A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Việc gần đây nhất em định làm cho đều mà rồi bỏ dở là việc gì?
2. Điều gì khiến em bỏ dở việc ấy?
3. Trong học kì này, em muốn rèn cho được điều gì ở bản thân?

## B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 3

| Nội dung | Ý chính (SGK nói gì?) | Ví dụ / tình huống minh hoạ | Rút ra điều gì? |
|---|---|---|---|
| *Gợi ý cách ghi →* | *Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.* | *Nêu một ví dụ, tình huống hoặc số liệu minh hoạ.* | *Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.* |
| 1. Tuân thủ kỉ luật, quy định chung | | | |
| 2. Nỗ lực hoàn thiện bản thân | | | |
| 3. Thu hút các bạn cùng phấn đấu | | | |
| 4. Quản lí cảm xúc và ứng xử hợp lí | | | |
| 5. Kế hoạch tài chính cá nhân | | | |

## C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

### C1. Ba tình huống nhờ máy làm hộ – rủi ro nào đi kèm

*Đọc ba tình huống thầy cô phát, ghi rủi ro vào bảng dưới. Phần này làm trên giấy, cả lớp không dùng thiết bị.*

| Tình huống | Rủi ro về đạo đức | Rủi ro về pháp lí hoặc nội quy | Cuối cùng ai chịu hậu quả? |
|---|---|---|---|
| 1. Nhờ máy viết hộ bài thu hoạch rồi nộp như bài của mình | | | |
| 2. Hỏi máy nên tiêu tiền thế nào và làm theo ngay | | | |
| 3. Kể chuyện gia đình và thời gian biểu cho máy để nhờ nhắc việc | | | |

### C2. Ba nhóm rủi ro và cách dùng an toàn

| Nhóm rủi ro | Biểu hiện cụ thể | Điều nào trong nội quy liên quan? | Cách dùng an toàn |
|---|---|---|---|
| Lệ thuộc | | | |
| Số liệu sai | | | |
| Lộ dữ liệu riêng tư | | | |

Trả lời hai câu hỏi sau:

1. Vì sao một phần mềm trả lời rất trôi chảy mà con số nó đưa ra vẫn có thể sai với em?

2. Điều em đã kể cho máy nghe, sau đó nằm ở đâu và ai có thể đọc được?

**Bộ nguyên tắc dùng máy trung thực mà lớp em đã thống nhất:**

– Điều 1: .....

– Điều 2: .....

– Điều 3: .....

## D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

### D1. Kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân (theo mẫu SGK trang 24)

| TT | Mục tiêu | Biện pháp | Thời gian | Điều kiện, người hỗ trợ | Kết quả mong đợi |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |

### D2. Sổ thu chi cá nhân – ghi trong hai tuần

*Số tiền có thể làm tròn. Em không phải nói số tiền thật của gia đình cho ai.*

| Ngày | Nội dung khoản thu hoặc khoản chi | Thu | Chi | Còn lại |
|---|---|---|---|---|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | Tổng hai tuần | | | |

– Ba khoản em sẽ cắt bớt: .....

– Số tiền dự kiến dành ra được trong một tháng: .....

– Một cách tăng thêm khoản thu vừa sức với em: .....

### D3. Cam kết rèn luyện sau chủ đề

| Việc em cam kết làm | Bắt đầu từ ngày | Người hỗ trợ | Dấu hiệu cho thấy em đã làm được |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |

# PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

## 1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

| Nội dung | Ý chính (SGK nói gì?) | Ví dụ / tình huống | Rút ra điều gì? |
|---|---|---|---|
| 1. Tuân thủ kỉ luật, quy định chung | SGK trang 21, hoạt động 1 yêu cầu chia sẻ những quy định đã tuân thủ, những quy định chưa thường xuyên thực hiện, khó khăn đã gặp và cách khắc phục; sau đó thảo luận biện pháp tuân thủ kỉ luật của nhóm, lớp, tập thể trường và cộng đồng. | Ba biện pháp sách nêu: nhận thức được việc tuân thủ kỉ luật là tốt cho bản thân, tập thể và cộng đồng; tạo thói quen tuân thủ kỉ luật, quy định; nghiêm túc trong việc thực hiện. Năm tình huống rèn luyện tính kỉ luật ở trang 23 và 24 lần lượt về Sơn, Hiền, Tùng, Mai và Hà. | Kỉ luật giữ được lâu là nhờ thói quen chứ không nhờ quyết tâm nhất thời; và chỗ khó nhất là lúc không ai kiểm tra. |
| 2. Nỗ lực hoàn thiện bản thân | SGK trang 21, hoạt động 2 yêu cầu chia sẻ những việc đã làm để phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu về đạo đức, lối sống, học tập và sức khoẻ; rồi xác định hành động biểu hiện sự cố gắng, kiên trì. Trang 24, hoạt động 7 đưa mẫu bảng kế hoạch. | Bảng Kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân ở trang 24 có 6 cột: TT, Mục tiêu, Biện pháp, Thời gian, Điều kiện và người hỗ trợ, Kết quả mong đợi; 3 dòng mục tiêu mẫu là phát huy khả năng giao tiếp tốt, khắc phục tính nóng nảy, thay đổi thói quen dậy muộn. | Nỗ lực chỉ nhìn thấy được khi nó biến thành hành động lặp lại; kế hoạch thiếu cột người hỗ trợ thì thường bỏ dở ở tuần thứ hai. |
| 3. Thu hút các bạn cùng phấn đấu | SGK trang 22, hoạt động 3 yêu cầu chia sẻ cách đã thu hút bạn về đạo đức lối sống, học tập, sức khoẻ; rồi xác định một số cách thu hút. Trang 25, hoạt động 8 đưa 3 trường hợp để thực hành. | Bốn cách sách nêu: chủ động gần gũi, tâm sự; khích lệ, động viên bạn phát huy khả năng và cố gắng hết sức; giúp bạn xác định mục tiêu và xây dựng kế hoạch tự hoàn thiện; khuyên bạn suy nghĩ tích cực và thay đổi vì tương lai của bản thân. Ba trường hợp là Lâm đi đua xe bị xử phạt hành chính, Hạnh nhút nhát không đặt mục tiêu, Khôi thông minh nhưng ham chơi điện tử. | Mỗi bạn mắc ở một chỗ khác nhau nên không có một cách rủ chung; và không ai thay đổi vì bị chê. |
| 4. Quản lí cảm xúc và ứng xử hợp lí | SGK trang 22, hoạt động 4 yêu cầu chia sẻ cảm xúc trong các tình huống giao tiếp rồi xác định cách điều chỉnh cảm xúc và cách thể hiện cảm xúc, ứng xử phù hợp. Trang 25 và 26, hoạt động 9 đưa 4 tình huống để đề xuất cách xử lí. | Cách điều chỉnh cảm xúc sách gợi ý: hít thở sâu; thả lỏng cơ thể; đặt mình vào vị trí của người khác để hiểu. Bốn tình huống lần lượt là Hướng bị bắn nước bẩn, Sinh bị bố hiểu lầm khi tìm tài liệu cho dự án bảo vệ môi trường, Minh bị Dũng khiêu khích, Hằng bị Lan nói chắc do may mắn thôi. | Việc đầu tiên là hạ nhiệt cho cơ thể rồi mới nghĩ lại được cho người kia; nói được cảm xúc của mình mà không quy lỗi thì giữ được cả việc lẫn quan hệ. |
| 5. Kế hoạch tài | SGK trang 23, hoạt động | Cách thực hiện hợp lí sách | Cản trở lớn nhất |

| Nội dung | Ý chính (SGK nói gì?) | Ví dụ / tình huống | Rút ra điều gì? |
|---|---|---|---|
| chính cá nhân | 5 yêu cầu chia sẻ thuận lợi, khó khăn khi thực hiện kế hoạch tài chính rồi xác định cách thực hiện hợp lí. Trang 26, hoạt động 10 yêu cầu xác định cản trở và đề xuất cách thực hiện kế hoạch tài chính hợp lí. | nêu: tuân thủ các mức chi tiêu đã đề ra gồm số tiền hiện có, số tiền cần tiết kiệm, số tiền cần chi tiêu, cách cải thiện chi tiêu; ghi chép các khoản thu và chi; điều chỉnh khoản chi không thiết yếu hoặc tạo khoản thu nhập khác. Cản trở ví dụ: thói quen không kiểm soát chi tiêu, không có nguồn thu. Cách khắc phục: theo dõi thu chi thường xuyên; ghi chép mỗi ngày rồi rà soát; chỉ chi khoản cần thiết, dùng chung với anh chị em; không bị cuốn theo khuyến mãi; tìm cách tăng thu nhập như làm thêm, thanh lí đồ cũ. | thường không phải thiếu tiền mà là không nhìn thấy tiền đã đi đâu; một quyển sổ nhỏ giải quyết được phần lớn chuyện đó. |

**2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1**

**Tình huống 1 –** rủi ro đạo đức là điểm số không còn phản ánh năng lực thật của người nộp bài, và những bạn tự làm thì bị thiệt. Rủi ro về nội quy là vi phạm quy định về trung thực trong học tập và kiểm tra, đánh giá. Người chịu hậu quả cuối cùng chính là học sinh ấy, vì phần năng lực chưa hình thành sẽ lộ ra ở bài kiểm tra sau.

**Tình huống 2 –** phần mềm không biết học sinh có bao nhiêu tiền, ở vùng nào, giá cả ra sao, nên tỉ lệ nó đưa ra chỉ là mức trung bình học được từ rất nhiều bài viết trên mạng. Làm theo mà thiếu tiền thì không ai chịu trách nhiệm thay. Cách phòng là tự cộng lại bằng số của mình rồi mới quyết định.

**Tình huống 3 –** chuyện gia đình và thời gian biểu là dữ liệu cá nhân. Khi đã gõ vào một dịch vụ trên mạng thì học sinh không còn kiểm soát được nó nằm ở đâu và ai đọc được. Đây là cái mất không lấy lại được, khác hai tình huống trên. Cách phòng duy nhất là không kể ra ngay từ đầu.

**Ba nhóm rủi ro –** lệ thuộc thì phòng bằng cách tự làm trước rồi mới đối chiếu; số liệu sai thì phòng bằng cách kiểm lại bằng phép tính của mình hoặc bằng một nguồn chính thức; lộ dữ liệu thì phòng bằng cách không nhập tên thật, địa chỉ, số điện thoại và chuyện riêng của gia đình.

**Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):**

– Chỉ ra được cả rủi ro đạo đức và rủi ro pháp lí cho từng tình huống: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Xếp đúng rủi ro vào ba nhóm lệ thuộc, số liệu sai, lộ dữ liệu: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Dẫn được một điều trong nội quy nhà trường cho ít nhất hai nhóm rủi ro: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Đề xuất được cách dùng an toàn viết thành câu kiểm tra được: Đạt hoặc Chưa đạt.

**3. Lỗi thường gặp và gợi mở**

**Lỗi 1 –** học sinh ghi quy định chưa tuân thủ theo kiểu còn hay quên, không nêu được lúc nào và mấy lần. Gợi mở: hỏi tuần vừa rồi em quên mấy lần và quên vào buổi nào trong ngày.

**Lỗi 2 –** biện pháp tuân thủ kỉ luật dừng ở mức sẽ cố gắng hơn. Gợi mở: yêu cầu gắn biện pháp vào một mốc trong ngày, ví dụ tối trước khi đi ngủ soạn sẵn đồ cho hôm sau.

**Lỗi 3 –** kế hoạch tự hoàn thiện đặt mục tiêu quá lớn hoặc bỏ trống cột điều kiện, người hỗ trợ. Gợi mở: hỏi trong một tháng em làm được đến đâu của mục tiêu này, và ai sẽ nhắc em vào lúc em định bỏ cuộc.

**Lỗi 4 –** trong bốn tình huống quản lí cảm xúc, học sinh chọn cách đáp trả ngay cho hả giận, nhất là ở tình huống Dũng khiêu khích Minh. Gợi mở: hỏi sau câu đáp trả ấy thì chuyện dừng lại hay còn to hơn, và ai được lợi khi Minh mất bình tĩnh.

**Lỗi 5 –** học sinh xếp mọi khoản chi của mình vào nhóm thiết yếu nên không cắt được khoản nào. Gợi mở: hỏi nếu tuần sau không có khoản này thì em thiếu mất điều gì, và yêu cầu xếp theo thứ tự từ cần nhất tới ít cần nhất rồi cắt hai khoản cuối.

**Lỗi 6 –** học sinh cho rằng nhờ máy viết rồi có sửa lại vài chỗ thì vẫn là bài của mình. Gợi mở: hỏi phần nào trong bài là suy nghĩ của em, và nếu thầy cô yêu cầu giải thích một câu bất kì trong bài thì em có giải thích được không.

**Lỗi 7 –** học sinh nhầm rủi ro lộ dữ liệu với rủi ro số liệu sai, coi cả hai đều là chuyện máy trả lời không đúng. Gợi mở: chỉ ra khác biệt về thời điểm — số liệu sai thì phát hiện được ngay khi cộng lại, còn dữ liệu đã lộ thì không có cách nào thu về.

### 4. Bảng tiêu chí đánh giá

| Tiêu chí | Đạt tốt | Đạt | Chưa đạt |
|---|---|---|---|
| Kiến thức, quy trình | Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng. | Đúng các ý hoặc bước chính. | Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi. |
| Sản phẩm và dữ liệu | Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số. | Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản. | Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị. |
| Năng lực số và AI (Phụ lục 3) | Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng. | Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra. | Nhầm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy. |
| Hợp tác, an toàn | Đúng vai, đúng giờ; trung thực và an toàn. | Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản. | Thiếu phối hợp hoặc vi phạm an toàn. |

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**
**(Ký và ghi rõ họ tên)**

**....., ngày …… tháng …… năm 2026**
**GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)**

**SỞ GD&ĐT: ……**
**TRƯỜNG: ……**
**TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP**

# KẾ HOẠCH BÀI DẠY

## HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 11

*(Năm học 2026 - 2027)*

## CHỦ ĐỀ 4. CHĂM SÓC GIA ĐÌNH

*(Số tiết: 9 — tuần 14 đến tuần 17; tiết 41 đến tiết 46 và tiết 48 đến tiết 50)*

*Tên chủ đề ghi theo sách giáo khoa trang 28 là Chăm sóc gia đình; phân phối chương trình của nhà trường gọi chủ đề này là Trách nhiệm với gia đình. Tiết 47 dành cho Đánh giá cuối kì I, nằm xen giữa chủ đề.*

Giáo viên: …… | Lớp: …… | Ngày dạy: ……

## I. MỤC TIÊU

### 1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

– Thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc thường xuyên những người thân trong gia đình cả về sức khoẻ thể chất lẫn đời sống tinh thần.

– Nhận biết được trạng thái sức khoẻ tinh thần của người thân qua những dấu hiệu hằng ngày.

– Biết cách hoá giải những mâu thuẫn, xung đột xảy ra trong gia đình, cả khi mình là người trong cuộc lẫn khi mình đứng giữa hai người thân.

– Thể hiện được sự tự giác và trách nhiệm khi tham gia các hoạt động lao động khác nhau trong gia đình.

– Thể hiện được sự tự tin trong việc tổ chức, sắp xếp hợp lí công việc gia đình và điều chỉnh được khi có việc phát sinh đột xuất.

– Lập được kế hoạch chi tiêu phù hợp với thu nhập trong gia đình theo mẫu ở sách giáo khoa trang 34 và đề xuất được biện pháp thực hiện mục tiêu tiết kiệm tài chính.

### 2. Năng lực

**Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp:** năng lực thích ứng với cuộc sống khi nhận ra trạng thái tinh thần của người thân và ứng xử cho hợp; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi sắp xếp công việc gia đình theo thứ tự ưu tiên và khi lập kế hoạch chi tiêu cho cả năm.

**Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác khi hoá giải mâu thuẫn giữa những người thân; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi tìm biện pháp cho gia đình vượt qua tháng bị vượt chi; tự chủ và tự học khi tự giác nhận việc nhà mà không cần ai nhắc.

**Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)**

**1.3.NC1a – 1.3. Quản lý dữ liệu, thông tin và nội dung số — Tổ chức, lưu trữ và truy xuất được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Tổ chức và sắp xếp được chúng trong một môi trường có cấu trúc.. Cụ thể trong chủ đề này: HS lập bảng kế hoạch chi tiêu gia đình theo cột thu - chi - tiết kiệm, phân loại khoản chi thiết yếu và không thiết yếu rồi tính tỉ lệ từng nhóm, đối chiếu với chi tiêu thật của gia đình mình.**

**11.C3 – C3. Công nghệ AI — Cách đặt prompt phù hợp với mục tiêu cụ thể / Khám phá cách thức vận hành một số hệ thống AI / Một số phương pháp, nhiệm vụ tùy chỉnh hệ thống AI. Cụ thể trong chủ đề này: HS viết prompt nhờ AI gợi ý cách hoá giải một mâu thuẫn trong gia đình, chỉnh prompt cho rõ hoàn cảnh và đối chiếu gợi ý với thực tế gia đình mình trước khi áp dụng.**

**Minh chứng:** bảng kế hoạch chi tiêu gia đình trên giấy có cột tỉ lệ phần trăm đã tính và đối chiếu với hai mức của sách; hai câu lệnh trước và sau khi chỉnh kèm bảng ba cột so sánh gợi ý của máy với hoàn cảnh thật; phiếu xử lí hai tình huống tiết kiệm ở trang 34 và 35.

**3. Phẩm chất**

**Nhân ái:** quan tâm tới sức khoẻ và tâm trạng của ông bà, cha mẹ, anh chị em; biết ơn công sức người thân đã dành cho mình.

**Trách nhiệm:** tự giác nhận phần việc nhà và làm cho xong, không chờ người lớn nhắc.

**Chăm chỉ:** duy trì đều đặn những việc nhỏ đã nhận trong gia đình.

**Trung thực:** nói đúng sự việc khi đứng giữa hai người thân đang mâu thuẫn, không bênh theo cảm tính.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**Giáo viên:** sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 28–35 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có nối Internet; giấy A3, giấy A4, bút màu, giấy nhớ; bản in phóng to bảng Kế hoạch chi tiêu gia đình ở trang 34 phát cho mỗi nhóm một bản; bản in bộ số liệu giả định về thu chi của ba gia đình mẫu do giáo viên tự đặt, dùng thay cho số liệu thật; bản in các tình huống ở trang 30, 33, 34 và 35 cắt rời từng phiếu; máy tính bỏ túi cho các nhóm; phiếu học tập ở Phụ lục 1 in đủ cho mỗi học sinh một bản.

**Học sinh:** sách giáo khoa, vở, bút; giấy nhớ; một tờ giấy ghi sẵn ba việc nhà mình thường làm và ba việc mình chưa từng làm.

**Phương án dự phòng:** trường chỉ có một máy tính của giáo viên nên học sinh lập mọi bảng trên giấy A3 và giấy A4; giáo viên nhập số tổng hợp lên máy rồi chiếu chung cho cả lớp đối chiếu. Khi mất điện hoặc mất mạng, giáo viên dùng bản in bảng kế hoạch chi tiêu, bản in bộ số liệu giả định và bản in các tình huống đã chuẩn bị sẵn; phần đối chiếu câu lệnh với trí tuệ nhân tạo chuyển thành đối chiếu với ba gợi ý mà giáo viên đã in ra từ hôm trước. Không nhiệm vụ nào của chủ đề bắt buộc phải có thiết bị của học sinh.

**An toàn:** học sinh tuyệt đối không phải nêu thu nhập thật của gia đình mình. Mọi phép tính trong chủ đề đều làm trên bộ số liệu giả định do giáo viên phát hoặc trên số do nhóm tự đặt ra. Khi kể về mâu thuẫn trong gia đình, các em chỉ kể ở mức đủ để bàn cách xử lí, không kể chuyện riêng tư của người lớn và không nêu tên thật; nếu có em nào ngại thì dùng luôn tình huống trong sách. Học sinh không gõ tên thật, địa chỉ nhà, số điện thoại hay chuyện riêng của gia đình vào bất kì trang nào; câu lệnh gửi cho trí tuệ nhân tạo do giáo viên gõ trên máy của lớp và đã được lược hết thông tin nhận dạng. Bài tập về nhà lấy ý kiến gia đình chỉ mang tính tự nguyện.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**Mạch bài:** hiểu người thân → gỡ được mâu thuẫn → nhận việc nhà và sắp xếp cho gọn → lo được đồng tiền chung → giữ cho gia đình êm ấm lâu dài.

| Tiết | Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm | Sản phẩm nối tiếp | Thời gian |
|---|---|---|---|
| 41 | Em hiểu người thân của mình đến đâu và đã chăm sóc thế nào? | Phiếu chân dung người thân và bảng hai mảng việc cần làm | 45 phút |
| 42 | Mâu thuẫn trong nhà thường bắt đầu từ đâu? | Cách hoá giải hai tình huống trang 30 và bảng hai cột trang 31 | 45 phút |
| 43 | Câu lệnh nhờ máy gợi ý phải viết thế nào cho đúng việc? | Hai câu lệnh trước và sau khi chỉnh, kèm bảng đối chiếu | 45 phút |
| 44 | Vì sao bạn Phong tự tin sắp xếp được việc nhà? | Nhận xét thời gian biểu của Phong và cách sắp xếp việc | 45 phút |
| 45 | Một kế hoạch chi tiêu của gia đình gồm những khối nào? | Bảng kế hoạch chi tiêu trên giấy có cột tỉ lệ phần trăm | 45 phút |
| 46 | Hoá giải mâu thuẫn và chăm sóc người thân trong bốn tình huống | Phiếu xử lí bốn tình huống trang 33 | 45 phút |
| 48 | Việc nhà của em xếp thế nào cho vừa sức và không quên? | Bảng bốn cột sắp xếp công việc gia đình | 45 phút |
| 49 | Tháng bị vượt chi thì gia đình xoay xở ra sao? | Biện pháp cho hai tình huống tiết kiệm trang 34 và 35 | 45 phút |
| 50 | Em sẽ giữ nếp chăm sóc gia đình bằng cách nào? | Cam kết bốn việc và phiếu tự đánh giá bảy tiêu chí | 45 phút |

## TIẾT 41. QUAN TÂM, CHĂM SÓC NGƯỜI THÂN TRONG GIA ĐÌNH

**Hoạt động 1. Mở đầu – Hôm nay mẹ em có vui không (8′)**

**a) Mục tiêu:** Khơi lên sự chú ý tới người thân và làm xuất hiện câu hỏi chính của chủ đề: mình sống cùng nhà nhưng đã thật sự để ý tới nhau chưa.

**b) Nội dung:** Giáo viên nêu ba câu hỏi nhanh về người thân trong nhà: hôm qua bố hoặc mẹ đi làm về lúc mấy giờ, tuần này trong nhà có ai mệt hay có chuyện gì buồn không, và món ăn người thân của em thích nhất là món gì. Học sinh trả lời ba câu hỏi mở đầu ở mục A của Phụ lục 1.

**c) Sản phẩm:** Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; số học sinh trả lời được cả ba câu được đếm và ghi lên bảng.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (1′):** Giáo viên nêu ba câu hỏi, phát Phụ lục 1 và yêu cầu mỗi em trả lời ở mục A trong ba phút, ai không nhớ thì cứ để trống chứ không đoán.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (3′):** Học sinh tự viết. Giáo viên đi một vòng, không hỏi ai về nội dung câu trả lời, chỉ nhắc các em viết thật, để trống cũng được.

**3. Báo cáo, thảo luận (3′):** Giáo viên đếm bằng cách giơ tay: bao nhiêu em trả lời được cả ba câu, bao nhiêu em bỏ trống ít nhất một câu. Bốn học sinh tự nguyện chia sẻ một câu trả lời.

**4. Kết luận, nhận định (1′):** GV chốt: Số ô để trống trên bảng cho thấy chăm sóc gia đình bắt đầu từ việc để ý. Chín tiết tới lớp sẽ đi bốn việc: hiểu người thân, gỡ mâu thuẫn, nhận việc nhà và lo đồng tiền chung.

**Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề**

**a) Mục tiêu:** Đi hết chín hoạt động của chủ đề trong sách giáo khoa từ trang 30 đến trang 35, bám bảy định hướng nội dung ghi ở trang 29.

**b) Nội dung:** Mười ba nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 41 đến tiết 49, theo mạch: quan tâm chăm sóc người thân, hoá giải mâu thuẫn, sắp xếp công việc gia đình và kế hoạch chi tiêu.

**c) Sản phẩm:** Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện**

**Nhiệm vụ 2.1. Chân dung người thân và những việc em đã làm (18′)**

**a) Mục tiêu:** Kể được những việc bản thân đã làm thể hiện sự quan tâm, chăm sóc sức khoẻ thể chất và tinh thần đối với người thân; nêu được hiểu biết của mình về từng người thân.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 1 ở sách giáo khoa trang 30, mỗi học sinh chọn một người thân và viết chân dung ngắn gồm điểm mạnh, điểm yếu, sở thích và tính cách của người đó; sau đó ghi hai việc mình đã làm cho người ấy.

**c) Sản phẩm:** Phiếu chân dung một người thân của mỗi học sinh, có đủ bốn mục hiểu biết và hai việc đã làm; kèm một dòng ghi việc mình chưa từng làm cho người ấy.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên nêu bốn mục cần viết theo gợi ý của sách giáo khoa và quy ước chỉ viết ở mức mình thấy thoải mái, không phải kể chuyện riêng của người lớn.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (8′):** Học sinh viết phiếu cá nhân. Giáo viên đi một vòng, gợi cho em nào bí ở mục điểm yếu bằng câu hỏi nhẹ: có điều gì người ấy hay quên hoặc hay lo quá mức không.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Bốn học sinh chia sẻ chân dung của mình. Lớp nhận xét chân dung nào cho thấy người viết thật sự để ý, chân dung nào còn chung chung như ai cũng viết được.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Muốn chăm sóc đúng thì phải hiểu đúng. Biết người thân thích gì, ngại gì thì một việc nhỏ cũng trúng, còn không biết thì làm nhiều mà vẫn trật.

**Nhiệm vụ 2.2. Hai mảng việc cần làm để quan tâm, chăm sóc người thân (19′)**

**a) Mục tiêu:** Xác định được những việc cần làm thể hiện sự quan tâm, chăm sóc thường xuyên đến sức khoẻ thể chất và đến đời sống tinh thần của người thân trong gia đình.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 1 ở sách giáo khoa trang 30, các nhóm lập bảng hai mảng: mảng chăm sóc sức khoẻ thể chất và mảng chăm sóc đời sống tinh thần; mỗi mảng ít nhất bốn việc, trong đó ít nhất hai việc làm được hằng ngày.

**c) Sản phẩm:** Bảng hai mảng của nhóm trên giấy A3, mỗi mảng có ít nhất bốn việc, mỗi việc ghi rõ làm cho ai và làm vào lúc nào trong ngày.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát giấy A3 và bút màu, kẻ khung hai mảng lên bảng lớp làm mẫu.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (9′):** Các nhóm điền bảng. Giáo viên nhắc mảng tinh thần là mảng hay bị bỏ trống, gợi ý bằng câu hỏi: khi mẹ đang buồn thì việc gì giúp được mẹ, ngoài chuyện nấu cơm.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Ba nhóm treo bảng và trình bày. Lớp gom thành bảng chung, đánh dấu sao vào những việc mà đa số các em làm được ngay từ tối nay.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Chăm sóc thể chất thì dễ thấy nên hay được nhớ; chăm sóc tinh thần thì khó thấy nhưng lại là thứ người thân cần nhất khi mệt mỏi. Bảng chung này sẽ dùng lại ở tiết 46 và tiết 50.

## TIẾT 42. HOÁ GIẢI MÂU THUẪN, XUNG ĐỘT TRONG GIA ĐÌNH

**Kết nối hai tiết (3′):** Tiết trước lớp đã dựng được bảng hai mảng việc cần làm cho người thân. Nhưng nhà nào cũng có lúc va chạm, và tiết này bàn cách gỡ những lúc như thế.

**Nhiệm vụ 2.3. Hoá giải mâu thuẫn trong hai tình huống trang 30 (22′)**

**a) Mục tiêu:** Đề xuất được cách hoá giải mâu thuẫn trong hai tình huống có ba thế hệ và có em ở tuổi dậy thì; chỉ ra được nguyên nhân thật sự đằng sau mỗi mâu thuẫn.

**b) Nội dung:** Học sinh xử lí hai tình huống nguyên văn ở sách giáo khoa trang 30. Tình huống 1: Hương mắng em trai vì mải chơi điện tử nên quên nhiệm vụ tưới cây; bà nội đã bênh em và mắng Hương; mẹ chứng kiến sự việc và giải thích với bà là Hương không sai, nhưng bà lại cho là mẹ cãi bà nên rất giận mẹ — nếu là Hương, em sẽ làm gì. Tình huống 2: em của Khánh đang ở tuổi dậy thì nên rất muốn khẳng định mình, em muốn được tự quyết định mọi việc từ học tập đến kết giao bạn bè khiến bố mẹ rất lo lắng; bố nhắc em bớt giao du với bạn, dành thời gian cho học tập, nhưng em cãi lại rằng bố đừng can thiệp vào việc của con, con tự biết sắp xếp, khiến bố Khánh rất tức giận — nếu là Khánh, em sẽ làm gì.

**c) Sản phẩm:** Phiếu xử lí hai tình huống của mỗi nhóm, mỗi tình huống ghi ba phần: nguyên nhân thật sự, việc làm trước tiên và một câu nói cụ thể; hai tình huống được đóng vai trước lớp.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên phát hai phiếu tình huống cắt rời, chia sáu nhóm, mỗi tình huống ba nhóm; nêu rõ phải tìm nguyên nhân thật sự trước rồi mới nói cách xử lí.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm thảo luận và viết phiếu. Giáo viên gợi cho nhóm làm tình huống 1 rằng bà không giận vì chuyện tưới cây mà giận vì thấy mình bị cãi lại; gợi cho nhóm làm tình huống 2 rằng em của Khánh không phản đối lời khuyên mà phản đối cách bị nói.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Hai nhóm đóng vai, mỗi nhóm khoảng hai phút rưỡi. Các nhóm còn lại nhận xét theo một câu hỏi: cách này làm dịu được người đang giận hay làm họ giận thêm.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Trong nhà, chuyện gây ra mâu thuẫn thường nhỏ còn thứ làm nó to lên là cảm giác không được tôn trọng. Vì thế việc phải làm trước tiên không phải là phân xử ai đúng ai sai mà là hạ nhiệt cho người đang giận.

| Khi bản thân có mâu thuẫn, xung đột với người thân | Khi các thành viên trong gia đình có mâu thuẫn, xung đột với nhau |
|---|---|
| – Chủ động nói chuyện với người thân để hoá giải mâu thuẫn, xung đột.<br>– Đặt mình vào vị trí người thân để hiểu cảm xúc của họ.<br>– … | – Xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, xung đột.<br>– Nói chuyện riêng với từng người để hiểu về mâu thuẫn, xung đột đó.<br>– … |

*Bảng gợi ý hai cột cách hoá giải mâu thuẫn, xung đột trong gia đình — SGK trang 31*

**Nhiệm vụ 2.4. Hai nhóm cách hoá giải mâu thuẫn trong gia đình (20′)**

**a) Mục tiêu:** Phân biệt được cách hoá giải khi bản thân có mâu thuẫn với người thân và cách hoá giải khi các thành viên trong gia đình có mâu thuẫn với nhau.

**b) Nội dung:** Từ bảng hai cột ở sách giáo khoa trang 31, các nhóm chép hai cách có sẵn ở mỗi cột rồi bổ sung ít nhất hai cách mới. Cột trái là khi bản thân có mâu thuẫn với người thân, gồm chủ động nói chuyện với người thân để hoá giải và đặt mình vào vị trí người thân để hiểu cảm xúc của họ. Cột phải là khi các thành viên trong gia đình có mâu thuẫn với nhau, gồm xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn và nói chuyện riêng với từng người để hiểu về mâu thuẫn đó.

**c) Sản phẩm:** Bảng hai cột của nhóm trên giấy A3, mỗi cột có ít nhất bốn cách; kèm một dòng chỉ ra cách nào chỉ dùng được ở cột này mà không dùng được ở cột kia.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên chiếu bảng hai cột ở sách giáo khoa trang 31 lên tivi, giải thích khác biệt giữa hai cột: một bên mình là người trong cuộc, một bên mình đứng giữa.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (9′):** Các nhóm chép và bổ sung. Giáo viên hỏi nhóm nào viết giống nhau ở cả hai cột: khi mình đứng giữa mà làm cách này thì có bị coi là bênh một bên không.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Ba nhóm trình bày, tập trung vào phần bổ sung và vào dòng chỉ ra cách chỉ dùng được ở một cột. Lớp gom lại thành bảng chung.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Khi mình là người trong cuộc thì việc cần làm là nói ra cảm xúc của mình cho rõ. Khi mình đứng giữa thì phải nghe riêng từng người trước đã, nói chuyện chung ngay lúc cả hai đang nóng thường làm hỏng thêm.

## TIẾT 43. VIẾT CÂU LỆNH NHỜ MÁY GỢI Ý CÁCH HOÁ GIẢI MÂU THUẪN

**Kết nối hai tiết (3′):** Lớp đã có hai nhóm cách hoá giải mâu thuẫn. Tiết này thử một việc khác: nhờ máy gợi ý xem có được gì thêm không, và quan trọng hơn là học cách hỏi cho đúng.

**Nhiệm vụ 2.5. Viết và chỉnh câu lệnh cho rõ hoàn cảnh (42′)**

**a) Mục tiêu:** Viết được câu lệnh nhờ trí tuệ nhân tạo gợi ý cách hoá giải một mâu thuẫn trong gia đình; chỉnh được câu lệnh cho rõ hoàn cảnh và đối chiếu gợi ý của máy với thực tế trước khi quyết định dùng hay bỏ.

**b) Nội dung:** Mỗi nhóm chọn một trong hai tình huống ở trang 30 làm bối cảnh, viết trên giấy một câu lệnh nhờ máy gợi ý cách hoá giải. Sau đó nhóm chỉnh lại câu lệnh cho rõ bốn điều: ai với ai, chuyện gì đã xảy ra, đã kéo dài bao lâu và mình muốn kết quả ra sao; câu lệnh đã chỉnh phải lược hết tên thật và mọi thông tin nhận dạng. Giáo viên gõ câu lệnh của hai nhóm trên máy tính của lớp và chiếu kết quả lên tivi; cả lớp cùng đối chiếu gợi ý của máy với hoàn cảnh thật của tình huống. Học sinh làm việc trên phiếu giấy, không dùng thiết bị riêng.

**c) Sản phẩm:** Phiếu của mỗi nhóm gồm câu lệnh lần đầu, câu lệnh đã chỉnh có đủ bốn điều, và bảng ba cột đối chiếu: gợi ý của máy, hoàn cảnh thật, quyết định giữ hay bỏ kèm lí do.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên nêu bốn điều mà một câu lệnh tốt phải nói rõ, viết lên bảng làm khung; nhắc quy tắc an toàn là không đưa tên thật, địa chỉ hay chuyện riêng của người lớn vào câu lệnh; phát phiếu cho sáu nhóm.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (16′):** Các nhóm viết câu lệnh lần đầu rồi chỉnh lại theo bốn điều. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi nhóm nào viết câu lệnh quá ngắn kiểu làm sao hết cãi nhau: máy không biết nhà em có mấy người và chuyện gì đã xảy ra thì nó trả lời được gì cho đúng.

**3. Báo cáo, thảo luận (15′):** Giáo viên gõ câu lệnh chưa chỉnh và câu lệnh đã chỉnh của hai nhóm lên máy của lớp, chiếu hai kết quả cạnh nhau. Cả lớp điền bảng ba cột đối chiếu, chỉ ra ý nào của máy dùng được cho hoàn cảnh trong tình huống và ý nào không dùng được.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Câu lệnh càng nói rõ hoàn cảnh thì gợi ý càng bám việc; hỏi trống không thì nhận lại lời khuyên chung chung ai đọc cũng thấy đúng mà không dùng được. Và dù câu lệnh có tốt đến mấy, máy vẫn không biết bà nội em tính thế nào, nên gợi ý chỉ là bản nháp, người trong nhà mới quyết được.

## TIẾT 44. TỰ TIN SẮP XẾP CÔNG VIỆC VÀ TỰ GIÁC LAO ĐỘNG

**Kết nối hai tiết (3′):** Gỡ được mâu thuẫn mới là giữ cho nhà êm. Từ tiết này lớp bàn phần đóng góp cụ thể của mình vào việc nhà, bắt đầu bằng thời gian biểu của một bạn cùng lứa.

| Thời gian | | Hoạt động/ công việc | Ghi chú (Những điều chỉnh khi có việc phát sinh đột xuất) |
|---|---|---|---|
| Sáng 6h – 12h | 6h – 6h15 | Tưới cây, rau | ... |
| | 6h30 – 12h | Đi học | ... |
| Chiều 14h –17h30 | 14h – 16h | Học bài | ... |
| | 16h – 17h | Lao động giúp gia đình | ... |
| | 17h – 17h30 | Rèn luyện sức khoẻ | ... |
| Tối 20h – 22h30 | 20h – 22h30 | Học bài | ... |

*Thời gian biểu một ngày của bạn Phong, học sinh lớp 11 — SGK trang 31*

**Nhiệm vụ 2.6. Đọc thời gian biểu của bạn Phong (22′)**

**a) Mục tiêu:** Nhận xét được ý thức tự giác tham gia lao động trong gia đình của Phong qua thời gian biểu; xác định được những căn cứ khiến Phong tự tin về việc sắp xếp công việc của mình.

**b) Nội dung:** Học sinh đọc trường hợp Một ngày sinh hoạt, học tập và tham gia lao động của Phong ở sách giáo khoa trang 31. Phong là học sinh lớp 11, đã xây dựng thời gian biểu dựa trên thời khoá biểu và những công việc được bố mẹ phân công theo ba bước: xác định các nhiệm vụ cần hoàn thành trong ngày, lựa chọn những việc quan trọng theo thứ tự ưu tiên để sắp xếp làm trước, phân chia thời gian thực hiện một cách hợp lí để dễ quản lí và điều chỉnh. Thời gian biểu chia ba buổi: sáng từ 6h đến 12h với 6h – 6h15 tưới cây, rau và 6h30 – 12h đi học; chiều từ 14h đến 17h30 với 14h – 16h học bài, 16h – 17h lao động giúp gia đình và 17h – 17h30 rèn luyện sức khoẻ; tối từ 20h đến 22h30 học bài. Học sinh trả lời hai câu hỏi gợi ý ở trang 32.

**c) Sản phẩm:** Phiếu nhận xét của mỗi nhóm gồm hai phần: nhận xét về ý thức tự giác của Phong kèm dẫn chứng lấy từ đúng dòng trong thời gian biểu, và ba căn cứ khiến Phong tự tin.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên chiếu thời gian biểu lên tivi, đọc lại ba bước Phong đã làm và giao hai câu hỏi gợi ý ở sách giáo khoa trang 32 cho sáu nhóm.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm đọc bảng và viết phiếu. Giáo viên nhắc mỗi nhận xét phải chỉ được vào một dòng cụ thể trong thời gian biểu, không nhận xét chung là Phong rất chăm.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Ba nhóm trình bày. Lớp bổ sung và cùng đếm: trong một ngày Phong dành bao nhiêu khoảng cho việc nhà và bao nhiêu khoảng cho việc học, có bỏ quên khoảng nào cho sức khoẻ không.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Phong tự tin được không phải vì làm được nhiều mà vì biết trước mình sẽ làm gì vào lúc nào. Chú ý cột ghi chú của bảng để trống là chỗ

dành cho việc phát sinh đột xuất — có chừa chỗ ấy thì hỏng một việc cũng không đổ cả ngày.

**Nhiệm vụ 2.7. Cách tổ chức, sắp xếp hợp lí công việc gia đình (20′)**

**a) Mục tiêu:** Nêu được cách tổ chức, sắp xếp hợp lí công việc để tự tin và tự giác, có trách nhiệm tham gia lao động trong gia đình.

**b) Nội dung:** Từ hai gợi ý ở sách giáo khoa trang 32 là lập danh sách các công việc cần làm và ưu tiên những việc quan trọng, cấp bách, mỗi nhóm bổ sung thêm ít nhất hai cách và thử xếp năm việc nhà giả định do giáo viên phát theo thứ tự ưu tiên.

**c) Sản phẩm:** Danh sách cách sắp xếp công việc của nhóm gồm ít nhất bốn cách; kèm bảng xếp thứ tự năm việc nhà giả định và một câu giải thích vì sao xếp việc đứng đầu lên trước.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên phát cho mỗi nhóm phiếu năm việc nhà giả định gồm nấu cơm tối, giặt quần áo, đón em, học bài cho tiết kiểm tra ngày mai và dọn nhà đón khách cuối tuần.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (9′):** Các nhóm bổ sung cách sắp xếp rồi xếp năm việc theo thứ tự ưu tiên. Giáo viên hỏi từng nhóm: việc nào nếu làm muộn thì không sửa được nữa, và việc nào lùi lại một hôm cũng không sao.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Ba nhóm đọc thứ tự của mình. Lớp so sánh và tranh luận với hai chỗ xếp khác nhau nhiều nhất, mỗi bên nêu căn cứ của mình.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Cách phân biệt hữu ích nhất là hỏi việc nào gấp và việc nào quan trọng. Việc vừa gấp vừa quan trọng làm trước, việc quan trọng mà chưa gấp thì đặt lịch cố định để khỏi quên.

## TIẾT 45. KẾ HOẠCH CHI TIÊU PHÙ HỢP VỚI THU NHẬP GIA ĐÌNH

**Kết nối hai tiết (3′):** Sắp xếp được việc nhà rồi thì còn một việc chung nữa cả nhà phải cùng lo là đồng tiền. Tiết này lớp dựng bảng kế hoạch chi tiêu và tập tính tỉ lệ.

**KẾ HOẠCH CHI TIÊU GIA ĐÌNH**

*(Đơn vị: triệu đồng)*

| Các khoản thu, chi / Tháng / Tỉ lệ (%) | 1 | 2 | ... | ... | 11 | 12 | Tổng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. Tổng thu: | | | | | | | |
| 2. Dự kiến các khoản chi tiêu: | | | | | | | |
| 2.1. Chi thiết yếu (không vượt quá 80%) | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 2.2. Chi phát sinh (lễ, tết, hiếu, hỉ,...) | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| Tổng chi: | | | | | | | |
| 3. Tiết kiệm (Tiết kiệm = Tổng thu – Tổng chi) (Tối thiểu 7%) | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |

*Bảng Kế hoạch chi tiêu gia đình, đơn vị triệu đồng — SGK trang 34*

**Nhiệm vụ 2.8. Ba khối của kế hoạch chi tiêu và hai mức của sách (20′)**

**a) Mục tiêu:** Nêu được các khoản thu, chi của gia đình theo ba khối là tổng thu, các khoản chi và khoản tiết kiệm; nêu được hai mức mà sách giáo khoa quy định.

**b) Nội dung:** Theo hoạt động 4 ở sách giáo khoa trang 32, học sinh xác định ba khối của một kế hoạch chi tiêu gia đình: tổng thu nhập; các khoản chi gồm chi thiết yếu như ăn uống, học tập và chi phát sinh như hiếu, hỉ; khoản tiết kiệm. Sách nêu hai mức là chi thiết yếu không quá 80% và tiết kiệm tối thiểu 7%. Học sinh làm việc trên bộ số liệu giả định của ba gia đình mẫu do giáo viên phát, không dùng số thật của gia đình mình.

**c) Sản phẩm:** Phiếu ba khối của mỗi nhóm, mỗi khối có ít nhất ba khoản ví dụ; kèm hai dòng ghi lại nguyên văn hai mức của sách và một câu giải thích vì sao sách đặt mức trần cho chi thiết yếu.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên nhắc lại quy ước an toàn: cả chủ đề dùng số giả định, không em nào phải nói thu nhập thật của gia đình; sau đó phát bộ số liệu ba gia đình mẫu.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (9′):** Các nhóm phân loại các khoản trong bộ số liệu vào ba khối và ghi lại hai mức của sách. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi khoản nào đang bị xếp nhầm giữa chi thiết yếu và chi phát sinh, ví dụ tiền mừng cưới xếp vào đâu.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Ba nhóm trình bày cách phân loại. Lớp tranh luận với hai khoản khó xếp nhất và cùng thống nhất một quy ước chung để dùng cho các tiết sau.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Ranh giới giữa chi thiết yếu và chi phát sinh không tuyệt đối, nhưng phải thống nhất một cách xếp rồi giữ nguyên thì mới so sánh được các tháng với nhau. Mức trần 80% đặt ra là để luôn còn chỗ cho khoản phát sinh và khoản tiết kiệm.

**Nhiệm vụ 2.9. Lập bảng kế hoạch chi tiêu trên giấy và tính tỉ lệ (22′)**

**a) Mục tiêu:** Lập được bảng kế hoạch chi tiêu gia đình theo mẫu ở sách giáo khoa trang 34 với số liệu giả định; tính được tỉ lệ phần trăm của từng khối trên tổng thu và đối chiếu với hai mức của sách.

**b) Nội dung:** Mỗi nhóm nhận bản in phóng to bảng Kế hoạch chi tiêu gia đình ở trang 34, đơn vị triệu đồng, gồm các dòng Tổng thu, Dự kiến các khoản chi tiêu với hai dòng con là chi thiết yếu không vượt quá 80% và chi phát sinh gồm lễ, tết, hiếu, hỉ, dòng Tổng chi và dòng Tiết kiệm bằng tổng thu trừ tổng chi, tối thiểu 7%. Nhóm điền số liệu giả định cho hai tháng, dùng máy tính bỏ túi để cộng và tính cột tỉ lệ phần trăm, rồi đối chiếu với hai mức. Giáo viên nhập kết quả tổng hợp của các nhóm lên máy tính của lớp và chiếu chung.

**c) Sản phẩm:** Bảng kế hoạch chi tiêu của nhóm điền đủ hai tháng trên giấy, có cột tỉ lệ phần trăm đã tính; kèm một dòng kết luận bảng của nhóm đã đạt cả hai mức của sách hay chưa và phải sửa khoản nào nếu chưa đạt.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên phát bản in phóng to bảng ở trang 34 và máy tính bỏ túi, làm mẫu cách tính tỉ lệ một khối trên bảng lớp: lấy số của khối chia cho tổng thu rồi nhân một trăm.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm điền số giả định cho hai tháng, cộng tổng chi rồi tính tiết kiệm bằng tổng thu trừ tổng chi và tính cột tỉ lệ. Giáo viên đi từng nhóm,

kiểm hai chỗ hay sai là cộng thiếu một dòng con và tính tỉ lệ trên tổng chi thay vì trên tổng thu.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Giáo viên nhập tỉ lệ của sáu nhóm lên máy và chiếu thành một bảng chung. Lớp đọc bảng và chỉ ra nhóm nào chưa đạt mức, sau đó góp ý nên cắt khoản nào để đạt.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Muốn biết một kế hoạch chi tiêu có ổn hay không thì phải quy ra phần trăm chứ đọc số tuyệt đối thì không so được. Hai gia đình có mức thu khác hẳn nhau vẫn so được với nhau bằng tỉ lệ.

## TIẾT 46. RÈN KĨ NĂNG HOÁ GIẢI MÂU THUẪN VÀ CHĂM SÓC NGƯỜI THÂN

**Kết nối hai tiết (3′):** Lớp đã có bảng chi tiêu và cách tính tỉ lệ. Tiết này quay lại phần tình cảm với bốn tình huống trong sách, hai tình huống về mâu thuẫn và hai tình huống về quan tâm người thân.

**Hoạt động 3. Luyện tập – Xử lí bốn tình huống ở sách giáo khoa trang 33 (42′)**

**a) Mục tiêu:** Đề xuất được cách giải quyết bốn tình huống về hoá giải mâu thuẫn và quan tâm, chăm sóc người thân; nhận xét được sự phù hợp và chưa phù hợp trong cách xử lí.

**b) Nội dung:** Học sinh xử lí bốn tình huống nguyên văn ở sách giáo khoa trang 33. Tình huống 1: chiều tối, em gái mượn xe của Hiển sang nhà bạn, trên đường về lốp xe bị chiếc đinh đâm vào nhưng em không biết; sáng hôm sau Hiển lấy xe đi học thì phát hiện xe bị xẹp lốp, trong tâm trạng lo bị muộn học, Hiển đã mắng em là vô trách nhiệm, làm hỏng xe mà không nói để anh có thời gian sửa, vì thế hai anh em giận nhau, không trò chuyện vui đùa như mọi khi nữa — nếu là Hiển, em sẽ làm gì để hoá giải mâu thuẫn này. Tình huống 2: nhà Hương có ba chị em là Hương, Nam và em gái út; có lần Hương thấy em gái đọc trộm nhật kí của anh Nam và mách với mẹ là anh đang yêu, bị mẹ mắng nên Nam rất tức giận, định đánh em — nếu là Hương, em sẽ giải quyết xung đột giữa hai em của mình như thế nào. Tình huống 3: mấy ngày nay bố vẫn đi làm đều nhưng Linh nhận thấy bố có vẻ mệt, ăn ít và gầy hơn; Linh hỏi bố để tìm hiểu thêm nhưng bố nói con cứ yên tâm, bố không sao, Linh hiểu rằng bố không muốn Linh phải lo lắng — nếu là Linh, em sẽ làm gì. Tình huống 4: Minh là người sống tình cảm, luôn quan tâm đến mẹ; hôm nay Minh để ý thấy tâm trạng mẹ có vẻ bất ổn, từ tối mẹ nhiều lần thở dài, nét mặt hiện nỗi buồn và lo lắng; Minh hỏi chị gái xem có biết nguyên nhân không, chị nói mẹ vừa nhận được tin bà ngoại ốm nặng mà mẹ không còn tiền — nếu là Minh, em sẽ làm gì.

**c) Sản phẩm:** Phiếu xử lí bốn tình huống của mỗi nhóm, mỗi tình huống ghi việc làm trước tiên, cách làm cụ thể và một câu nói với người thân; hai tình huống được đóng vai trước lớp.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′):** Giáo viên phát bốn phiếu tình huống, chia sáu nhóm, mỗi nhóm nhận hai tình huống gồm một tình huống về mâu thuẫn và một tình huống về quan tâm; nêu rõ tình huống 3 và 4 khó ở chỗ người thân không muốn nói ra.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (16′):** Các nhóm thảo luận và viết phiếu. Giáo viên gợi cho nhóm làm tình huống 1 rằng em gái không biết lốp bị đinh nên câu vô trách nhiệm là oan;

gợi cho nhóm làm tình huống 4 rằng Minh là học sinh nên việc của Minh không phải là lo tiền mà là làm mẹ bớt một mình gánh.

**3. Báo cáo, thảo luận (16′):** Hai nhóm đóng vai tình huống 1 và tình huống 4, mỗi nhóm khoảng bốn phút; các nhóm còn lại trình bày nhanh hai tình huống kia. Lớp chia sẻ và nhận xét về sự phù hợp, chưa phù hợp theo yêu cầu thứ hai ở sách giáo khoa trang 33.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Hai tình huống đầu cho thấy lời nói lúc nóng giận gây ra vết rạn lâu hơn cả sự việc; xin lỗi sớm thì gỡ được nhanh. Hai tình huống sau cho thấy người thân thường giấu chuyện mệt và chuyện lo để mình khỏi bận tâm, nên cách quan tâm đúng là để ý và làm việc cụ thể chứ không phải hỏi dồn.

## TIẾT 48. SẮP XẾP VÀ TỰ GIÁC THỰC HIỆN CÔNG VIỆC GIA ĐÌNH

**Kết nối hai tiết (3′):** Tiết trước lớp đã xử lí xong bốn tình huống về tình cảm gia đình; sau đó là tiết đánh giá cuối kì I. Trở lại chủ đề, tiết này mỗi em tự nhận phần việc nhà của mình và xếp cho gọn.

Gợi ý:

| Những việc cần làm | Thời gian thực hiện | Điều kiện, phương tiện | Kết quả mong đợi |
|---|---|---|---|
| ... | ... | ... | ... |

*Bảng gợi ý bốn cột sắp xếp công việc gia đình — SGK trang 34*

**Nhiệm vụ 2.10. Lập bảng bốn cột sắp xếp công việc gia đình (22′)**

**a) Mục tiêu:** Sắp xếp được hợp lí những công việc gia đình và những hoạt động lao động khác mà bản thân thấy có trách nhiệm tham gia, theo bốn cột ở sách giáo khoa trang 34.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 6 ở sách giáo khoa trang 34, mỗi học sinh điền bảng bốn cột gồm những việc cần làm, thời gian thực hiện, điều kiện và phương tiện, kết quả mong đợi. Bảng phải có ít nhất bốn việc, trong đó ít nhất hai việc làm hằng ngày và một việc mình chưa từng làm bao giờ. Bảng được điền vào mục D của Phụ lục 1.

**c) Sản phẩm:** Bảng bốn cột của mỗi học sinh với ít nhất bốn việc; mỗi việc có thời gian cụ thể trong ngày hoặc trong tuần và một kết quả mong đợi nhìn thấy được.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên chiếu bảng gợi ý bốn cột ở trang 34 lên tivi, làm mẫu một dòng với việc rửa bát sau bữa tối, đi đủ bốn cột để lớp thấy cột điều kiện, phương tiện dùng để làm gì.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Học sinh điền bảng ở mục D Phụ lục 1. Giáo viên đi một vòng, hỏi em nào ghi thời gian là khi rảnh: khi rảnh là lúc mấy giờ, và nếu hôm nào cũng không rảnh thì việc này bao giờ mới làm.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Học sinh trao đổi bảng theo cặp, mỗi em góp cho bạn một ý về tính vừa sức. Bốn học sinh đọc bảng trước lớp, ưu tiên em có việc mình chưa từng làm bao giờ.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Việc nhà chỉ thành nếp khi nó gắn với một mốc cố định trong ngày. Cột kết quả mong đợi là chỗ để sau một tuần các em tự biết mình đã làm được hay chưa mà không cần ai chấm.

**Nhiệm vụ 2.11. Giải thích sự tự tin và chia sẻ cảm xúc khi tự giác làm việc nhà (20′)**

**a) Mục tiêu:** Giải thích được vì sao bản thân tự tin về sự sắp xếp công việc của mình là hợp lí; chia sẻ được cảm xúc khi tự giác thực hiện công việc gia đình một cách có trách nhiệm.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ hai và thứ ba của hoạt động 6 ở sách giáo khoa trang 34, học sinh nêu ba căn cứ cho thấy bảng của mình hợp lí, dựa vào ba bước mà bạn Phong đã làm; sau đó chia sẻ cảm xúc của mình khi tự giác làm việc nhà, so với khi bị nhắc mới làm.

**c) Sản phẩm:** Phiếu ba căn cứ tự tin của mỗi học sinh; một đoạn ngắn ba đến bốn câu chia sẻ cảm xúc, có so sánh giữa lúc tự giác làm và lúc bị nhắc mới làm.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên nhắc lại ba bước Phong đã làm ở tiết 44 và giao hai việc: nêu ba căn cứ tự tin, rồi viết đoạn chia sẻ cảm xúc.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (9′):** Học sinh viết phiếu cá nhân. Giáo viên gợi cho em nào chưa viết được phần cảm xúc bằng câu hỏi: lần em tự làm mà không ai nhắc, phản ứng của bố mẹ khác thế nào so với lần bị gọi mấy lần mới làm.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Sáu học sinh chia sẻ đoạn viết của mình. Lớp lắng nghe và cùng gom lên bảng những cảm xúc lặp lại ở nhiều bạn.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Cảm giác dễ chịu khi tự giác làm không đến từ lời khen mà từ chỗ mình thấy mình có ích trong nhà. Đó cũng chính là căn cứ vững nhất cho sự tự tin.

## TIẾT 49. THỰC HIỆN MỤC TIÊU TIẾT KIỆM TÀI CHÍNH TRONG GIA ĐÌNH

**Kết nối hai tiết (3′):** Bảng chi tiêu ở tiết 45 mới là dự kiến. Tiết này lớp gặp hai gia đình đã chi vượt mức giữa chừng và phải tìm cách xoay để vẫn giữ được khoản tiết kiệm.

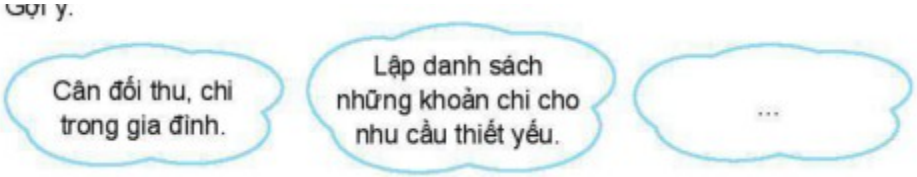


*Ba gợi ý cách thực hiện mục tiêu tiết kiệm tài chính — SGK trang 32*

**Nhiệm vụ 2.12. Biện pháp cho gia đình Sương và gia đình Phùng (42′)**

**a) Mục tiêu:** Đề xuất được biện pháp giúp gia đình thực hiện được mục tiêu tiết kiệm trong kế hoạch khi đã bị vượt chi giữa chừng; giải thích được vì sao hai gia đình cần hai cách xử lí khác nhau.

**b) Nội dung:** Học sinh xử lí hai tình huống nguyên văn ở sách giáo khoa. Tình huống 1 trang 34: gia đình Sương đã xây dựng được kế hoạch chi tiêu trong tháng phù hợp với thu nhập của gia đình, trong đó dành 5% cho tiết kiệm và thống nhất cùng thực hiện; đến giữa tháng, mẹ Sương phát hiện khoản chi cho ăn uống đã vượt so với dự kiến 2 000 000 đồng — nếu là Sương, em sẽ đề xuất biện pháp nào. Tình huống 2 trang 35: trong kế hoạch chi tiêu phù hợp với thu nhập của gia đình, hằng tháng gia đình Phùng đã dành 7% để tiết kiệm; sau 20 ngày thực hiện, bố Phùng phát hiện ra khoản chi tiêu không thường xuyên đã vượt quá giới hạn cho phép 2 000 000 đồng nhưng tất cả những khoản chi đó đều cần thiết — nếu là

Phùng, em sẽ đề xuất biện pháp nào. Lớp còn trả lời thêm một câu hỏi so sánh: gia đình Sương dành 5% cho tiết kiệm, trong khi ở trang 32 và trong bảng ở trang 34 sách nêu mức tiết kiệm tối thiểu là 7%; vì sao mức của gia đình Sương thấp hơn mức tối thiểu ấy và nên điều chỉnh thế nào cho những tháng sau.

**c) Sản phẩm:** Phiếu hai tình huống của mỗi nhóm, mỗi tình huống có ít nhất ba biện pháp xếp theo thứ tự nên làm trước; kèm phần trả lời câu hỏi so sánh hai tỉ lệ 5% và 7%, nêu rõ hướng điều chỉnh cho gia đình Sương.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên phát hai phiếu tình huống, chia sáu nhóm, mỗi tình huống ba nhóm; chiếu ba gợi ý ở trang 32 gồm cân đối thu chi trong gia đình, lập danh sách những khoản chi cho nhu cầu thiết yếu và một gợi ý để trống cho nhóm tự nghĩ; sau đó nêu thêm câu hỏi so sánh hai tỉ lệ và lưu ý cả hai con số đều là số sách in ra.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (16′):** Các nhóm thảo luận và viết biện pháp. Giáo viên đi từng nhóm, chỉ rõ khác biệt cốt lõi giữa hai tình huống: nhà Sương vượt chi ở khoản ăn uống là khoản có thể siết lại được, còn nhà Phùng vượt chi ở những khoản đều cần thiết nên siết không được, phải tìm cách khác.

**3. Báo cáo, thảo luận (15′):** Ba nhóm trình bày tình huống 1 và ba nhóm trình bày tình huống 2, mỗi nhóm hai phút. Sau đó lớp bàn riêng câu hỏi so sánh hai tỉ lệ: vì sao gia đình Sương chưa đạt mức tối thiểu và nên nâng dần lên bằng cách nào.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Hai gia đình cùng vượt chi 2 000 000 đồng nhưng cách gỡ khác nhau, vì một bên còn khoản cắt được, một bên thì không nên phải giãn tiến độ hoặc tìm thêm nguồn thu. Về hai tỉ lệ, sách nêu mức tối thiểu 7% ở trang 32 và trong bảng trang 34, còn gia đình Sương mới dành 5% — nghĩa là gia đình Sương chưa đạt mức khuyến nghị. Cách điều chỉnh hợp lí là nâng dần từng ít một sau khi đã siết lại khoản ăn uống, chứ nâng đột ngột thì tháng sau lại vỡ kế hoạch.

## TIẾT 50. VẬN DỤNG VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

**Kết nối hai tiết (3′):** Tám tiết vừa qua lớp đã học cách để ý người thân, gỡ mâu thuẫn, nhận việc nhà và lo đồng tiền chung. Tiết cuối gom lại thành cam kết mang về nhà và một lần tự đánh giá.

**Hoạt động 4. Vận dụng – Thực hiện trách nhiệm với gia đình và tự đánh giá (42′)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng được những điều đã học vào cuộc sống gia đình hằng ngày; tự đánh giá được kết quả trải nghiệm chủ đề theo bảy tiêu chí của sách giáo khoa.

**b) Nội dung:** Theo hoạt động 9 ở sách giáo khoa trang 35, mỗi học sinh cam kết bốn việc: luôn thể hiện sự quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình; chủ động tham gia hoá giải mâu thuẫn, xung đột xảy ra giữa mình với người thân hoặc giữa những người thân để không khí gia đình luôn vui vẻ; tự giác tham gia có trách nhiệm các hoạt động lao động trong gia đình và điều chỉnh, sắp xếp công việc phát sinh cho hợp lí; thực hiện kế hoạch chi tiêu hằng tháng phù hợp với thu nhập trong gia đình, điều chỉnh chi tiêu để thực hiện mục tiêu tiết kiệm. Học sinh còn ghi chép lại kết quả, cảm xúc khi thực hiện thành công cùng những khó

khăn và cách vượt qua để chia sẻ với thầy cô và các bạn. Sau đó hoàn thành phiếu tự đánh giá bảy tiêu chí ở trang 35 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

**c) Sản phẩm:** Phiếu cam kết bốn việc của mỗi học sinh có ghi ngày bắt đầu; nhật kí gia đình dự kiến ghi mỗi tuần một dòng trong bốn tuần; phiếu tự đánh giá bảy tiêu chí đã đánh dấu mức đạt kèm tên sản phẩm chứng minh.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′):** Giáo viên phát lại bảng hai mảng việc chăm sóc ở tiết 41 và bảng bốn cột việc nhà ở tiết 48 để mỗi em đối chiếu; chiếu bảy tiêu chí tự đánh giá ở trang 35 lên tivi và giải thích từng tiêu chí bằng sản phẩm cụ thể lớp đã làm.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (16′):** Học sinh viết phiếu cam kết bốn việc và đánh dấu phiếu tự đánh giá, ghi kèm tên sản phẩm chứng minh cho mỗi tiêu chí chọn mức Đạt. Giáo viên đi một vòng, hỏi em nào đánh dấu Đạt cho tiêu chí nhận biết trạng thái tinh thần của người thân: em nhận ra qua dấu hiệu nào.

**3. Báo cáo, thảo luận (16′):** Sáu học sinh chia sẻ một tiêu chí mình chưa đạt và dự định làm tiếp; lớp góp ý cách làm. Sau đó lớp cùng nhìn lại kế hoạch chi tiêu đã lập ở tiết 45 và bàn xem mang về trao đổi với gia đình thì nên mở lời thế nào cho khéo.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Chủ đề khép lại nhưng bốn việc thì còn chạy tiếp trong chính nhà mình. Việc trao đổi kế hoạch chi tiêu với gia đình là tự nguyện; các em mang về bàn ở mức gia đình thấy thoải mái, không nhất thiết phải đưa số liệu ra lớp. Nhật kí bốn tuần cùng phiếu tự đánh giá là căn cứ cho đánh giá thường xuyên của chủ đề này.

## IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

# PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 4 – DÙNG XUYÊN SUỐT CHỦ ĐỀ

*Họ và tên: …… Lớp: …… Nhóm: ……*

## A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Hôm qua bố hoặc mẹ em đi làm về lúc mấy giờ?
2. Tuần này trong nhà em có ai mệt hoặc có chuyện gì buồn không?
3. Món ăn mà người thân của em thích nhất là món gì?

*Câu nào em không nhớ thì cứ để trống, không đoán.*

## B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 4

| Nội dung | Ý chính (SGK nói gì?) | Ví dụ / tình huống minh hoạ | Rút ra điều gì? |
|---|---|---|---|
| *Gợi ý cách ghi →* | *Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.* | *Nêu một ví dụ, tình huống hoặc số liệu minh hoạ.* | *Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.* |
| 1. Quan tâm, chăm sóc người thân | | | |
| 2. Hoá giải mâu thuẫn, xung đột trong gia đình | | | |
| 3. Sắp xếp công việc và tự giác lao động | | | |
| 4. Kế hoạch chi tiêu phù hợp với thu nhập | | | |
| 5. Thực hiện mục tiêu tiết kiệm tài chính | | | |

## C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

### C1. Kế hoạch chi tiêu gia đình và tỉ lệ phần trăm

*Em điền bảng này bằng số giả định thầy cô phát hoặc số nhóm em tự đặt ra. Em không phải nói thu nhập thật của gia đình mình cho ai. Đơn vị: triệu đồng.*

| Các khoản thu, chi | Tháng thứ nhất | Tháng thứ hai | Tỉ lệ trên tổng thu (%) | Đối chiếu mức của SGK |
|---|---|---|---|---|
| 1. Tổng thu | | | 100 | |
| 2.1. Chi thiết yếu | | | | Không quá 80%: đạt / chưa đạt |
| 2.2. Chi phát sinh | | | | |
| Tổng chi | | | | |
| 3. Tiết kiệm (= Tổng thu – Tổng chi) | | | | Tối thiểu 7%: đạt / chưa đạt |

– Nếu bảng của nhóm em chưa đạt mức, em sẽ cắt khoản nào trước? ……

**C2. Câu lệnh nhờ máy gợi ý cách hoá giải mâu thuẫn**

*Em viết câu lệnh ra giấy. Thầy cô sẽ gõ giúp trên máy của lớp. Câu lệnh không được có tên thật, địa chỉ nhà hay chuyện riêng của người lớn.*

– Câu lệnh lần đầu:

……

– Câu lệnh đã chỉnh (nói rõ: ai với ai · chuyện gì · kéo dài bao lâu · em muốn kết quả ra sao):

……
……

**Bảng đối chiếu gợi ý của máy với hoàn cảnh thật:**

| Gợi ý của máy | Hoàn cảnh thật trong tình huống | Giữ hay bỏ? Vì sao? |
|---|---|---|
| | | |
| | | |
| | | |

Trả lời hai câu hỏi sau:

1. Câu lệnh lần đầu và câu lệnh đã chỉnh cho hai kết quả khác nhau ở chỗ nào?
2. Có điều gì trong nhà em mà máy không thể biết được, dù em viết câu lệnh kĩ đến đâu?

**D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**D1. Sắp xếp công việc gia đình (theo mẫu SGK trang 34)**

| Những việc cần làm | Thời gian thực hiện | Điều kiện, phương tiện | Kết quả mong đợi |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

– Ba căn cứ khiến em tự tin rằng cách sắp xếp của mình là hợp lí: ……

– Cảm xúc của em khi tự giác làm việc nhà, so với khi bị nhắc mới làm: ……

**D2. Chân dung một người thân của em**

| Em viết về ai (không cần ghi tên) | Điểm mạnh | Sở thích | Điều người ấy hay lo hoặc hay quên |
|---|---|---|---|
| | | | |

– Hai việc em đã làm cho người ấy: ……

– Một việc em chưa từng làm cho người ấy: ……

**D3. Cam kết với gia đình sau chủ đề**

| Việc em cam kết làm | Bắt đầu từ ngày | Làm cho ai | Dấu hiệu cho thấy em đã làm được |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

# PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

## 1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

| Nội dung | Ý chính (SGK nói gì?) | Ví dụ / tình huống | Rút ra điều gì? |
|---|---|---|---|
| 1. Quan tâm, chăm sóc người thân | SGK trang 30, hoạt động 1 yêu cầu chia sẻ những việc đã làm thể hiện sự quan tâm, chăm sóc sức khoẻ thể chất và tinh thần đối với người thân, cùng hiểu biết của mình về từng người thân; rồi xác định những việc cần làm thường xuyên theo hai mảng. | Hai mảng sách nêu: những việc cần làm để chăm sóc sức khoẻ thể chất và những việc cần làm để chăm sóc đời sống tinh thần của người thân. Hiểu biết về người thân gồm điểm mạnh, điểm yếu, sở thích, tính cách. | Muốn chăm sóc trúng thì phải hiểu đúng; mảng tinh thần khó thấy hơn nhưng lại là thứ người thân cần nhất khi mệt mỏi. |
| 2. Hoá giải mâu thuẫn, xung đột trong gia đình | SGK trang 30 và 31, hoạt động 2 đưa 2 tình huống rồi yêu cầu xác định cách hoá giải theo bảng hai cột. Trang 33, hoạt động 5 đưa 4 tình huống để rèn luyện. | Cột trái, khi bản thân có mâu thuẫn với người thân: chủ động nói chuyện với người thân để hoá giải; đặt mình vào vị trí người thân để hiểu cảm xúc của họ. Cột phải, khi các thành viên có mâu thuẫn với nhau: xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn; nói chuyện riêng với từng người để hiểu về mâu thuẫn đó. Hai tình huống trang 30 là chuyện Hương với bà nội và chuyện em của Khánh ở tuổi dậy thì. | Chuyện gây mâu thuẫn thường nhỏ, thứ làm nó to lên là cảm giác không được tôn trọng; khi đứng giữa thì phải nghe riêng từng người trước. |
| 3. Sắp xếp công việc và tự giác lao động | SGK trang 31 và 32, hoạt động 3 đưa trường hợp thời gian biểu của bạn Phong rồi yêu cầu nhận xét ý thức tự giác và xác định căn cứ để Phong tự tin; sau đó thảo luận cách tổ chức, sắp xếp công việc. Trang 34, hoạt động 6 đưa bảng bốn cột để học sinh tự lập. | Ba bước Phong đã làm: xác định các nhiệm vụ cần hoàn thành trong ngày; lựa chọn những việc quan trọng theo thứ tự ưu tiên để sắp xếp làm trước; phân chia thời gian thực hiện hợp lí để dễ quản lí và điều chỉnh. Thời gian biểu ba buổi: sáng 6h – 12h với 6h – 6h15 tưới cây, rau và 6h30 – 12h đi học; chiều 14h – 17h30 với 14h – 16h học bài, 16h – 17h lao động giúp gia đình, 17h – 17h30 rèn luyện sức khoẻ; tối 20h – 22h30 học bài. Bảng bốn cột trang 34: những việc cần làm, thời gian thực hiện, điều kiện và phương tiện, kết quả mong đợi. | Phong tự tin không phải vì làm được nhiều mà vì biết trước sẽ làm gì vào lúc nào; cột ghi chú để trống chính là chỗ chừa cho việc phát sinh đột xuất. |
| 4. Kế hoạch chi tiêu phù hợp với | SGK trang 32, hoạt động 4 yêu cầu chia sẻ các | Ba khối: tổng thu nhập; các khoản chi gồm chi thiết yếu | Phải quy ra phần trăm mới so sánh |

| Nội dung | Ý chính (SGK nói gì?) | Ví dụ / tình huống | Rút ra điều gì? |
|---|---|---|---|
| thu nhập | khoản chi tiêu của gia đình rồi thảo luận kế hoạch chi tiêu phù hợp và cách thực hiện mục tiêu tiết kiệm. Trang 34, hoạt động 7 đưa mẫu bảng Kế hoạch chi tiêu gia đình. | như ăn uống, học tập và chi phát sinh như hiếu, hỉ; khoản tiết kiệm. Hai mức sách nêu: chi thiết yếu không quá 80% (trang 32) và trong bảng ghi 2.1. Chi thiết yếu (không vượt quá 80%) (trang 34); tiết kiệm tối thiểu 7% (trang 32) và trong bảng ghi 3. Tiết kiệm (Tiết kiệm = Tổng thu – Tổng chi) (Tối thiểu 7%) (trang 34). Bảng dùng đơn vị triệu đồng, ô tiêu đề chéo Tháng và Tỉ lệ (%). Ba gợi ý cách tiết kiệm ở trang 32: cân đối thu, chi trong gia đình; lập danh sách những khoản chi cho nhu cầu thiết yếu; một gợi ý để trống. | được các gia đình và các tháng với nhau; mức trần 80% đặt ra là để luôn còn chỗ cho khoản phát sinh và khoản tiết kiệm. |
| 5. Thực hiện mục tiêu tiết kiệm tài chính | SGK trang 34 và 35, hoạt động 8 đưa 2 tình huống về gia đình đã bị vượt chi giữa chừng, yêu cầu đề xuất biện pháp để vẫn thực hiện được mục tiêu tiết kiệm trong kế hoạch. | Tình huống 1 (tr.34): gia đình Sương dành 5% cho tiết kiệm, đến giữa tháng khoản chi cho ăn uống đã vượt dự kiến 2 000 000 đồng. Tình huống 2 (tr.35): gia đình Phùng dành 7% để tiết kiệm, sau 20 ngày thực hiện thì khoản chi tiêu không thường xuyên đã vượt quá giới hạn cho phép 2 000 000 đồng nhưng tất cả những khoản chi đó đều cần thiết. | Cùng vượt chi 2 000 000 đồng nhưng cách gỡ khác nhau: nhà Sương còn khoản siết lại được, nhà Phùng thì không nên phải giãn tiến độ hoặc tìm thêm nguồn thu. |

## 2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

**Cột tỉ lệ phần trăm –** học sinh hay tính tỉ lệ trên tổng chi thay vì trên tổng thu, làm mọi con số phồng lên. Nhắc công thức một lần cho cả lớp: lấy số của khối chia cho tổng thu rồi nhân một trăm. Dòng tiết kiệm phải bằng tổng thu trừ tổng chi, nếu nhóm nào ghi tiết kiệm như một khoản chi thì bảng sẽ không khớp.

**Hai mức 80% và 7% –** hai mức của sách đều là mức khuyến nghị chứ không phải quy tắc bắt buộc cho mọi gia đình. Điều cần cho học sinh thấy là ý nghĩa của chúng: chi thiết yếu vượt 80% thì gần như không còn chỗ cho việc đột xuất, và không có khoản tiết kiệm thì chỉ một lần ốm đau là kế hoạch vỡ.

**Chỗ vênh 5% và 7% –** sách nêu tiết kiệm tối thiểu 7% ở trang 32 và trong bảng trang 34, nhưng gia đình Sương ở Tình huống 1 trang 34 chỉ dành 5%. Cả hai con số đều là số sách in ra. Không sửa số và cũng không nói với học sinh rằng sách sai; thay vào đó hãy dùng chỗ vênh này làm câu hỏi: gia đình Sương đang thấp hơn mức khuyến nghị, vì sao có thể như vậy và nên điều chỉnh thế nào. Câu trả lời hợp lí là nhiều gia đình chưa đạt ngay được mức khuyến nghị nên phải nâng dần, sau khi đã siết khoản ăn uống đang vượt.

**Câu lệnh trước và sau khi chỉnh –** câu lệnh lần đầu của học sinh thường quá ngắn nên gợi ý nhận về là lời khuyên chung ai đọc cũng thấy đúng. Sau khi chỉnh cho rõ bốn điều là ai với ai, chuyện gì, kéo dài bao lâu và muốn kết quả ra sao thì gợi ý bám việc hơn hẳn. Điều phải chốt lại là dù câu lệnh tốt đến đâu, máy vẫn không biết tính nết từng người trong nhà, nên gợi ý chỉ là bản nháp.

**Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):**

– Điền đủ bảng kế hoạch chi tiêu và tính đúng cột tỉ lệ trên tổng thu: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Đối chiếu được tỉ lệ tính ra với hai mức của sách và nêu được khoản sẽ cắt: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Câu lệnh đã chỉnh nói rõ đủ bốn điều và không có thông tin nhận dạng: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Chỉ ra được ít nhất một gợi ý của máy không dùng được kèm lí do: Đạt hoặc Chưa đạt.

### 3. Lỗi thường gặp và gợi mở

**Lỗi 1 –** học sinh viết chân dung người thân toàn ý chung chung như bố em rất tốt. Gợi mở: hỏi một chi tiết cụ thể — người ấy hay lo về chuyện gì, hay quên việc gì.

**Lỗi 2 –** bảng hai mảng việc chăm sóc bị dồn hết vào mảng thể chất, mảng tinh thần bỏ trống. Gợi mở: hỏi khi mẹ đang buồn thì việc gì giúp được mẹ, ngoài chuyện nấu cơm.

**Lỗi 3 –** khi xử lí tình huống mâu thuẫn, học sinh lao vào phân xử ai đúng ai sai, nhất là tình huống Hương với bà nội. Gợi mở: hỏi nếu chứng minh được bà sai thì bà có hết giận không, và việc cần làm trước tiên là gì.

**Lỗi 4 –** ở tình huống 4 trang 33, học sinh cho rằng Minh phải đi kiếm tiền giúp mẹ. Gợi mở: nhắc Minh là học sinh, việc của Minh không phải lo tiền mà là làm mẹ bớt một mình gánh — hỏi bạn ấy làm được việc gì cụ thể trong tối nay.

**Lỗi 5 –** bảng bốn cột việc nhà ghi thời gian là khi rảnh hoặc lúc nào có thể. Gợi mở: hỏi khi rảnh là mấy giờ, và nếu hôm nào cũng không rảnh thì việc này bao giờ mới làm.

**Lỗi 6 –** học sinh tính tỉ lệ trên tổng chi thay vì trên tổng thu, hoặc quên cộng một dòng con khi tính tổng chi. Gợi mở: yêu cầu kiểm lại bằng một phép thử — cộng tỉ lệ chi thiết yếu, chi phát sinh và tiết kiệm lại phải ra khoảng một trăm phần trăm.

**Lỗi 7 –** ở tình huống gia đình Phùng, học sinh đề nghị cắt tiếp các khoản chi dù sách đã nói rõ những khoản đó đều cần thiết. Gợi mở: đọc lại câu ấy trong đề rồi hỏi nếu không cắt được nữa thì còn cách nào khác để vẫn giữ được khoản tiết kiệm.

**Lỗi 8 –** học sinh cho rằng gợi ý của máy đã đầy đủ nên áp thẳng vào gia đình mình. Gợi mở: yêu cầu chỉ ra một điều trong nhà mình mà máy không thể biết, rồi xem gợi ý ấy có còn dùng được nguyên vẹn không.

### 4. Bảng tiêu chí đánh giá

| Tiêu chí | Đạt tốt | Đạt | Chưa đạt |
|---|---|---|---|
| Kiến thức, quy trình | Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng. | Đúng các ý hoặc bước chính. | Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi. |
| Sản phẩm và dữ | Rõ ràng, kiểm tra lại được | Có sản phẩm và dẫn | Chung chung, thiếu dẫn |

| Tiêu chí | Đạt tốt | Đạt | Chưa đạt |
|---|---|---|---|
| liệu | nguồn; có nêu giới hạn và sai số. | chứng cơ bản. | chứng hoặc đơn vị. |
| Năng lực số và AI (Phụ lục 3) | Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng. | Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra. | Nhầm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy. |
| Hợp tác, an toàn | Đúng vai, đúng giờ; trung thực và an toàn. | Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản. | Thiếu phối hợp hoặc vi phạm an toàn. |

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**
**(Ký và ghi rõ họ tên)**

**....., ngày …… tháng …… năm 2026**
**GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)**

**SỞ GD&ĐT: ……**
**TRƯỜNG: ……**
**TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP**

# KẾ HOẠCH BÀI DẠY

## HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 11

*(Năm học 2026 - 2027)*

## CHỦ ĐỀ 5. PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

*(Số tiết: 4 — tuần 17 đến tuần 18, tiết 51 đến tiết 54)*

*Chủ đề 5 được dạy trong 9 tiết, chia làm hai đợt theo phân phối chương trình. Năm tiết còn lại nằm ở kế hoạch bài dạy "Chủ đề 5 — Phát triển cộng đồng (tiếp)", tiết 55 đến tiết 59.*

Giáo viên: …… | Lớp: …… | Ngày dạy: ……

## I. MỤC TIÊU

### 1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau bốn tiết đầu của chủ đề này, học sinh:

– Nêu được ít nhất ba biện pháp xây dựng và phát triển cộng đồng theo gợi ý ở sách giáo khoa trang 38, kèm một việc có thật ở nơi mình sống làm minh hoạ.

– Nêu được các biện pháp xây dựng và phát triển mối quan hệ với mọi người trong cộng đồng, phân biệt được biện pháp nào hợp với người quen và biện pháp nào hợp với người chưa quen.

– Kể được các biện pháp quản lí việc thực hiện hoạt động phát triển cộng đồng gồm lập kế hoạch, xây dựng nhóm nòng cốt và kiểm tra, giám sát, rút kinh nghiệm.

– Chỉ ra được hành vi văn minh và hành vi chưa văn minh nơi công cộng, đối chiếu được với việc làm của chính mình.

– Nêu được trách nhiệm của thanh niên với cộng đồng theo chủ đề "Thanh niên cần làm gì để xây dựng cộng đồng văn minh, hiện đại?" ở sách giáo khoa trang 38.

– Đề xuất được cách xử lí bốn tình huống xây dựng và phát triển mối quan hệ trong cộng đồng ở sách giáo khoa trang 39.

– Ứng xử có văn hoá khi trao đổi trên mạng về một việc chung của khu dân cư.

**2. Năng lực**

**Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp:** năng lực thích ứng với cuộc sống khi bước vào các quan hệ ngoài phạm vi gia đình và lớp học; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi bàn cách vận động người dân tham gia việc chung của khu dân cư.

**Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác khi làm quen, thăm hỏi và thuyết phục người lớn ở cộng đồng; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi gỡ bốn tình huống ở trang 39; tự chủ và tự học khi tự soi lại hành vi của mình nơi công cộng.

**Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)**

**2.5.NC1b – 2.5. Quy tắc ứng xử trên mạng — Nhận thức được các chuẩn mực hành vi và kiến thức khi sử dụng công nghệ số và tương tác trong môi trường số. Điều chỉnh các chiến lược giao tiếp phù hợp với đối tượng cụ thể và nhận thức đa dạng về văn hóa và thế hệ trong môi trường số.. Cụ thể trong chủ đề này: HS đóng vai xử lí 3 tình huống tranh luận trên mạng về hoạt động cộng đồng, chọn cách phản hồi phù hợp với từng đối tượng và giải thích lí do chọn cách giao tiếp đó.**

**11.A3 – A3. Công dân trong kỉ nguyên AI — Quyền của người và dự án AI. Cụ thể trong chủ đề này: HS trình bày quyền được biết, được đồng ý, yêu cầu xoá dữ liệu của người dùng, đối chiếu với một ứng dụng AI quen thuộc để chỉ ra quyền nào chưa được bảo đảm rõ.**

**Minh chứng:** bảng ba biện pháp phát triển cộng đồng kèm minh hoạ có thật; phiếu hai cột hành vi văn minh và chưa văn minh; ba lời phản hồi trên giấy kèm lí do chọn cách nói; phiếu đối chiếu ba quyền của người dùng; bốn phương án xử lí tình huống của nhóm.

**3. Phẩm chất**

**Yêu nước:** gắn bó với khu dân cư nơi mình sống, sẵn lòng góp sức cho việc chung.

**Nhân ái:** quan tâm, thăm hỏi và giúp đỡ người xung quanh, nhất là người có hoàn cảnh khó khăn.

**Trách nhiệm:** chấp hành quy định nơi công cộng và nhận phần việc chung vừa sức mình.

**Trung thực:** nhìn nhận đúng hành vi chưa văn minh của bản thân, không đổ cho người khác.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**Giáo viên:** sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 36–42 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có nối mạng; giấy A3, giấy A4 và bút màu; bản in bốn tình huống ở trang 39 cho từng nhóm; bản in ba tình huống tranh luận trên mạng về một việc chung của khu dân cư, do giáo viên soạn sẵn bằng lời lẽ đã lược bớt phần gay gắt; bản in ba quyền của người dùng dữ liệu; bài hát "Nối vòng tay lớn" hoặc "Khát vọng tuổi trẻ" để khởi động; phiếu học tập ở Phụ lục 1.

**Học sinh:** sách giáo khoa, vở, bút; giấy nhớ; những việc chung của khu dân cư mà em đã thấy hoặc đã tham gia, ghi lại vắn tắt trước khi đến lớp.

**Phương án dự phòng:** trường chỉ có tivi và một máy tính của giáo viên, học sinh không có thiết bị riêng nên mọi nhiệm vụ đều làm trên phiếu giấy; giáo viên là người thao tác trên máy. Khi mất điện hoặc không có mạng, giáo viên dùng bản in đã chuẩn bị từ trước và cho học sinh dán phiếu lên bảng thay cho chiếu tivi; tiết học vẫn chạy đủ nội dung.

**An toàn:** học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân trên máy của lớp và không đăng bất kì nội dung nào lên mạng trong giờ học. Ba tình huống tranh luận là tình huống giả định; khi nhắc tới người thật ở khu dân cư thì gọi bằng chữ cái đầu, không nêu tên đầy đủ, số nhà hay số điện thoại. Khi tìm hiểu việc chung ở khu dân cư, học sinh đi theo nhóm vào ban ngày, báo trước với gia đình và không vào nơi vắng người.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**Mạch bài:** biết cộng đồng cần gì → biết cách đến gần mọi người → soi lại hành vi của mình nơi công cộng → nói năng có văn hoá cả ngoài đời lẫn trên mạng → gỡ bốn tình huống thật.

| Tiết | Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm | Sản phẩm nối tiếp | Thời gian |
|---|---|---|---|
| 51 | Phát triển cộng đồng là làm những việc gì và đến gần mọi người bằng cách nào? | Bảng ba biện pháp phát triển cộng đồng kèm minh hoạ có thật ở khu dân cư | 45 phút |
| 52 | Quản lí một hoạt động cộng đồng cần những khâu nào; đâu là hành vi văn minh nơi công cộng? | Sơ đồ ba khâu quản lí và phiếu hai cột hành vi văn minh – chưa văn minh | 45 phút |
| 53 | Thanh niên có trách nhiệm gì với cộng đồng, và nói năng thế nào cho có văn hoá khi bàn việc chung trên mạng? | Thẻ trách nhiệm của thanh niên và ba lời phản hồi kèm lí do chọn cách nói | 45 phút |
| 54 | Bốn tình huống ở trang 39 nên gỡ theo hướng nào? | Bốn phương án xử lí tình huống của nhóm, có phân vai trình bày | 45 phút |

## TIẾT 51. BIỆN PHÁP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

### Hoạt động 1. Mở đầu – Một việc chung ở nơi em ở (8′)

**a) Mục tiêu:** Khơi lên hứng thú với việc chung của khu dân cư và làm xuất hiện nhu cầu tìm hiểu các biện pháp xây dựng, phát triển cộng đồng.

**b) Nội dung:** Lớp nghe một đoạn bài hát "Nối vòng tay lớn", sau đó mỗi học sinh kể ngắn một việc chung mà khu dân cư nơi mình sống đã làm trong năm qua, ví dụ dọn vệ sinh đường làng, trung thu cho thiếu nhi hay thăm hỏi gia đình khó khăn. Học sinh trả lời ba câu hỏi mở đầu ở mục A của Phụ lục 1.

**c) Sản phẩm:** Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; danh sách việc chung của các khu dân cư được ghi lên bảng lớp thành hai cột việc đã làm tốt và việc còn dang dở.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (1′):** Giáo viên mở một đoạn bài hát, phát Phụ lục 1 và nêu yêu cầu: mỗi em nhớ lại một việc chung ở nơi mình sống rồi trả lời ba câu hỏi mục A trong ba phút.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (3′):** Học sinh viết câu trả lời cá nhân. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào chưa nghĩ ra việc chung thì lấy ngay việc dọn vệ sinh ngõ xóm hoặc việc trung thu cho các em nhỏ.

**3. Báo cáo, thảo luận (3′):** Bốn đến năm học sinh ở các khu dân cư khác nhau kể việc của mình. Giáo viên ghi lên bảng thành hai cột: việc đã làm tốt và việc còn dang dở.

**4. Kết luận, nhận định (1′):** GV chốt: Cột việc còn dang dở cho thấy cộng đồng nào cũng có việc cần thêm người chung tay. Bốn tiết tới lớp mình đi tìm cách góp sức vào đúng những việc đó.

**Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề**

**a) Mục tiêu:** Đi ba định hướng đầu của chủ đề trong sách giáo khoa trang 37, từ biện pháp xây dựng và phát triển cộng đồng đến hành vi văn minh nơi công cộng và cách xây dựng, phát triển các mối quan hệ với mọi người trong cộng đồng.

**b) Nội dung:** Bảy nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 51 đến tiết 54, bám hoạt động 1, hoạt động 2 và hoạt động 3 của sách giáo khoa trang 38 và trang 39.

**c) Sản phẩm:** Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện**

**Nhiệm vụ 2.1. Ba biện pháp xây dựng và phát triển cộng đồng (20′)**

**a) Mục tiêu:** Nêu được các biện pháp xây dựng và phát triển cộng đồng, mỗi biện pháp gắn với một việc có thật ở khu dân cư nơi mình sống.

**b) Nội dung:** Học sinh đọc ba gợi ý ở sách giáo khoa trang 38 gồm tham gia hoạt động xây dựng nếp sống văn minh, tham gia hoạt động giữ gìn và phát huy truyền thống, mở rộng mối quan hệ và thu hút cộng đồng tham gia hoạt động xã hội; sau đó mỗi nhóm bổ sung thêm ít nhất một biện pháp vào ô còn để trống.

**c) Sản phẩm:** Bảng bốn biện pháp trên giấy A3 của nhóm; mỗi biện pháp kèm một việc có thật ở khu dân cư của một thành viên trong nhóm làm minh hoạ.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát giấy A3 và bút màu, đọc ba gợi ý ở trang 38 rồi nêu rõ mỗi biện pháp phải có một việc thật đi kèm, không viết biện pháp suông.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (9′):** Các nhóm chép ba biện pháp gợi ý, tìm việc thật minh hoạt cho từng biện pháp và nghĩ thêm biện pháp thứ tư. Giáo viên hỏi nhóm nào còn bí: ở xóm em ngày Tết mọi người cùng làm gì, khi có nhà gặp chuyện buồn thì hàng xóm làm gì.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Ba nhóm treo bảng và trình bày, mỗi nhóm khoảng hai phút. Ba nhóm còn lại nêu biện pháp thứ tư của mình và cho biết biện pháp đó khác các biện pháp đã có ở chỗ nào.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Phát triển cộng đồng không phải việc lớn lao xa vời mà là chuỗi việc nhỏ lặp lại: giữ nếp sống văn minh, gìn giữ truyền thống và kéo thêm người cùng làm.

**Nhiệm vụ 2.2. Cách xây dựng và phát triển quan hệ với mọi người trong cộng đồng (17′)**

**a) Mục tiêu:** Nêu được các biện pháp xây dựng và phát triển mối quan hệ với mọi người trong cộng đồng; phân biệt được biện pháp hợp với người đã quen và biện pháp hợp với người chưa quen.

**b) Nội dung:** Từ ba gợi ý ở sách giáo khoa trang 38 gồm tham gia các hoạt động ở cộng đồng, chủ động giao tiếp thăm hỏi làm quen, sẵn sàng giúp đỡ mọi người trong cộng đồng, học sinh xếp mỗi biện pháp vào một trong hai cột theo đối tượng và thêm một biện pháp của riêng mình.

**c) Sản phẩm:** Phiếu hai cột của mỗi học sinh: cột dành cho người đã quen và cột dành cho người chưa quen, mỗi cột có ít nhất hai biện pháp kèm một câu nói mở đầu cụ thể.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên kẻ hai cột lên bảng, nêu rõ yêu cầu: mỗi biện pháp phải kèm một câu nói mở đầu mà em dùng được ngay, không ghi chung chung là chủ động giao tiếp.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (8′):** Học sinh làm phiếu cá nhân rồi trao đổi theo cặp để bổ sung cho nhau. Giáo viên gợi ý em nào lúng túng bằng tình huống gặp một bác hàng xóm mới chuyển đến thì nói câu gì trước tiên.

**3. Báo cáo, thảo luận (4′):** Bốn học sinh đọc phiếu, hai em cho cột người đã quen và hai em cho cột người chưa quen. Lớp chọn ra ba câu mở đầu nghe tự nhiên nhất và ghi lên bảng.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Với người đã quen thì thăm hỏi và giúp việc cụ thể là đủ; với người chưa quen thì phải có một câu mở đầu và một lí do chính đáng để bắt chuyện. Quan hệ trong cộng đồng lớn dần từ những câu mở đầu như vậy.

## TIẾT 52. QUẢN LÍ HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG VÀ HÀNH VI VĂN MINH NƠI CÔNG CỘNG

**Kết nối hai tiết (3′):** Tiết trước lớp đã có bảng biện pháp phát triển cộng đồng và cách đến gần mọi người. Tiết này trả lời câu hỏi tiếp theo: làm sao để một hoạt động chạy được từ đầu đến cuối, và bản thân mình cư xử thế nào cho phải khi ra chỗ đông người.

**Nhiệm vụ 2.3. Ba khâu quản lí việc thực hiện hoạt động phát triển cộng đồng (20′)**

**a) Mục tiêu:** Kể được các biện pháp quản lí việc thực hiện hoạt động phát triển cộng đồng và chỉ ra được hậu quả khi bỏ sót một khâu.

**b) Nội dung:** Học sinh đọc ba gợi ý ở sách giáo khoa trang 38 gồm lập kế hoạch hoạt động phù hợp, xây dựng nhóm nòng cốt và phân công điều hành tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát đánh giá rút kinh nghiệm; sau đó dựng thành sơ đồ ba khâu và gắn mỗi khâu với một hậu quả nếu bỏ qua.

**c) Sản phẩm:** Sơ đồ ba khâu quản lí trên giấy A3 của nhóm; dưới mỗi khâu ghi một câu về điều sẽ xảy ra nếu bỏ qua khâu đó.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên vẽ ba ô nối tiếp nhau lên bảng, đặt tên ba khâu theo trang 38 và giao thêm yêu cầu: dưới mỗi ô phải viết một hậu quả nếu bỏ qua khâu ấy.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (9′):** Các nhóm dựng sơ đồ và viết hậu quả. Giáo viên gợi ý bằng câu hỏi cụ thể: nếu không có nhóm nòng cốt thì hôm đó ai mở cửa nhà văn hoá, ai giữ chìa khoá và ai nhắc mọi người đến đúng giờ.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Ba nhóm trình bày sơ đồ. Lớp so sánh phần hậu quả và chỉ ra khâu nào bị bỏ sót nhiều nhất trong các hoạt động mà lớp từng tham gia.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Ba khâu này nối nhau thành vòng. Khâu hay bị bỏ nhất là kiểm tra và rút kinh nghiệm, cũng vì thế mà lần sau hoạt động vẫn vấp đúng chỗ cũ.

**Nhiệm vụ 2.4. Hành vi văn minh và chưa văn minh nơi công cộng (22′)**

**a) Mục tiêu:** Chỉ ra được hành vi văn minh và hành vi chưa văn minh nơi công cộng; liên hệ trung thực với việc làm của bản thân.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu ở sách giáo khoa trang 38, học sinh chia sẻ về hành vi văn minh hoặc chưa văn minh nơi công cộng và về thái độ có trách nhiệm hoặc thiếu trách nhiệm trong cộng đồng, sau đó tự liên hệ bản thân bằng một việc mình muốn sửa.

**c) Sản phẩm:** Phiếu hai cột của mỗi học sinh gồm hành vi văn minh và hành vi chưa văn minh, mỗi cột ít nhất ba hành vi kèm nơi thường gặp; cuối phiếu có một dòng liên hệ bản thân.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên nêu quy ước của tiết học: chỉ nói về hành vi, không nêu tên người; nhắc phần liên hệ bản thân chỉ dùng để tự sửa, không lấy để nhận xét bạn.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Học sinh làm phiếu cá nhân rồi trao đổi theo nhóm bốn người, gom lại thành một danh sách chung của nhóm. Giáo viên đi từng nhóm, nhắc ghi rõ nơi thường gặp như bến xe, chợ, sân vận động hay khu vui chơi.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Các nhóm đọc danh sách, mỗi nhóm chỉ nêu hành vi mà nhóm trước chưa nói. Ba học sinh xung phong chia sẻ dòng liên hệ bản thân của mình.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Nơi công cộng là chỗ ai cũng có quyền dùng chung, nên hành vi văn minh chính là giữ phần tiện lợi ấy cho người đến sau. Nhận ra một việc mình chưa làm tốt và sửa được nó thì có giá trị hơn kể ra mười hành vi chưa đẹp của người khác.

## TIẾT 53. TRÁCH NHIỆM CỦA THANH NIÊN VÀ ỨNG XỬ CÓ VĂN HOÁ KHI BÀN VIỆC CHUNG

**Kết nối hai tiết (3′):** Hai tiết đầu lớp đã biết cộng đồng cần gì và đã soi lại hành vi của mình nơi công cộng. Tiết này bàn tiếp phần việc của chính lứa tuổi các em, và mở rộng

chuyện ứng xử sang một nơi công cộng nữa mà ngày nào các em cũng ghé qua là mạng xã hội.

**Nhiệm vụ 2.5. Thanh niên cần làm gì để xây dựng cộng đồng văn minh, hiện đại? (18′)**

**a) Mục tiêu:** Nêu được trách nhiệm của thanh niên đối với cộng đồng và chọn được một trách nhiệm phù hợp để bản thân thực hiện ngay trong học kì này.

**b) Nội dung:** Học sinh thảo luận theo chủ đề nguyên văn ở sách giáo khoa trang 38 là "Thanh niên cần làm gì để xây dựng cộng đồng văn minh, hiện đại?", dựa vào ba gợi ý gồm gương mẫu chấp hành quy định của cộng đồng, tích cực tham gia hoạt động phát triển cộng đồng, tích cực tuyên truyền vận động mọi người thực hiện theo Hiến pháp và pháp luật.

**c) Sản phẩm:** Thẻ trách nhiệm của mỗi học sinh: một trách nhiệm được chọn, một việc làm được ngay trong học kì và mốc thời gian bắt đầu; thẻ được dán vào góc lớp.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên viết chủ đề thảo luận lên bảng, đọc ba gợi ý ở trang 38 và phát cho mỗi em một thẻ giấy nhỏ; nêu rõ việc viết ra phải làm được ngay, không viết khẩu hiệu.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (8′):** Học sinh thảo luận theo nhóm rồi mỗi em tự viết thẻ. Giáo viên đọc lướt vài thẻ, hỏi lại em nào viết còn chung chung: em bắt đầu từ ngày nào và người khác nhìn vào đâu thì biết em đã làm.

**3. Báo cáo, thảo luận (4′):** Sáu học sinh đọc thẻ của mình, lớp góp ý cho từng thẻ để việc trở nên đo được, sau đó cả lớp dán thẻ lên bảng góc lớp.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Trách nhiệm của thanh niên với cộng đồng bắt đầu từ chỗ gương mẫu ở những việc nhỏ mình làm hằng ngày. Thẻ này sẽ được lấy ra đối chiếu ở tiết cuối chủ đề.

**Nhiệm vụ 2.6. Nói năng thế nào cho có văn hoá khi bàn việc chung trên mạng (24′)**

**a) Mục tiêu:** Ứng xử có văn hoá khi trao đổi trên mạng về một việc chung của khu dân cư: chọn được cách nói hợp với từng người nghe và nêu được lí do chọn cách nói đó; kể được ba quyền của người dùng đối với dữ liệu của mình.

**b) Nội dung:** Giáo viên phát bản in ba tình huống tranh luận giả định trong nhóm chung của khu dân cư: một bác lớn tuổi trách các bạn trẻ làm ồn khi tập văn nghệ, một bạn cùng tuổi chê kế hoạch dọn vệ sinh là hình thức, một người chưa quen hỏi gay gắt về khoản tiền đóng góp. Mỗi nhóm viết lời phản hồi trên giấy cho cả ba tình huống. Sau đó giáo viên chiếu trang cài đặt quyền riêng tư của một ứng dụng quen thuộc để lớp đối chiếu ba quyền của người dùng.

**c) Sản phẩm:** Ba lời phản hồi viết tay của nhóm, mỗi lời kèm một câu ghi rõ vì sao chọn cách nói ấy cho người nghe ấy; phiếu đối chiếu ba quyền của người dùng ở mục C Phụ lục 1, có đánh dấu quyền nào chưa được nói rõ.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′):** Giáo viên phát bản in ba tình huống cho từng nhóm, nói rõ đây là tình huống giả định và cả ba lời phản hồi chỉ viết trên giấy, không em nào đăng

lên mạng. Giáo viên nhắc ba điều cần giữ khi trả lời: gọi đúng vai người nghe, nói vào việc chứ không nói về người, và nêu được một đề nghị cụ thể.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm viết ba lời phản hồi và ghi lí do chọn cách nói. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi lại nhóm nào dùng chung một giọng cho cả ba người: câu này nói với bác lớn tuổi thì nghe có được không, và nếu đổi sang bạn cùng tuổi thì phải sửa chỗ nào.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Giáo viên gõ lại ba lời phản hồi của hai nhóm lên máy tính của lớp và chiếu tivi để cả lớp so cách nói. Tiếp đó giáo viên chiếu trang cài đặt quyền riêng tư của một ứng dụng quen thuộc, lớp đối chiếu ba quyền là được biết dữ liệu đang bị thu thập, được đồng ý hoặc từ chối, được yêu cầu xoá dữ liệu, rồi đánh dấu quyền nào chưa được nói rõ.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Trên mạng cũng là nơi công cộng, người nghe vẫn là bác hàng xóm và bạn cùng xóm chứ không phải một cái tên lạ. Nói vào việc, xưng hô đúng vai và kèm một đề nghị cụ thể thì tranh luận mới dẫn tới việc chung. Ngoài ra, mỗi người đều có quyền biết dữ liệu của mình đang bị thu thập, quyền từ chối và quyền yêu cầu xoá.

## TIẾT 54. XỬ LÍ TÌNH HUỐNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN QUAN HỆ TRONG CỘNG ĐỒNG

**Kết nối hai tiết (3′):** Ba tiết vừa qua lớp đã có đủ biện pháp, đã biết cách nói và đã nhận phần trách nhiệm của mình. Tiết cuối của đợt này đem tất cả ra dùng cho bốn tình huống có thật trong sách.

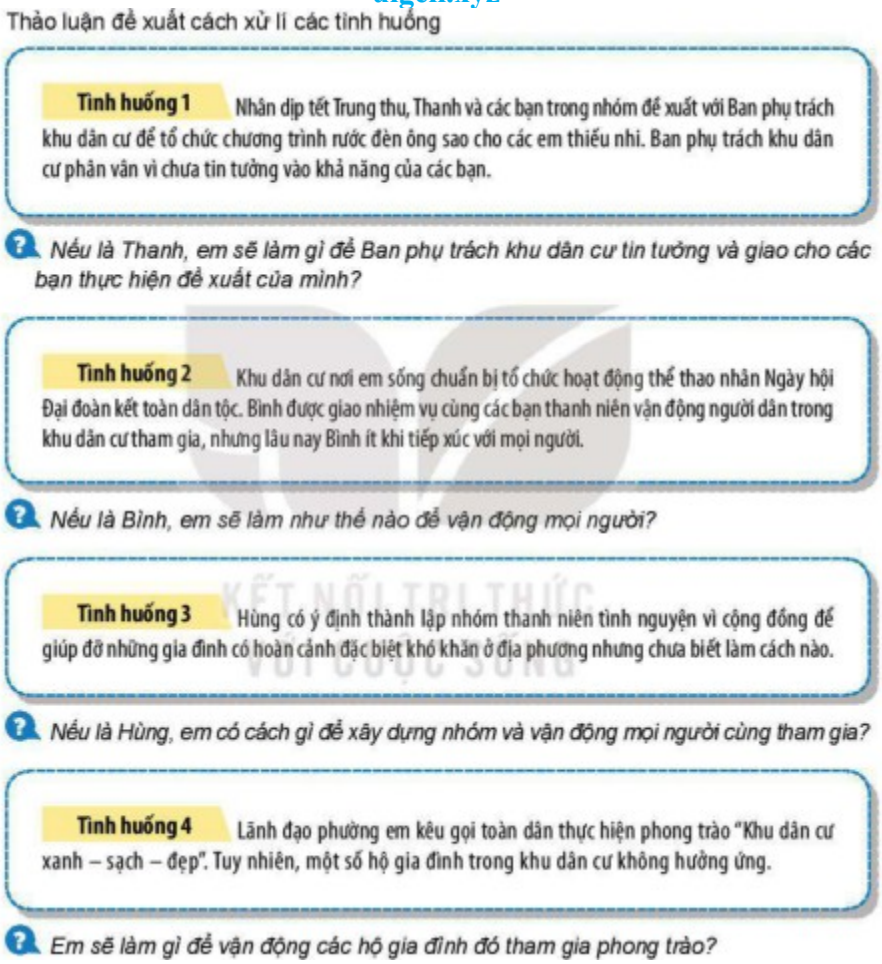


*Bốn tình huống xây dựng và phát triển các mối quan hệ trong cộng đồng — SGK trang 39*

**Nhiệm vụ 2.7. Đề xuất cách xử lí bốn tình huống ở trang 39 (22′)**

**a) Mục tiêu:** Đề xuất được cách xử lí bốn tình huống xây dựng và phát triển mối quan hệ với mọi người trong cộng đồng, mỗi cách xử lí dựa vào một biện pháp đã học ở tiết 51.

**b) Nội dung:** Học sinh xử lí bốn tình huống nguyên văn ở sách giáo khoa trang 39: Thanh xin Ban phụ trách khu dân cư tin tưởng giao việc tổ chức rước đèn Trung thu; Bình phải vận động người dân tham gia hoạt động thể thao trong khi lâu nay ít tiếp xúc với mọi người; Hùng muốn lập nhóm thanh niên tình nguyện giúp gia đình khó khăn nhưng chưa biết bắt đầu từ đâu; một số hộ gia đình không hưởng ứng phong trào "Khu dân cư xanh – sạch – đẹp".

**c) Sản phẩm:** Phương án xử lí của nhóm cho tình huống được giao, gồm ba phần: việc làm đầu tiên, người cần gặp và câu nói mở đầu; ghi rõ phương án dựa vào biện pháp nào ở tiết 51.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên phát bản in bốn tình huống, bốc thăm chia mỗi nhóm một tình huống và nêu ba phần bắt buộc của phương án; nhắc mỗi nhóm phải chỉ ra phương án của mình dựa vào biện pháp nào đã học.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm bàn phương án và viết ra giấy A3. Giáo viên gợi ý bằng câu hỏi riêng cho từng tình huống: Thanh có thể đưa ra bằng chứng nào để người lớn yên tâm; Bình nên gặp ai trước khi gõ cửa từng nhà; Hùng cần bao nhiêu người là đủ để bắt đầu; các hộ chưa hưởng ứng đang vướng điều gì.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Bốn nhóm trình bày, mỗi nhóm khoảng một phút rưỡi, có phân vai đọc câu nói mở đầu. Các nhóm còn lại đóng vai người được thuyết phục và nêu một câu hỏi khó.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Cả bốn tình huống đều gỡ được theo một hướng chung: tìm đúng người cần gặp trước, mở đầu bằng một việc nhỏ có thể làm ngay và làm cho thật xong để tạo niềm tin. Chưa có việc làm được thì lời thuyết phục còn nhẹ.

**Hoạt động 3. Luyện tập – Chọn biện pháp cho một việc chung có thật (12′)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng được các biện pháp đã học để chọn cách góp sức vào một việc chung đang cần người ở khu dân cư của mình.

**b) Nội dung:** Mỗi học sinh lấy một việc còn dang dở ở cột thứ hai trên bảng lớp từ tiết 51, chọn một biện pháp phát triển cộng đồng và một cách xây dựng quan hệ đã học, rồi ghép thành một việc cụ thể của riêng mình, điền vào mục D1 Phụ lục 1.

**c) Sản phẩm:** Bảng D1 của mỗi học sinh gồm việc chung được chọn, biện pháp sử dụng, người cần gặp và việc làm đầu tiên trong tuần tới.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên chiếu lại danh sách việc còn dang dở ghi từ tiết 51 và hướng dẫn cách điền bốn cột của bảng D1.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (5′):** Học sinh điền bảng cá nhân. Giáo viên đi một vòng, tập trung giúp em nào chưa nêu được người cần gặp bằng câu hỏi: ở xóm em ai là người đứng ra lo việc này.

**3. Báo cáo, thảo luận (3′):** Học sinh trao đổi bảng theo cặp, mỗi em nhận xét bảng của bạn theo hai câu hỏi: việc này có làm được trong một tuần không và em đã biết gặp ai chưa.

**4. Kết luận, nhận định (2′):** GV chốt: Chọn đúng một việc nhỏ và biết gõ cửa đúng người là đủ để bắt đầu. Bảng D1 này sẽ được dùng tiếp ở năm tiết sau của chủ đề.

**Hoạt động 4. Vận dụng – Thử một việc ở khu dân cư và ghi lại (8′)**

**a) Mục tiêu:** Thực hiện được việc đã chọn ở khu dân cư trong tuần tiếp theo và ghi lại kết quả cùng phản ứng của người xung quanh.

**b) Nội dung:** Trong tuần tới, mỗi học sinh làm việc đã ghi ở bảng D1, dùng ít nhất một biện pháp xây dựng quan hệ đã học ở tiết 51; ghi lại vào mục D2 Phụ lục 1 ba dòng gồm việc đã làm, người đã gặp và điều mình học được. Kết quả nộp lại ở tiết 55.

**c) Sản phẩm:** Ba dòng ghi chép ở mục D2 Phụ lục 1 của mỗi học sinh, có thể kèm chữ kí xác nhận của người lớn trong gia đình hoặc của tổ trưởng tổ dân phố.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên nêu rõ ba dòng cần ghi và cách xin xác nhận; nhắc lại quy định an toàn khi đi lại ở khu dân cư và yêu cầu báo trước với gia đình.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (3′):** Học sinh ghi lịch thực hiện vào Phụ lục 1 và hẹn nhau theo địa bàn để cùng làm. Giáo viên lưu ý em nào ở xa nhau thì làm riêng, không cố ghép nhóm.

**3. Báo cáo, thảo luận (2′):** Hai học sinh nói trước lớp việc mình định làm và ngày sẽ làm. Lớp góp ý cho hai kế hoạch đó.

**4. Kết luận, nhận định (1′):** GV chốt: Đợt học này khép lại ở đây nhưng việc ngoài khu dân cư mới bắt đầu. Kết quả các em mang về sẽ là nguyên liệu cho năm tiết tiếp theo của chủ đề.

## IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

# PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 5 – PHẦN ĐẦU (TIẾT 51 ĐẾN TIẾT 54)

*Họ và tên:* …… *Lớp:* …… *Nhóm:* ……

## A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Kể một việc chung mà khu dân cư nơi em sống đã làm trong năm qua.
2. Em hoặc gia đình em đã góp phần gì vào việc chung đó?
3. Ở nơi em sống còn việc chung nào đang dang dở vì thiếu người làm?

## B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 5 – PHẦN ĐẦU

| Nội dung | Ý chính (SGK nói gì?) | Ví dụ ở khu dân cư em | Rút ra điều gì? |
|---|---|---|---|
| *Gợi ý cách ghi →* | *Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.* | *Nêu một việc có thật ở nơi em sống.* | *Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.* |
| 1. Biện pháp xây dựng và phát triển cộng đồng | | | |
| 2. Biện pháp xây dựng, phát triển quan hệ với mọi người trong cộng đồng | | | |
| 3. Biện pháp quản lí việc thực hiện hoạt động phát triển cộng đồng | | | |
| 4. Hành vi văn minh nơi công cộng và trách nhiệm của thanh niên | | | |

## C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

Trong bốn tiết này em làm hai việc gắn với công nghệ, cả hai đều làm trên giấy còn thầy cô là người thao tác trên máy tính của lớp: viết lời phản hồi cho ba tình huống tranh luận trong nhóm chung của khu dân cư, và đối chiếu ba quyền của người dùng với một ứng dụng quen thuộc.

### C1. Ba lời phản hồi cho ba người nghe khác nhau (làm theo nhóm)

– Tình huống 1 – một bác lớn tuổi trách các bạn trẻ làm ồn khi tập văn nghệ.

Lời phản hồi của nhóm em:

……

……
…

Vì sao nhóm em chọn cách nói này với bác? ……

– Tình huống 2 – một bạn cùng tuổi chê kế hoạch dọn vệ sinh ngõ xóm là hình thức.

Lời phản hồi của nhóm em:

……

……
…

Vì sao nhóm em chọn cách nói này với bạn? ……

– Tình huống 3 – một người em chưa quen hỏi gay gắt về khoản tiền đóng góp.

Lời phản hồi của nhóm em:

……

……
…

Vì sao nhóm em chọn cách nói này với người chưa quen? ……

**C2. Ba quyền của em đối với dữ liệu của chính mình**

*Thầy cô chiếu lên tivi trang cài đặt quyền riêng tư của một ứng dụng mà lớp quen dùng. Em đối chiếu và đánh dấu vào cột phù hợp.*

| Quyền của người dùng | Ứng dụng có nói rõ không? | Em tìm thấy ở mục nào? |
|---|---|---|
| Quyền được biết dữ liệu nào của mình đang bị thu thập | | |
| Quyền đồng ý hoặc từ chối cho thu thập dữ liệu | | |
| Quyền yêu cầu xoá dữ liệu của mình | | |

– Quyền nào em thấy chưa được nói rõ? Vì sao điều đó đáng lưu ý? ……

……
…

**D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**D1. Em góp sức vào một việc chung ở khu dân cư**

| Việc chung em chọn | Biện pháp em sử dụng | Người em cần gặp | Việc làm đầu tiên trong tuần tới |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |

**D2. Ghi lại sau khi đã làm (nộp ở tiết 55)**

– Việc em đã làm:

……

– Người em đã gặp và phản ứng của họ:

……

– Điều em học được:

……

– Xác nhận của người lớn trong gia đình hoặc tổ trưởng tổ dân phố (nếu có): ……

# PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

## 1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

| Nội dung | Ý chính (SGK nói gì?) | Ví dụ minh hoạ | Rút ra điều gì? |
|---|---|---|---|
| 1. Biện pháp xây dựng và phát triển cộng đồng | SGK trang 38 gợi ý ba biện pháp: tham gia hoạt động xây dựng nếp sống văn minh; tham gia hoạt động giữ gìn và phát huy truyền thống; mở rộng mối quan hệ và thu hút cộng đồng tham gia hoạt động xã hội. Dấu ba chấm cuối phần gợi ý là chỗ để học sinh bổ sung. | Xây dựng nếp sống văn minh gồm phòng chống tệ nạn xã hội và ứng xử có văn hoá; giữ gìn truyền thống gồm hoạt động nhân đạo và đền ơn đáp nghĩa. | Phát triển cộng đồng là chuỗi việc nhỏ lặp lại đều đặn, không phải một sự kiện lớn làm một lần rồi thôi. |
| 2. Biện pháp xây dựng, phát triển quan hệ với mọi người trong cộng đồng | SGK trang 38 nêu ba biện pháp: tham gia các hoạt động ở cộng đồng; chủ động giao tiếp, thăm hỏi, làm quen; sẵn sàng giúp đỡ mọi người trong cộng đồng. | Với người đã quen thì thăm hỏi khi nhà có việc; với người chưa quen thì cần một câu mở đầu và một lí do chính đáng để bắt chuyện, ví dụ hỏi đường đi đến nhà văn hoá. | Quan hệ trong cộng đồng lớn dần từ những lần chủ động mở lời, không tự nhiên mà có. |
| 3. Biện pháp quản lí việc thực hiện hoạt động phát triển cộng đồng | SGK trang 38 nêu ba khâu: lập kế hoạch hoạt động phù hợp; xây dựng nhóm nòng cốt, phân công, điều hành tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm. | Thiếu nhóm nòng cốt thì hôm tổ chức không ai mở cửa nhà văn hoá và không ai nhắc mọi người đến đúng giờ; thiếu khâu rút kinh nghiệm thì lần sau vẫn vấp đúng chỗ cũ. | Ba khâu nối nhau thành vòng; khâu hay bị bỏ nhất là kiểm tra và rút kinh nghiệm. |
| 4. Hành vi văn minh nơi công cộng và trách nhiệm của thanh niên | SGK trang 38 yêu cầu chia sẻ hành vi văn minh hoặc chưa văn minh nơi công cộng, thái độ có trách nhiệm hoặc thiếu trách nhiệm, rồi liên hệ bản thân; sau đó thảo luận chủ đề "Thanh niên cần làm gì để xây dựng cộng đồng văn minh, hiện đại?". | Ba gợi ý về trách nhiệm: gương mẫu chấp hành quy định của cộng đồng; tích cực tham gia hoạt động phát triển cộng đồng; tích cực tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện theo Hiến pháp và pháp luật. | Nơi công cộng là chỗ dùng chung, nên văn minh chính là giữ phần tiện lợi cho người đến sau; trách nhiệm của thanh niên bắt đầu từ việc tự mình gương mẫu. |

## 2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

**Mục C1** – ba lời phản hồi phải khác nhau về cách xưng hô và giọng điệu vì ba người nghe khác nhau. Với bác lớn tuổi: nhận lỗi phần mình trước, xin lỗi vì tiếng ồn rồi đề nghị đổi giờ tập. Với bạn cùng tuổi: không tranh cãi chuyện hình thức hay không, mà rủ bạn cùng làm một buổi rồi hẵng kết luận. Với người chưa quen hỏi gay gắt về tiền: trả lời đúng con số, nói rõ ai giữ sổ và mời người đó xem sổ thu chi.

**Mục C1 –** điểm chung của cả ba lời phản hồi tốt: nói vào việc chứ không nói về người, xưng hô đúng vai, và kết lại bằng một đề nghị cụ thể. Học sinh viết lời phản hồi chỉ để đọc trong lớp, tuyệt đối không đăng lên mạng.

**Mục C2 –** ba quyền cần nêu đúng tên: quyền được biết dữ liệu nào của mình đang bị thu thập; quyền đồng ý hoặc từ chối việc thu thập; quyền yêu cầu xoá dữ liệu của mình. Trên phần lớn ứng dụng, quyền được biết thường có trong mục Chính sách quyền riêng tư, còn quyền yêu cầu xoá hay bị nói mờ nhạt nhất — đó chính là chỗ đáng lưu ý.

**Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):**

– Viết đủ ba lời phản hồi cho ba người nghe khác nhau: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Nêu được lí do chọn cách nói cho từng người nghe: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Lời phản hồi nói vào việc, không nhận xét về người: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Kể đúng tên ba quyền của người dùng và chỉ ra được quyền chưa được nói rõ: Đạt hoặc Chưa đạt.

### 3. Lỗi thường gặp và gợi mở

**Lỗi 1 –** học sinh chép lại ba biện pháp trong sách mà không có việc thật đi kèm. Gợi mở: hỏi ở xóm em ngày Tết mọi người cùng làm gì, khi có nhà gặp chuyện buồn thì hàng xóm làm gì.

**Lỗi 2 –** biện pháp xây dựng quan hệ dừng ở mức chủ động giao tiếp. Gợi mở: yêu cầu viết ra câu nói mở đầu cụ thể sẽ dùng khi gặp một bác hàng xóm mới chuyển đến.

**Lỗi 3 –** phần liên hệ bản thân biến thành bản kể tội người khác ở chợ, ở bến xe. Gợi mở: nhắc lại quy ước chỉ nói về hành vi của mình, và hỏi trong tuần qua em đã có lần nào làm phiền người xung quanh chưa.

**Lỗi 4 –** ba lời phản hồi trên mạng dùng chung một giọng cho cả ba người nghe. Gợi mở: đọc to lời viết cho bạn cùng tuổi rồi hỏi nếu nói đúng câu ấy với bác lớn tuổi thì bác sẽ nghĩ gì.

**Lỗi 5 –** phương án xử lí bốn tình huống chỉ nói sẽ cố gắng thuyết phục mà không nêu người cần gặp. Gợi mở: hỏi ở tình huống này em gõ cửa nhà ai trước và mở đầu bằng câu gì.

### 4. Bảng tiêu chí đánh giá

| Tiêu chí | Đạt tốt | Đạt | Chưa đạt |
|---|---|---|---|
| Kiến thức, quy trình | Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng. | Đúng các ý hoặc bước chính. | Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi. |
| Sản phẩm và dữ liệu | Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số. | Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản. | Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị. |
| Năng lực số và AI (Phụ lục 3) | Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng. | Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra. | Nhầm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy. |
| Hợp tác, an toàn | Đúng vai, đúng giờ; trung | Hoàn thành nhiệm vụ | Thiếu phối hợp hoặc vi |

| Tiêu chí | Đạt tốt | Đạt | Chưa đạt |
|---|---|---|---|
| | thực và an toàn. | cơ bản. | phạm an toàn. |

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**
**(Ký và ghi rõ họ tên)**

**....., ngày …… tháng …… năm 2026**
**GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)**

**SỞ GD&ĐT: ……**
**TRƯỜNG: ……**
**TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP**

# KẾ HOẠCH BÀI DẠY
## HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 11
*(Năm học 2026 - 2027)*

## CHỦ ĐỀ 5. PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG (TIẾP)
*(Số tiết: 5 — tiếp theo chủ đề 5, tuần 19 đến tuần 20, tiết 55 đến tiết 59)*

*Bốn tiết đầu của chủ đề 5 đã dạy ở tuần 17 đến tuần 18, tiết 51 đến tiết 54, gồm biện pháp xây dựng và phát triển cộng đồng, hành vi văn minh nơi công cộng, trách nhiệm của thanh niên và bốn tình huống ở trang 39. Kế hoạch bài dạy này dạy tiếp năm tiết còn lại và không dạy lại phần đã xong.*

Giáo viên: …… | Lớp: …… | Ngày dạy: ……

## I. MỤC TIÊU

### 1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau năm tiết tiếp theo của chủ đề này, học sinh:

– Xây dựng được kịch bản tương tác theo nội dung ở sách giáo khoa trang 40 và tham gia diễn kịch tương tác để thể hiện hành vi văn minh, trách nhiệm của bản thân với cộng đồng.

– Xây dựng được một kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển cộng đồng phù hợp với lứa tuổi, đủ tám mục theo mẫu ở sách giáo khoa trang 40.

– Chia sẻ được kế hoạch trước lớp, tiếp thu góp ý và điều chỉnh lại kế hoạch cho khả thi hơn.

– Đề xuất được giải pháp quản lí việc thực hiện hoạt động theo kế hoạch đã xây dựng.

– Xây dựng và thực hiện được một kế hoạch truyền thông trong cộng đồng về vấn đề văn hoá mạng xã hội, theo mẫu tám mục ở sách giáo khoa trang 41.

– Chọn được kênh truyền thông phù hợp với từng nhóm người nghe và giải thích được lí do chọn.

– Đánh giá được ý nghĩa của hoạt động phát triển cộng đồng đối với cá nhân và đối với cộng đồng.

### 2. Năng lực

**Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp:** năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi lập kế hoạch phát triển cộng đồng, phân công việc và theo dõi tiến độ; năng lực thích ứng với cuộc sống khi đứng trước người dân ở khu dân cư để nói về một việc chung.

**Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác khi diễn kịch tương tác và khi phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi buổi truyền thông không diễn ra như dự tính; tự chủ và tự học khi tự đánh giá phần việc của mình.

**Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)**

**2.1.NC1a – 2.1. Tương tác thông qua công nghệ số — Tương tác thông qua các công nghệ số khác nhau và nhận biết được phương tiện giao tiếp số nào phù hợp cho một bối cảnh nhất định.. Cụ thể trong chủ đề này: HS chọn phương tiện số phù hợp cho từng khâu truyền thông cộng đồng, lập bảng đối chiếu nhóm chat - bài trình chiếu - bản tin phát thanh theo tiêu chí đối tượng, chi phí, mức lan toả.**

**11.B3 – B3. Nguyên tắc đạo đức và trách nhiệm xã hội — Đạo đức trong thiết kế AI. Cụ thể trong chủ đề này: HS sơ đồ hoá các vấn đề đạo đức có thể phát sinh khi dùng AI trong hoạt động cộng đồng: thiên lệch khi chọn người hỗ trợ, thiếu minh bạch; đối chiếu với tình huống thật ở địa phương.**

**Minh chứng: kịch bản tương tác của nhóm; bản kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển cộng đồng đủ tám mục; bảng đối chiếu ba kênh truyền thông kèm lí do chọn kênh; bản kế hoạch truyền thông về văn hoá mạng xã hội; sơ đồ vấn đề đạo đức trong thiết kế AI gồm thiên lệch dữ liệu, thiếu minh bạch và biện pháp giảm rủi ro; phiếu đánh giá ý nghĩa hoạt động phát triển cộng đồng.**

**3. Phẩm chất**

**Yêu nước:** gắn bó với khu dân cư nơi mình sống, sẵn lòng bỏ công cho việc chung.

**Nhân ái:** tôn trọng người nghe, quan tâm để không ai trong cộng đồng bị bỏ sót.

**Trách nhiệm:** làm hết phần việc đã nhận trong kế hoạch, đúng mốc thời gian đã ghi.

**Trung thực:** báo cáo đúng số người đã đến và đúng những gì người dân đã nói.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**Giáo viên:** sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 36–42 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có nối mạng; giấy A3, giấy A4 và bút màu; bản in nội dung kịch bản tương tác ở trang 40 kèm năm lời thoại gợi ý; bản in khung kế hoạch tám mục ở trang 40 và khung kế hoạch truyền thông ở trang 41; bản in một ví dụ về phần mềm gợi ý danh sách hộ cần giúp đỡ, dùng số liệu giả định; sản phẩm của bốn tiết trước gồm bảng biện pháp phát triển cộng đồng, sơ đồ ba khâu quản lí và thẻ trách nhiệm của thanh niên, mang ra treo lại từ đầu tiết 55; phiếu học tập ở Phụ lục 1.

**Học sinh:** sách giáo khoa, vở, bút; bảng D1 và ghi chép ở mục D2 Phụ lục 1 của đợt học trước, nộp lại ở tiết 55; giấy nhớ; tư liệu thu được sau buổi truyền thông ở khu dân cư gồm ghi chép, ảnh chụp hoặc chữ kí xác nhận nếu có.

**Phương án dự phòng:** trường chỉ có tivi và một máy tính của giáo viên, học sinh không có thiết bị riêng nên kế hoạch, kịch bản và bảng đối chiếu kênh đều viết trên giấy; giáo viên là người thao tác trên máy. Nhóm nào không chụp được ảnh buổi truyền thông thì nộp ghi

chép kèm chữ kí xác nhận của trưởng thôn hoặc tổ trưởng tổ dân phố, vẫn được tính là tư liệu đầy đủ. Khi mất điện hoặc không có mạng, các nhóm dán sản phẩm lên bảng thay cho chiếu tivi; tiết học vẫn chạy đủ nội dung.

**An toàn:** học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân trên máy của lớp và không đăng ảnh hay lời nói của người dân lên mạng. Tư liệu về người dân chỉ dùng trong lớp khi người đó đã đồng ý; tên người ghi bằng chữ cái đầu, không ghi số nhà hay số điện thoại. Khi đi truyền thông ở khu dân cư, học sinh đi theo nhóm vào ban ngày, báo trước với gia đình, có trưởng thôn hoặc tổ trưởng tổ dân phố biết và về trước khi trời tối.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**Mạch bài:** diễn thử một tình huống có thật → lập kế hoạch cho việc chung → bàn cách quản lí để kế hoạch chạy → chọn kênh nói cho đúng người nghe → làm thật rồi đánh giá ý nghĩa.

| Tiết | Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm | Sản phẩm nối tiếp | Thời gian |
|---|---|---|---|
| 55 | Gặp hai người hàng xóm cãi nhau vì lối đi chung thì nên can hay nên tránh? | Kịch bản tương tác của nhóm và phần diễn trước lớp | 45 phút |
| 56 | Một kế hoạch phát triển cộng đồng cần đủ những mục nào? | Bản kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển cộng đồng đủ tám mục | 45 phút |
| 57 | Kế hoạch đã có rồi, quản lí thế nào để nó chạy được đến cuối? | Bảng giải pháp quản lí ba khâu và bản kế hoạch đã chỉnh sau góp ý | 45 phút |
| 58 | Nói chuyện văn hoá mạng xã hội với người trong xóm bằng kênh nào? | Bảng đối chiếu ba kênh truyền thông và bản kế hoạch truyền thông tám mục | 45 phút |
| 59 | Làm xong rồi thì được gì, cho mình và cho cộng đồng? | Báo cáo kết quả truyền thông và phiếu đánh giá ý nghĩa hoạt động | 45 phút |

## TIẾT 55. KỊCH TƯƠNG TÁC VỀ HÀNH VI VĂN MINH NƠI CÔNG CỘNG

**Hoạt động 1. Mở đầu – Nhìn lại việc em đã làm ở khu dân cư (8′)**

**a) Mục tiêu:** Nối lại mạch bốn tiết trước bằng chính kết quả học sinh mang về, và làm xuất hiện câu hỏi của đợt học này là gặp chuyện chưa văn minh ngoài đường thì nên làm gì.

**b) Nội dung:** Học sinh nộp mục D2 Phụ lục 1 của đợt trước và kể ngắn việc mình đã làm ở khu dân cư. Sau đó giáo viên nêu tình huống mở đầu: đi học về gặp hai người hàng xóm cãi nhau vì vật liệu xây dựng để lấn lối đi chung, mình nên can hay nên đi qua.

**c) Sản phẩm:** Bảng thống kê nhanh trên bảng lớp về số việc đã làm được của cả lớp; hai luồng ý kiến nên can thiệp và không nên can thiệp, ghi thành hai cột.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên thu mục D2 Phụ lục 1, treo lại ba sản phẩm của bốn tiết trước lên bảng và mời ba học sinh kể việc mình đã làm ở khu dân cư.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (3′):** Học sinh nghe bạn kể, đối chiếu với việc của mình rồi giơ tay để giáo viên đếm nhanh: bao nhiêu em đã làm xong, bao nhiêu em còn dang dở và vướng ở đâu.

**3. Báo cáo, thảo luận (2′):** Giáo viên nêu tình huống hai người hàng xóm cãi nhau. Lớp chia thành hai luồng ý kiến nên can và không nên can; mỗi bên cử một bạn nói một câu bảo vệ ý mình.

**4. Kết luận, nhận định (1′):** GV chốt: Hai luồng ý kiến này chính là điều tiết học hôm nay phải gỡ. Thay vì tranh luận suông, lớp sẽ dựng thành kịch rồi tự chọn lấy cái kết.

**Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề**

**a) Mục tiêu:** Đi ba định hướng còn lại của chủ đề trong sách giáo khoa trang 37, gồm thể hiện hành vi văn minh và trách nhiệm với cộng đồng, xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển cộng đồng cùng giải pháp quản lí, và xây dựng kế hoạch truyền thông về văn hoá mạng xã hội.

**b) Nội dung:** Sáu nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 55 đến tiết 59, bám hoạt động 4, hoạt động 5, hoạt động 6 và hoạt động 7 của sách giáo khoa từ trang 39 đến trang 42.

**c) Sản phẩm:** Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện**

**Nhiệm vụ 2.1. Xây dựng kịch bản tương tác (20′)**

**a) Mục tiêu:** Xây dựng được kịch bản tương tác theo nội dung ở sách giáo khoa trang 40, có đủ lời thoại của các vai và để ngỏ phần kết cho người xem chọn.

**b) Nội dung:** Học sinh dựng kịch bản từ nội dung nguyên văn ở sách giáo khoa trang 40: trên đường đi học về, Tuấn và Nam gặp hai người trong khu dân cư đang cãi nhau vì vật liệu xây dựng để lấn chiếm lối đi chung; Nam định vào dàn hoà thì Tuấn ngăn lại. Kịch bản dùng năm lời thoại gợi ý trong sách cho người dân thứ nhất, người dân thứ hai, Nam, Tuấn và người dẫn chương trình.

**c) Sản phẩm:** Kịch bản tương tác của nhóm dài khoảng mười lăm lượt lời, có đủ năm vai theo gợi ý và kết thúc mở để người xem chọn diễn biến.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (4′):** Giáo viên phát bản in nội dung kịch bản và năm lời thoại gợi ý ở trang 40, giải thích kịch tương tác khác kịch thường ở chỗ người xem được chọn cái kết; phân mỗi nhóm dựng một kịch bản.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (9′):** Các nhóm viết kịch bản và phân vai tập thử. Giáo viên đi từng nhóm, nhắc giữ đúng tính cách hai người dân theo gợi ý trong sách: một người chỉ trích gay gắt, một người cho rằng để vật liệu ở đâu là quyền của mình.

**3. Báo cáo, thảo luận (4′):** Hai nhóm đọc thử kịch bản của mình. Lớp góp ý phần lời thoại nào nghe chưa giống lời người thật đang nói ngoài ngõ.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Kịch bản tốt là kịch bản để hai bên đều có lí của mình, nhờ vậy người xem mới thấy khó chọn và mới phải suy nghĩ. Kết mở chính là chỗ dành cho người xem.

**Nhiệm vụ 2.2. Diễn kịch tương tác và chọn cái kết (17′)**

**a) Mục tiêu:** Tham gia kịch tương tác để thể hiện hành vi văn minh và trách nhiệm của bản thân với cộng đồng; lí giải được lựa chọn của mình.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ hai ở sách giáo khoa trang 40, các nhóm diễn kịch trước lớp. Đến đoạn Nam băn khoăn, người dẫn chương trình dừng lại và mời khán giả xung phong lên sắm vai Nam và Tuấn để chọn diễn biến, cái kết theo quan điểm của mình.

**c) Sản phẩm:** Phần diễn của hai nhóm trước lớp; ít nhất hai cái kết khác nhau do khán giả chọn, mỗi cái kết kèm một câu lí giải của người chọn.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên sắp chỗ diễn, nêu luật chơi: khi người dẫn chương trình dừng kịch, ai muốn đổi cái kết thì lên thay vai và diễn tiếp, không bình luận từ dưới chỗ ngồi.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (7′):** Hai nhóm lần lượt diễn. Khán giả xung phong lên thay vai Nam hoặc Tuấn để chọn cái kết khác. Giáo viên giữ nhịp để mỗi lượt diễn không quá ba phút.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Lớp so hai cái kết vừa xuất hiện: cái kết nào an toàn hơn cho Nam và Tuấn, cái kết nào giúp giải quyết được chuyện lối đi chung. Người vừa lên diễn nói một câu lí giải.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Can thiệp không có nghĩa là lao vào giữa đám cãi nhau. Cách văn minh và an toàn với lứa tuổi các em là báo cho người lớn có trách nhiệm ở khu dân cư, hoặc gọi thêm người quen của hai bên tới. Đứng ngoài hẳn thì lối đi chung vẫn bị lấn.

## TIẾT 56. LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

**Kết nối hai tiết (3′):** Tiết trước lớp đã thấy rằng muốn xử lí việc chung thì phải có người đứng ra lo và phải có cách làm. Tiết này biến điều đó thành một bản kế hoạch đủ mục để trình được với người lớn ở khu dân cư.

**HOẠT ĐỘNG TUYÊN TRUYỀN PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH**

| | |
|---|---|
| Mục tiêu | Nâng cao nhận thức cho người dân trong cộng đồng về phòng, chống dịch bệnh. |
| Nội dung | – Các loại dịch bệnh có thể xảy ra.<br>– Các biện pháp phòng, chống dịch bệnh.<br>– Ý thức, trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, xã hội để người dân có biện pháp phòng ngừa dịch bệnh. |
| Hình thức và phương tiện | Bảng tin, tờ rơi, loa phát thanh. |
| Phân công trách nhiệm | – Các bạn An, Cường xây dựng thông điệp truyền thông của tờ rơi.<br>– Các bạn Hương, Minh xây dựng nội dung phát thanh.<br>– Các bạn Nam, Bình viết bản tin. |
| Đối tượng truyền thông | Người dân trong khu dân cư. |
| Thời gian | Thứ Bảy, Chủ nhật. |
| Địa điểm | Khối (xóm, ấp, bản). |
| Kết quả mong đợi | Người dân chủ động, tích cực, tự giác thực hiện các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh và chăm sóc sức khoẻ bản thân. |

*Kế hoạch mẫu "Hoạt động tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh" — SGK trang 40*

**Nhiệm vụ 2.3. Hoàn thiện bản kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển cộng đồng (42′)**

**a) Mục tiêu:** Lựa chọn được một hoạt động phát triển cộng đồng phù hợp với lứa tuổi và xây dựng được kế hoạch đủ tám mục theo mẫu ở sách giáo khoa trang 40.

**b) Nội dung:** Học sinh dùng bản kế hoạch mẫu "Hoạt động tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh" ở sách giáo khoa trang 40 làm khuôn, giữ nguyên tám nhãn mục là mục tiêu, nội dung, hình thức và phương tiện, phân công trách nhiệm, đối tượng truyền thông, thời gian, địa điểm, kết quả mong đợi; thay nội dung bằng hoạt động nhóm mình chọn từ danh sách việc còn dang dở đã lập ở đợt học trước, rồi điền vào bảng ở mục D1 Phụ lục 1.

**c) Sản phẩm:** Bản kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển cộng đồng của nhóm, đủ tám mục theo mẫu, có phân công cho từng thành viên và có kết quả mong đợi đo được.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′):** Giáo viên chiếu bản kế hoạch mẫu ở trang 40, chỉ ra tám nhãn mục và nhấn mạnh hai mục hay bị bỏ sót là phân công trách nhiệm và kết quả mong đợi; lưu ý mẫu trong sách phân công theo tên từng bạn chứ không giao chung cho cả nhóm.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (20′):** Các nhóm chọn hoạt động và điền bảng D1. Giáo viên đi từng nhóm, kiểm hai điều: mỗi thành viên đã có việc riêng chưa, và kết quả mong đợi đã đo được chưa. Nhóm nào chọn hoạt động quá sức thì gợi ý thu nhỏ lại trong phạm vi một xóm.

**3. Báo cáo, thảo luận (12′):** Ba nhóm trình bày kế hoạch. Các nhóm còn lại đóng vai Ban phụ trách khu dân cư, hỏi ba câu: ai làm việc này, làm vào lúc nào và làm xong thì nhìn vào đâu để biết là đạt.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Một kế hoạch chỉ trình được với người lớn khi mỗi việc có tên người phụ trách và có mốc thời gian. Kết quả mong đợi viết chung chung thì sau hoạt động không ai đánh giá được, và lần sau cũng không rút được kinh nghiệm gì.

## TIẾT 57. GIẢI PHÁP QUẢN LÍ VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

**Kết nối hai tiết (3′):** Bản kế hoạch của các nhóm đã đủ tám mục. Nhưng kế hoạch trên giấy và kế hoạch chạy được ngoài thực tế là hai chuyện khác nhau, và khoảng cách ấy nằm ở khâu quản lí.

**Nhiệm vụ 2.4. Chia sẻ, điều chỉnh kế hoạch và đề xuất giải pháp quản lí (42′)**

**a) Mục tiêu:** Chia sẻ được kế hoạch với bạn, tiếp thu góp ý để điều chỉnh; đề xuất được giải pháp quản lí việc thực hiện hoạt động theo kế hoạch đã xây dựng.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ hai và thứ ba ở sách giáo khoa trang 41, các nhóm đổi kế hoạch cho nhau để góp ý, chỉnh lại bản của mình, rồi đề xuất giải pháp quản lí bám vào ba khâu đã học ở tiết 52 là lập kế hoạch phù hợp, xây dựng nhóm nòng cốt và phân công điều hành, kiểm tra giám sát đánh giá rút kinh nghiệm.

**c) Sản phẩm:** Bản kế hoạch đã chỉnh của nhóm, có ghi rõ ba điểm đã sửa theo góp ý; bảng giải pháp quản lí ba khâu, mỗi khâu nêu người chịu trách nhiệm và cách biết khâu đó đã xong.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′):** Giáo viên treo lại sơ đồ ba khâu quản lí dựng ở tiết 52, hướng dẫn cách góp ý cho nhóm bạn bằng ba câu hỏi và giao mỗi nhóm đổi kế hoạch với một nhóm khác.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (18′):** Các nhóm đọc kế hoạch của nhau, ghi góp ý ra giấy nhớ rồi trả lại; sau đó mỗi nhóm chỉnh bản của mình và lập bảng giải pháp quản lí ba khâu. Giáo viên gợi ý nhóm nào còn bí ở khâu kiểm tra bằng câu hỏi: đến giữa chừng ai là người đếm xem đã làm được bao nhiêu phần và báo cho cả nhóm.

**3. Báo cáo, thảo luận (14′):** Ba nhóm trình bày ba điểm đã sửa và bảng giải pháp quản lí. Lớp phản biện bằng một câu hỏi duy nhất: nếu người phụ trách khâu này vắng mặt hôm đó thì ai thay.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Quản lí không phải là kiểm soát nhau mà là làm cho mỗi khâu đều có người chịu trách nhiệm và có dấu hiệu biết là đã xong. Kế hoạch nào cũng cần một người thay thế dự phòng, vì việc ở cộng đồng phụ thuộc nhiều vào thời tiết và lịch của người lớn.

## TIẾT 58. KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG TRONG CỘNG ĐỒNG VỀ VĂN HOÁ MẠNG XÃ HỘI

**Kết nối hai tiết (3′):** Hai tiết vừa rồi lớp đã có kế hoạch và cách quản lí cho một hoạt động cộng đồng. Tiết này làm một kế hoạch nữa nhưng cho một chủ đề khó nói hơn, đó là cách người trong xóm cư xử với nhau trên mạng xã hội.

**TRUYỀN THÔNG VỀ VĂN HOÁ GIAO TIẾP, ỨNG XỬ TRÊN MẠNG XÃ HỘI**

| | |
|---|---|
| Mục tiêu | Nâng cao nhận thức cho mọi người trong cộng đồng về văn hoá giao tiếp, ứng xử trên mạng xã hội. |
| Nội dung | – Các hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá trên mạng xã hội.<br>+ Xem tin tức, giải trí.<br>+ Tìm và kết bạn.<br>+ Trò chuyện, giao tiếp với bạn bè.<br>+ …<br>– Ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi giao tiếp trên mạng.<br>+ Viết tin, bài, nhắn tin.<br>+ Bình luận, nhận xét, đánh giá.<br>+ … |
| Hình thức | Toạ đàm, trao đổi. |
| Phân công trách nhiệm | – Các bạn Hà, Linh xây dựng nội dung, kịch bản chương trình.<br>– Bạn Ngọc dẫn chương trình.<br>– Các bạn Nhung, Công mượn địa điểm, trang trí và chuẩn bị phương tiện (micro, loa,…).<br>– Bạn Vinh, Yến điều hành tổ chức. |
| Đối tượng truyền thông | Người dân trong cộng đồng. |
| Thời gian | Ngày … tháng … năm … |
| Địa điểm | Nhà văn hoá thôn/ấp/bản/tổ dân phố,… |
| Kết quả mong đợi | Giúp mọi người hiểu rõ các hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá trên mạng xã hội. |

**Nhiệm vụ 2.5. Chọn kênh truyền thông và lập kế hoạch truyền thông (42′)**

**a) Mục tiêu:** Chọn được kênh truyền thông phù hợp với từng nhóm người nghe và giải thích được lí do chọn; xây dựng được kế hoạch truyền thông trong cộng đồng về văn hoá mạng xã hội đủ tám mục theo mẫu ở sách giáo khoa trang 41.

**b) Nội dung:** Trước hết mỗi nhóm lập trên giấy bảng đối chiếu ba kênh là bảng tin của khu dân cư, loa phát thanh của xóm và nhóm nhắn tin chung, so theo ba tiêu chí người nghe là ai, tốn kém đến đâu, tin lan tới bao nhiêu người; rồi chọn kênh cho từng nhóm người nghe. Sau đó nhóm dùng bản kế hoạch mẫu "Truyền thông về văn hoá giao tiếp, ứng xử trên mạng xã hội" ở trang 41 làm khuôn để lập kế hoạch của mình, điền vào mục D2 Phụ lục 1.

**c) Sản phẩm:** Bảng đối chiếu ba kênh truyền thông ở mục C1 Phụ lục 1, có ô chọn kênh kèm lí do; bản kế hoạch truyền thông của nhóm đủ tám mục, nội dung bám hai nhánh trong sách là hành vi giao tiếp có văn hoá trên mạng và ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′):** Giáo viên phát bản in khung kế hoạch trang 41, kẻ bảng ba kênh lên bảng lớp và nêu rõ hai việc phải làm trong tiết: chọn kênh có lí do, rồi mới lập kế hoạch. Giáo viên nhắc phần kế hoạch viết trên giấy, không nhóm nào đăng gì lên mạng.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (18′):** Các nhóm lập bảng đối chiếu ba kênh rồi điền kế hoạch tám mục. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi lại nhóm nào chọn nhóm nhắn tin cho mọi đối tượng: các cụ trong xóm có dùng nhóm nhắn tin không, nếu không thì tin đến với các cụ bằng đường nào.

**3. Báo cáo, thảo luận (13′):** Ba nhóm trình bày bảng chọn kênh và kế hoạch. Giáo viên mở kênh mà một nhóm đã chọn trên máy tính của lớp và chiếu tivi để cả lớp nhìn thật, so với hình dung ban đầu của nhóm. Lớp góp ý phần nội dung tuyên truyền còn chung chung.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Không có kênh nào tốt cho mọi người. Chọn kênh là chọn theo người mình muốn nói tới: bảng tin hợp với người đi qua hằng ngày, loa phát thanh phủ được cả xóm kể cả người không dùng điện thoại, nhóm nhắn tin nhanh nhưng chỉ tới người đã trong nhóm. Một kế hoạch truyền thông tốt thường dùng hơn một kênh.

## TIẾT 59. THỰC HIỆN, CHIA SẺ KẾT QUẢ VÀ ĐÁNH GIÁ Ý NGHĨA HOẠT ĐỘNG

**Kết nối hai tiết (3′):** Giữa tiết 58 và tiết 59, các nhóm đã mang kế hoạch truyền thông ra thực hiện ở khu dân cư của mình. Tiết cuối chủ đề nhìn lại kết quả và trả lời câu hỏi những việc vừa làm có ý nghĩa gì, cho chính mình và cho cộng đồng.

**Nhiệm vụ 2.6. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch truyền thông (16′)**

**a) Mục tiêu:** Thực hiện được kế hoạch truyền thông trong cộng đồng và rút được kinh nghiệm từ chính buổi truyền thông đó.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ ba ở sách giáo khoa trang 42, mỗi nhóm báo cáo ba phần: đã tổ chức thực hiện kế hoạch ra sao, người dân phản hồi thế nào, và điểm cần rút kinh nghiệm cho lần sau.

**c) Sản phẩm:** Bản báo cáo ngắn của nhóm gồm ba phần, kèm tư liệu là ghi chép, ảnh chụp hoặc chữ kí xác nhận của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên nêu ba phần bắt buộc của báo cáo, giới hạn mỗi nhóm khoảng hai phút và nhắc quy định về tư liệu: chỉ dùng ảnh và lời của người đã đồng ý, tên gọi bằng chữ cái đầu.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (5′):** Các nhóm sắp xếp lại tư liệu, thống nhất người trình bày và chọn một điểm cần rút kinh nghiệm trung thực nhất. Giáo viên nhắc không bỏ qua phần rút kinh nghiệm.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Các nhóm lần lượt báo cáo. Giáo viên chiếu tư liệu đã được nhóm duyệt lên tivi khi nhóm trình bày. Lớp ghi vào vở một điều học được từ nhóm bạn.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Phần đáng giá nhất của báo cáo là điểm cần rút kinh nghiệm, vì đó là chỗ lần tổ chức sau sẽ khác đi. Số người đến nghe ít hơn dự tính không phải là thất bại nếu các em biết vì sao ít.

**Hoạt động 3. Luyện tập – Nhận diện vấn đề đạo đức trong thiết kế AI hỗ trợ cộng đồng (14′)**

**a) Mục tiêu: Sơ đồ hoá được hai vấn đề đạo đức trong thiết kế AI hỗ trợ cộng đồng: thiên lệch do dữ liệu không đầy đủ và thiếu minh bạch về tiêu chí xếp thứ tự.**

**b) Nội dung: Giáo viên phát bản in một ví dụ giả định: một hệ thống AI nhận thông tin từ biểu mẫu trực tuyến rồi xếp thứ tự các hộ cần hỗ trợ trong xóm. Mỗi nhóm lập sơ đồ Quyết định thiết kế – Vấn đề đạo đức – Người bị ảnh hưởng – Biện pháp, chỉ ra thiên lệch do dữ liệu không đầy đủ và sự thiếu minh bạch về tiêu chí xếp thứ tự; sau đó đối chiếu với tình huống thật ở địa phương.**

**c) Sản phẩm: Sơ đồ ở mục C2 Phụ lục 1 của mỗi nhóm có đủ bốn trường Quyết định thiết kế – Vấn đề đạo đức – Người bị ảnh hưởng – Biện pháp; nêu rõ ít nhất một biểu hiện thiên lệch và một điểm thiếu minh bạch.**

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên phát bản in ví dụ, nói rõ đây là tình huống và số liệu giả định; nêu câu hỏi trung tâm: quyết định thiết kế nào có thể tạo thiên lệch hoặc làm người dùng không hiểu vì sao hộ này được xếp trước hộ kia?**

**2. Thực hiện nhiệm vụ (6′): Các nhóm hoàn thành sơ đồ bốn trường. Giáo viên gợi ý: hộ không dùng điện thoại thông minh có xuất hiện trong dữ liệu không; người ngoài có biết hệ thống dựa vào tiêu chí nào để xếp hộ này trước hộ kia không; cần thêm bước kiểm tra của con người ở đâu?**

**3. Báo cáo, thảo luận (3′): Hai nhóm trình bày sơ đồ, gọi đúng tên vấn đề là thiên lệch dữ liệu hoặc thiếu minh bạch. Lớp bổ sung nhóm người dễ bị bỏ sót, ví dụ người già sống một mình hoặc hộ mới chuyển đến chưa có trong dữ liệu.**

**4. Kết luận, nhận định (2′): GV chốt: Khi thiết kế AI, dữ liệu thiếu có thể tạo thiên lệch và tiêu chí ẩn làm hệ thống thiếu minh bạch. Vì vậy phải công khai tiêu chí, bổ sung kênh thu thập ngoài biểu mẫu số và có người rà soát trước khi dùng kết quả để hỗ trợ cộng đồng.**

**Hoạt động 4. Vận dụng – Đánh giá ý nghĩa của hoạt động phát triển cộng đồng (12′)**

**a) Mục tiêu:** Đánh giá được ý nghĩa của hoạt động phát triển cộng đồng đối với cá nhân và đối với cộng đồng; tự đánh giá kết quả trải nghiệm chủ đề theo năm tiêu chí của sách giáo khoa.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ ba ở sách giáo khoa trang 42, học sinh ghi lại kết quả các hoạt động phát triển cộng đồng đã thực hiện và đánh giá ý nghĩa theo hai hướng là với bản thân và với cộng đồng; sau đó hoàn thành phiếu tự đánh giá năm tiêu chí ở phần Đánh giá cuối chủ đề trang 42 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

**c) Sản phẩm:** Phiếu hai hướng ý nghĩa của mỗi học sinh, mỗi ý nghĩa kèm một dẫn chứng lấy từ chính việc mình đã làm; phiếu tự đánh giá năm tiêu chí đã đánh dấu mức đạt được.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên viết hai hướng lên bảng và làm rõ khác biệt: ý nghĩa với bản thân là thay đổi ở chính em, còn ý nghĩa với cộng đồng là điều người trong xóm cũng nhận ra; sau đó chiếu năm tiêu chí ở trang 42.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (5′):** Học sinh viết phiếu cá nhân và đánh dấu phiếu tự đánh giá, ghi kèm tên sản phẩm chứng minh cho tiêu chí mình chọn mức Đạt. Giáo viên yêu cầu em nào viết ý nghĩa mà không có dẫn chứng thì quay lại tìm trong báo cáo của nhóm mình.

**3. Báo cáo, thảo luận (3′):** Bốn học sinh đọc phiếu theo hai hướng. Hai em chia sẻ tiêu chí mình chưa đạt và dự định làm tiếp; lớp góp ý cách làm.

**4. Kết luận, nhận định (1′):** GV chốt: Chủ đề khép lại ở đây nhưng quan hệ với khu dân cư thì còn tiếp. Một hoạt động phát triển cộng đồng có ý nghĩa khi để lại thay đổi thấy được ở người tham gia và ở nơi mình sống, chứ không phải khi tổ chức xong đúng lịch.

## IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

# PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 5 – PHẦN TIẾP (TIẾT 55 ĐẾN TIẾT 59)

*Họ và tên: …… Lớp: …… Nhóm: ……*

## A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Việc em đã làm ở khu dân cư sau đợt học trước đã xong chưa? Vướng ở đâu?

2. Đi học về gặp hai người hàng xóm cãi nhau vì lối đi chung, em sẽ can hay đi qua? Vì sao?

3. Ở xóm em, mọi người thường báo tin cho nhau về việc chung bằng cách nào?

## B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 5 – PHẦN TIẾP

| Nội dung | Ý chính (SGK nói gì?) | Ví dụ ở khu dân cư em | Rút ra điều gì? |
|---|---|---|---|
| *Gợi ý cách ghi →* | *Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.* | *Nêu một việc có thật ở nơi em sống.* | *Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.* |
| 1. Hành vi văn minh nơi công cộng qua kịch tương tác | | | |
| 2. Kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển cộng đồng | | | |
| 3. Giải pháp quản lí việc thực hiện hoạt động | | | |
| 4. Kế hoạch truyền thông về văn hoá mạng xã hội | | | |

## C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

Trong năm tiết này em làm hai việc gắn với công nghệ, cả hai đều làm trên giấy còn thầy cô thao tác trên máy tính của lớp: chọn kênh truyền thông phù hợp cho từng nhóm người nghe; sơ đồ hoá hai vấn đề đạo đức trong thiết kế AI hỗ trợ cộng đồng là thiên lệch dữ liệu và thiếu minh bạch.

### C1. Chọn kênh truyền thông cho từng nhóm người nghe (làm theo nhóm)

| Kênh truyền thông | Người nghe là ai? | Tốn kém đến đâu? | Tin lan tới bao nhiêu người? |
|---|---|---|---|
| Bảng tin của khu dân cư | | | |
| Loa phát thanh của xóm | | | |
| Nhóm nhắn tin chung | | | |

– Nhóm em chọn kênh nào để nói với các bác lớn tuổi trong xóm? Vì sao?

……

……
…
– Nhóm em chọn kênh nào để nói với các bạn cùng tuổi? Vì sao?
……

……
…
– Nếu chỉ được dùng một kênh duy nhất, nhóm em chọn kênh nào? Ai sẽ bị bỏ sót?
……

……
…

**C2. Khi để máy giúp chọn người được hỗ trợ**

*Thầy cô phát bản in một ví dụ giả định: một hệ thống AI nhận thông tin từ biểu mẫu trực tuyến rồi xếp thứ tự các hộ cần hỗ trợ trong xóm. Em hoàn thành sơ đồ Quyết định thiết kế – Vấn đề đạo đức – Người bị ảnh hưởng – Biện pháp.*

| Quyết định thiết kế / vấn đề đạo đức | Ai bị ảnh hưởng? | Cách tăng minh bạch / giảm thiên lệch |
|---|---|---|
| | | |
| | | |

**D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**D1. Kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển cộng đồng (làm theo nhóm)**

| Mục của kế hoạch | Nhóm em điền vào đây |
|---|---|
| Tên hoạt động | |
| Mục tiêu | |
| Nội dung | |
| Hình thức và phương tiện | |
| Phân công trách nhiệm (ghi tên từng bạn) | |
| Đối tượng truyền thông | |
| Thời gian và địa điểm | |
| Kết quả mong đợi | |

**D2. Kế hoạch truyền thông về văn hoá mạng xã hội (làm theo nhóm)**

| Mục của kế hoạch | Nhóm em điền vào đây |
|---|---|
| Tên hoạt động truyền thông | |
| Mục tiêu | |

| Mục của kế hoạch | Nhóm em điền vào đây |
|---|---|
| Nội dung | |
| Hình thức | |
| Phân công trách nhiệm (ghi tên từng bạn) | |
| Đối tượng truyền thông và kênh đã chọn | |
| Thời gian và địa điểm | |
| Kết quả mong đợi | |

**D3. Ý nghĩa của hoạt động phát triển cộng đồng (làm cá nhân)**

– Việc em đã tham gia:

……

– Ý nghĩa với bản thân em, kèm một dẫn chứng:

……

……

…

– Ý nghĩa với cộng đồng, kèm một dẫn chứng:

……

……

…

# PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

## 1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

| Nội dung | Ý chính (SGK nói gì?) | Ví dụ minh hoạ | Rút ra điều gì? |
|---|---|---|---|
| 1. Hành vi văn minh nơi công cộng qua kịch tương tác | SGK trang 39 và trang 40 cho nội dung kịch bản: Tuấn và Nam gặp hai người trong khu dân cư cãi nhau vì vật liệu xây dựng lấn lối đi chung; Nam định vào dàn hoà thì Tuấn ngăn lại. Sách gợi ý năm lời thoại và để người xem chọn diễn biến, cái kết. | Năm vai theo gợi ý: người dân thứ nhất chỉ trích gay gắt; người dân thứ hai cho rằng để vật liệu ở đâu là quyền của mình; Nam rủ cùng vào ngăn; Tuấn bảo về nhà, không nên can thiệp; người dẫn chương trình mời khán giả sắm vai chọn cái kết. | Can thiệp có trách nhiệm với lứa tuổi học sinh là báo người lớn có trách nhiệm ở khu dân cư, không lao vào giữa đám cãi nhau; đứng ngoài hẳn thì lối đi chung vẫn bị lấn. |
| 2. Kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển cộng đồng | SGK trang 40 đưa bản kế hoạch mẫu "Hoạt động tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh" gồm tám mục: mục tiêu, nội dung, hình thức và phương tiện, phân công trách nhiệm, đối tượng truyền thông, thời gian, địa điểm, kết quả mong đợi. | Mẫu ghi hình thức và phương tiện là bảng tin, tờ rơi, loa phát thanh; thời gian là Thứ Bảy, Chủ nhật; địa điểm là khối, xóm, ấp, bản; phân công theo tên từng bạn là An, Cường, Hương, Minh, Nam, Bình chứ không giao chung cho cả nhóm. | Kế hoạch chỉ trình được khi mỗi việc có tên người phụ trách và một mốc thời gian; kết quả mong đợi phải đo được. |
| 3. Giải pháp quản lí việc thực hiện hoạt động | SGK trang 41 yêu cầu chia sẻ kế hoạch với bạn, tiếp thu góp ý để điều chỉnh, rồi đề xuất giải pháp quản lí việc thực hiện hoạt động theo kế hoạch đã xây dựng. | Bám ba khâu đã học ở trang 38: lập kế hoạch phù hợp; xây dựng nhóm nòng cốt, phân công và điều hành; kiểm tra, giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm. Mỗi khâu cần người chịu trách nhiệm và một người thay thế dự phòng. | Quản lí là làm cho mỗi khâu có người chịu trách nhiệm và có dấu hiệu biết khâu đó đã xong, không phải là kiểm soát lẫn nhau. |
| 4. Kế hoạch truyền thông về văn hoá mạng xã hội | SGK trang 41 đưa bản kế hoạch mẫu "Truyền thông về văn hoá giao tiếp, ứng xử trên mạng xã hội" cũng gồm tám mục; trang 42 yêu cầu chia sẻ, điều chỉnh rồi tổ chức thực hiện và rút kinh nghiệm. | Nội dung mẫu đi hai nhánh: các hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá trên mạng xã hội gồm xem tin tức giải trí, tìm và kết bạn, trò chuyện với bạn bè; và ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi viết tin, nhắn tin, bình luận, nhận xét, đánh giá. Hình thức là toạ đàm, trao đổi; địa điểm là nhà văn hoá thôn, ấp, bản, tổ dân phố. | Chọn kênh là chọn theo người mình muốn nói tới; một kế hoạch truyền thông tốt thường dùng hơn một kênh để không bỏ sót ai. |

**2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1**

**Mục C1 –** ba kênh có thế mạnh khác nhau. Bảng tin của khu dân cư hợp với người đi qua hằng ngày, gần như không tốn kém nhưng tin lan chậm. Loa phát thanh phủ được cả xóm kể cả người không dùng điện thoại, nhưng nói một lần rồi thôi và giờ phát cố định. Nhóm nhắn tin nhanh và gửi lại được nhiều lần, nhưng chỉ tới người đã có trong nhóm.

**Mục C1 –** câu hỏi cuối là câu quan trọng nhất: nếu chỉ dùng nhóm nhắn tin thì các bác lớn tuổi và hộ không dùng điện thoại thông minh sẽ không nhận được tin. Học sinh nêu được đúng nhóm bị bỏ sót là đạt yêu cầu.

**Mục C2 – cần gọi đúng hai vấn đề đạo đức trong thiết kế: thiên lệch dữ liệu khi hộ không dùng điện thoại thông minh không có tên trong dữ liệu; thiếu minh bạch khi người ngoài không biết hệ thống dựa vào tiêu chí nào để xếp thứ tự. Biện pháp phù hợp là bổ sung kênh hỏi trực tiếp, công khai tiêu chí và để người có trách nhiệm rà soát kết quả.**

**Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):**

– Lập đủ bảng đối chiếu ba kênh theo ba tiêu chí: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Chọn kênh cho từng nhóm người nghe và nêu được lí do: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Chỉ ra được nhóm người bị bỏ sót nếu chỉ dùng một kênh: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Sơ đồ hoá được thiên lệch dữ liệu và thiếu minh bạch, kèm biện pháp giảm rủi ro: Đạt hoặc Chưa đạt.

**3. Lỗi thường gặp và gợi mở**

**Lỗi 1 –** kịch bản tương tác viết thành kịch thường, có sẵn cái kết nên khán giả không còn gì để chọn. Gợi mở: yêu cầu cắt bỏ đoạn cuối và dừng đúng lúc Nam đang băn khoăn.

**Lỗi 2 –** kế hoạch phân công chung cho cả nhóm. Gợi mở: chỉ vào mẫu trang 40, nơi sách ghi rõ tên từng bạn cho từng đầu việc, rồi hỏi hôm đó bạn nào cầm tờ rơi.

**Lỗi 3 –** kết quả mong đợi viết chung chung như hoạt động thành công tốt đẹp. Gợi mở: yêu cầu đổi thành một dấu hiệu đếm được, ví dụ số hộ đã nhận tờ rơi hoặc số người đến dự buổi toạ đàm.

**Lỗi 4 –** giải pháp quản lí dừng ở mức phân công lại, chưa nói ai kiểm tra và kiểm tra lúc nào. Gợi mở: hỏi đến giữa chừng ai là người đếm xem đã làm được bao nhiêu phần và báo cho cả nhóm.

**Lỗi 5 –** chọn nhóm nhắn tin cho mọi đối tượng vì thấy tiện nhất. Gợi mở: hỏi các cụ trong xóm có dùng nhóm nhắn tin không, nếu không thì tin đến với các cụ bằng đường nào.

**Lỗi 6 –** phần đánh giá ý nghĩa chỉ khen hoạt động hay mà không có dẫn chứng. Gợi mở: yêu cầu chỉ vào một câu người dân đã nói hoặc một việc đã thay đổi ở xóm sau buổi truyền thông.

**4. Bảng tiêu chí đánh giá**

| Tiêu chí | Đạt tốt | Đạt | Chưa đạt |
|---|---|---|---|
| Kiến thức, quy | Đúng và đủ ý; giải thích | Đúng các ý hoặc bước | Sai hoặc thiếu ý, bước cốt |

| Tiêu chí | Đạt tốt | Đạt | Chưa đạt |
|---|---|---|---|
| trình | hoặc thao tác có dẫn chứng. | chính. | lõi. |
| Sản phẩm và dữ liệu | Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số. | Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản. | Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị. |
| Năng lực số và AI (Phụ lục 3) | Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng. | Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra. | Nhầm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy. |
| Hợp tác, an toàn | Đúng vai, đúng giờ; trung thực và an toàn. | Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản. | Thiếu phối hợp hoặc vi phạm an toàn. |

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**
**(Ký và ghi rõ họ tên)**

**....., ngày …… tháng …… năm 2026**
**GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)**